

Số: 897/BC-UBND

Tam Đường, ngày 24 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện 8 tháng đầu năm 2023 về các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; tình hình giải ngân vốn đầu tư công, công tác giải phóng mặt bằng; tình hình thực hiện các chương trình MTQG và các nội dung khác có liên quan

Phần 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Sản xuất Nông - Lâm nghiệp: Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực 8.733 ha đạt 97,7% kế hoạch. Tổng sản lượng lương thực 35.798 tấn đạt 86,2% kế hoạch.

- Trồng trọt:

- Lúa: Thực hiện 4.622 ha đạt 98,8 % kế hoạch, sản lượng 24.272 tấn đạt 98,3 % kế hoạch, trong đó: Lúa đông xuân: Diện tích cho thu hoạch 672,61ha, sản lượng 3.568 tấn đạt 97 % kế hoạch. Lúa mùa 3.943 ha, đạt 98,6% kế hoạch¹, sản lượng 20.704 tấn đạt 98,6 % kế hoạch

- Ngô: Thực hiện 4.111 ha đạt 96,5 % kế hoạch; sản lượng 11.526 tấn đạt 68,3 % kế hoạch (hiện ngô thu đông chưa cho thu hoạch; ngô đông đang chỉ đạo thực hiện gieo trồng theo kế hoạch).

- Cây chè: Tổng diện tích chè hiện có 2.225,9 ha, cụ thể: chè tập trung 2.130,4 ha, diện tích chè kinh doanh 1.593,8 ha, sản lượng thu hoạch chè búp tươi đạt 11.425/14.350 tấn; Chè cổ thụ 95,5 ha. Trồng mới thực hiện 79,92/75 ha, đạt 106,6% KH (trong đó: chè cổ thụ 9,92/5 ha, chè tập trung 70/70 ha).

- Cây ăn quả: Tổng diện tích 1.136,47 ha, trong đó: trồng mới 300,37 ha (cây chanh leo); diện tích chăm sóc 106,8 ha; diện tích thu hoạch 729,3 ha, sản lượng ước đạt 3.800 tấn, đạt 65 % kế hoạch.

- Chăn nuôi, Thủy sản

+ Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc 36.480 con, đạt 97% so KH; tổng đàn gia cầm 249.000 con. Chỉ đạo tiêm phòng gia súc 24.386 liều vắc xin, đạt 95% số liều.

+ Thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản 212,5 ha, đạt 100% so KH; sản lượng thu hoạch ước 540 tấn đạt 66,7 % kế hoạch.

¹ Diện tích 56 ha lúa mùa chuyển đổi sang trồng cây chanh leo

- **Lâm nghiệp:** Chỉ đạo, đôn đốc triển khai, thực hiện tốt kế hoạch phát triển rừng bền vững, thâm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn 100 ha đạt 100% so KH, phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán khoanh nuôi tái sinh tự nhiên 2.742,2 ha, đạt 109,7 so KH. Đến nay trồng rừng mới 46,09/100 ha, ước thực hiện cả năm đạt 100% KH; chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên 43.250 triệu đồng.

- **Công tác thủy lợi, nước sinh hoạt:** Thường xuyên kiểm tra quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, NSH trước mùa mưa lũ, lập kế hoạch sửa chữa công trình bị hư hỏng, đảm bảo nước tưới cho sản xuất, nước sinh hoạt cho nhân dân. Đến nay, toàn huyện hiện có 160 công trình với 435,5 km kênh mương thủy lợi. Tỷ lệ dân số nông thôn và hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

- **Công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:** Đến nay xảy ra 05 đợt mưa to, gió lốc; tổng giá trị thiệt hại ước 16.485 triệu đồng. Ngay sau các đợt thiên tai, UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn kịp thời rà soát, tổng hợp tình hình thiệt hại và triển khai các biện pháp khắc phục, hỗ trợ, sớm ổn định đời sống và sản xuất cho nhân dân.

- **Xây dựng Nông thôn mới:** Thực hiện tốt lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn huyện để thực hiện chương trình NTM; trình Hội đồng cấp tỉnh phân hạng 6 sản phẩm 4 sao²; UBND huyện công nhận 4 sản phẩm 3 sao³. Toàn huyện hiện nay có 8 xã đạt chuẩn NTM, chiếm 66,7%; bình quân đạt 16,3 tiêu chí/xã.

- **Các mô hình, dự án nông nghiệp:** Dự án liên kết cây chanh leo: Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa Công ty cổ phần chanh leo Lai Châu với người dân trồng mới 300,37 ha, đạt 200,3% so KH. Dự án liên kết lúa hàng hóa: thu hút Công ty TNHH MTV Tây Bắc liên kết người dân phát triển 133 ha lúa Ségù. Liên kết trồng các loại cây khác như: 3,6 ha cây ớt tại Hồ Thầu; 2,8 ha cây bí xanh tại Bình Lư và 8 ha cây sắn dây tại Bản Bò.

2. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Tăng cường công tác quản lý các hoạt động về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện. Giá trị sản xuất 8 tháng đầu năm đạt 279.135,13 triệu đồng (theo giá hiện hành), đạt 66% kế hoạch.

3. Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ, du lịch:

- Tổng giá trị sản xuất thương mại 8 tháng đầu năm đạt 193.235,05 triệu đồng, đạt 69% kế hoạch.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá du lịch huyện Tam Đường năm 2023; Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, đôn đốc các điểm du lịch thực hiện tốt công tác vệ sinh môi

² Trà Hồng Trà; Trà Đông Phương Mỹ Nhân; Trà Kim Tuyên; Trà Matcha; Trà ÔLong; Trà Sen Cha

³ Thịt trâu gác bếp Lục Lẻ; Lạp sườn hun khói Lục Lẻ; Thịt lợn gác bếp Lục Lẻ và Trà cổ thụ Sà Dề Phìn.

trường, chỉnh trang làng bản; tăng cường triển khai bảo tồn gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc gắn với phát triển du lịch. Tổng lượng khách du lịch đạt 267.057 lượt khách, đạt 95,4% so với kế hoạch. Doanh thu từ du lịch đạt 98,5 tỷ đồng, đạt 95,9% so với kế hoạch năm 2023.

4. Tài chính, ngân hàng

Tổ chức giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 cho các đơn vị dự toán. Tổng thu ngân sách địa phương đạt 437.950 triệu đồng đạt 73,5% so với dự toán tình giao và đạt 73,4% so với dự toán HĐND huyện giao; thu ngân sách trên địa bàn 22.884 triệu đồng, đạt 53,1% so với dự toán tình giao và đạt 52,5% dự toán HĐND huyện giao. Chi ngân sách thực hiện 354.186 triệu đồng, đạt 59,4% so với dự toán HĐND huyện giao.

Các ngân hàng tăng cường đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, đáp ứng nhu cầu vay vốn của các tổ chức, cá nhân. Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT huyện huy động vốn lũy kế đạt 489.000 triệu đồng, tổng dư nợ đạt 399.000 triệu đồng; Ngân hàng CSXH huyện huy động vốn lũy kế đạt 484.394 triệu đồng, tổng dư nợ đạt 483.717 triệu đồng.

5. Quy hoạch, khoa học công nghệ:

- **Quy hoạch:** Tổ chức công bố Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị trấn Tam Đường và vùng phụ cận huyện Tam Đường đến năm 2035; Hoàn thiện hồ sơ trình Sở Xây dựng và UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và dự toán đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Đường đến năm 2040; Đang tiến hành lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500, tạo quỹ đất trên địa bàn thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường (Khu số 01; 03) và Quy hoạch chi tiết 1/500 quần thể du lịch nghỉ dưỡng Vườn Địa Đàng Sơn Bình. UBND huyện đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung các xã, hiện nay các xã đang lập đồ án quy hoạch, dự kiến phê duyệt tháng 12 năm 2023.

- **Khoa học công nghệ:** Chi đạo tuyên truyền, phổ biến nhân dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống đạt được kết quả tích cực làm thay đổi nhận thức cho người dân; công nhận 195 sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng trên địa bàn huyện cho các cá nhân ngành GD&ĐT năm học 2022-2023.

6. Quản lý tài nguyên, môi trường và khoáng sản: Thông báo công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2023; trình UBND tỉnh phê duyệt bổ sung, điều chỉnh về quy mô, loại đất, địa điểm, số lượng của dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện. Ban hành 307 thông báo thu hồi đất để thực hiện các dự án; 342 Quyết định thu hồi đất với tổng diện tích là 192.423,50 m², 17 quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC với tổng số tiền 40,7 tỷ đồng để thực hiện các dự án trên địa bàn huyện; cấp 102 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 268.714,07 m², chuyển mục đích sử dụng đất cho 22 trường hợp với diện tích 7.478,07 m². Chi đạo UBND các xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, quản lý việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

7. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển KTTT

Tám tháng đầu năm, thành lập mới 03 hợp tác xã, tổng số hiện có 53 HTX, đạt 96,4% KH, tạm ngừng hoạt động 06 HTX. Đăng ký cấp mới và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho 91 hộ, chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh 01 hộ.

III. VĂN HOÁ - XÃ HỘI

1. Giáo dục: Toàn huyện hiện có 36 trường và 01 Trung tâm GDNN - GDTX, 657 lớp với 17.132 học sinh. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư. Tăng cường hoạt động thực hành trải nghiệm, vui chơi nhằm phát triển kỹ năng cho trẻ mầm non; 100% các trường được học trực tiếp môn Tin học, Ngoại ngữ; năm học 2022-2023 chất lượng học sinh các cấp cơ bản đảm bảo. Công tác xây dựng và duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt⁴; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT năm học 2022-2023 đạt 100%.

2. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số, kế hoạch hóa gia đình

Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. Sáu tháng đầu năm đã tổ chức khám, chữa bệnh cho 90.115 lượt đạt 61,3% kế hoạch; Tình hình dịch bệnh trên địa bàn huyện ổn định, chủ động xây dựng kế hoạch, giám sát các bệnh truyền nhiễm theo mùa.

Công tác tuyên truyền, kiểm tra đảm bảo VSATTP được tăng cường. Sáu tháng đầu năm đã tổ chức kiểm tra được 477 lượt cơ sở thực phẩm. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm, tuyên truyền triển khai thực hiện; các mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn được duy trì.

3. Công tác Văn hóa - Thể thao, Thông tin – truyền thông

Tập trung tuyên truyền các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại của đất nước và địa phương. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; duy trì 62/126 bản sáng, xanh, sạch, đẹp; chỉ đạo xây dựng 12 bản đăng ký trong năm 2023.

Các hoạt động thông tin, truyền thông, truyền thanh, truyền hình được tăng cường. Cập nhật thường xuyên tin tức lên trang thông tin điện tử của huyện góp phần tuyên truyền hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn; Chỉ đạo đẩy mạnh kết nối và thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ; quan tâm phát triển chính quyền số, thực hiện chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin.

⁴ Tính đến 24/8/2023 toàn huyện có 20/36 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 56,6%. Trong đó: MN 08/13 trường đạt 61,5%; TH 07/08 trường đạt 87,5%; THCS 04/13 trường đạt 30,8%; THPT: 01/02 đạt 50%.

4. Công tác đào tạo nghề - giải quyết việc làm; Thực hiện giảm nghèo và an sinh xã hội

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức 26 hội nghị tư vấn, giới thiệu việc làm tại các xã, thị trấn, thu hút được trên 1.650 người tham gia; kết quả đã giải quyết việc làm cho 1.501 lao động, đạt 132% kế hoạch. Tổ chức đào tạo nghề trình độ sơ cấp và thường xuyên cho 785 lao động, đạt 78,5% kế hoạch. Các chính sách an sinh xã hội, chính sách cho người có công, gia đình chính sách được quan tâm thực hiện³. Phối hợp BHXH huyện thẩm định và đề nghị cấp bổ sung 6.388 BHYT, giảm 7.192 thẻ BHYT các nhóm đối tượng theo quy định tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 91,4%. Hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội được duy trì (đưa 16 người đi cai nghiện tại Trung tâm điều trị cai nghiện bắt buộc tỉnh đạt 160% kế hoạch).

5. Công tác dân tộc - Tôn giáo: Công tác dân tộc tiếp tục được quan tâm thực hiện, các chương trình đầu tư. Tổ chức đoàn công tác người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số huyện Tam Đường đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các địa phương khác. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2023. Công tác nắm bắt tình hình tôn giáo và hoạt động tôn giáo trên địa bàn được tăng cường; đồng bào có niềm tin tôn giáo tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

6. Công tác xây dựng chính quyền và cải cách hành chính

Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, thực hiện các chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, NLĐ theo đúng quy định. Quản lý và sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp ở các cơ quan, ban, ngành thực hiện theo định mức, tiêu chuẩn đúng chỉ tiêu biên chế được giao.

Công tác cải cách hành chính: Thẩm định việc tự chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC năm 2022 của 13 xã, thị trấn; Phối hợp với Sở Nội vụ, Viễn thông Lai Châu tổ chức tập huấn hướng dẫn triển khai phần mềm chấm điểm chỉ số CCHC các xã, thị trấn; kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định.

IV. QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Quốc phòng: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, Bảo vệ an toàn các ngày lễ, tết, các sự kiện trọng đại của đất nước, địa phương. Tổ chức tốt công tác giao nhận quân năm 2023 đảm bảo quân số 122 công dân, đạt 100% kế hoạch. Chỉ đạo xã Tả Lèng, Hồ Thầu và Bản Giang tổ

³ Trong đó: Hỗ trợ nhà ở 01 đối tượng người có công, số tiền 40 triệu; Tặng 681 suất quà cho người có công, thân nhân người có công nhân dịp Tết, ngày thương binh Liệt sĩ 27/7/2023 với tổng số tiền 396,9 triệu. Tham mưu ban hành Quyết định hưởng mới trợ cấp cho 382 đối tượng. Quyết định thôi hưởng trợ cấp đối với 175 đối tượng. Phối hợp với Bưu điện huyện, UBND các xã, thị trấn chi trả trợ cấp hàng tháng cho trên 1.200 đối tượng, kinh phí trên 7.900 triệu đồng. Mai táng phí cho 24 đối tượng 172,8 triệu đồng.

chức diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ theo đúng kế hoạch kết quả đạt giỏi và xuất sắc, người và phương tiện bảo đảm an toàn.

2. An ninh: Tình hình an ninh chính trị được giữ vững ổn định, không có vụ việc đột xuất, bất ngờ xảy ra; trật tự an toàn xã hội cơ bản được đảm bảo. Đã tập trung làm tốt công tác bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, triển khai các phương án, kế hoạch bảo an ninh, an toàn các Đoàn công tác của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn. Mở các đợt tấn công, trấn áp tội phạm, vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực, kịp thời phát hiện, đấu tranh làm rõ 77/77 vụ. Đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; tuyên truyền, vận động nhân dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ (*thu hồi 22 khẩu súng tự chế các loại*). Tăng cường công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; 6 tháng đầu năm xảy ra 04 vụ tai nạn, va chạm giao thông.

IV. THANH TRA, TƯ PHÁP

1. Công tác Thanh tra: Đến nay thực hiện xong 01 cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách của Chủ tịch UBND các xã: Bản Hòn, Nà Tăm, Bản Bò huyện Tam Đường. Thực hiện xong 01 cuộc thanh tra việc quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách tại Phòng Nội vụ; UBND xã Bản Giang huyện Tam Đường. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của Nhân dân đảm bảo kịp thời, khách quan, dân chủ, đúng quy định; tiếp 72 lượt, 76 người, 72 vụ việc; tiếp nhận 69 đơn trong đó, đã giải quyết xong 38 đơn, đạt 65,2%, đang giải quyết 24 đơn.

2. Công tác tư pháp: Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tư pháp; Rà soát 29 văn bản Quy phạm pháp luật ban hành năm 2022. Phối hợp với Hội Cựu Chiến binh, Hội phụ nữ, Hội Nông dân huyện tuyên truyền tại 13 xã, thị trấn với 39 buổi tổng số hơn 3.000 lượt hội viên tham gia; phân công báo cáo viên pháp luật huyện tuyên truyền tại 98 bản với 6.570 lượt người tham gia; phối hợp tuyên truyền tại 20 bản về tảo hôn và kết hôn cận huyết thống với 1.430 đại biểu tham gia, phát hành 200 áp phích và 15.000 tờ gấp về tảo hôn và kết hôn cận huyết thống cho nhân dân; tuyên truyền tại 5 trường học với trên 1.000 học sinh tham gia các xã, thị trấn tuyên truyền được hơn 600 buổi với gần 30.000 lượt người tham gia. Thực hiện tốt công tác hộ tịch, chứng thực theo đúng quy định, công tác hòa giải ở cơ sở và các công tác tư pháp khác.

VI. DỰ ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2023

1. Các chỉ tiêu thực hiện 8 tháng đầu năm đã đạt và vượt kế hoạch:

(1) Trồng mới 79,92 ha chè, trong đó: 70ha chè chất lượng cao, 9,92 ha chè cổ thụ, đạt 106,6% kế hoạch; Ước thực hiện cả năm trồng mới 81,9 ha chè, trong đó: 70ha chè chất lượng cao, 11,9 ha chè cổ thụ, đạt 109,2% kế hoạch. Trồng mới 300,4 ha cây ăn quả, đạt 600,8% kế hoạch.

(2) 100% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia, đạt 100% kế hoạch, Duy trì 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

(3) Giải quyết việc làm cho 1.501 người, đạt 130,5% kế hoạch.

(4) Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 56,6% (Trong đó: Mầm non: 61,5%, Tiểu học: 87,5%, Trung học cơ sở: 30,8%, Trung học phổ thông: 50%), đạt 101,8% kế hoạch. Ước thực hiện cả năm, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 58,3% (Trong đó: Mầm non: 61,5%, Tiểu học: 87,5%, Trung học cơ sở: 38,5%, Trung học phổ thông: 50%), đạt 105% kế hoạch. Tỷ lệ học sinh đến trường: mẫu giáo 100%, đạt 100% kế hoạch; học sinh trong độ tuổi học tiểu học 100%, đạt 100,1% kế hoạch; trung học cơ sở 95,9%, đạt 100% kế hoạch.

(5) Duy trì, nâng cao chất lượng 12 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

(6) Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom 97%, đạt 100% kế hoạch; Tỷ lệ xã được thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt 100%, đạt 120% kế hoạch.

(7) Trên 90% chính quyền cơ sở đạt từ khá trở lên, đạt 100% kế hoạch.

(8) Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu giao.

2. Các chỉ tiêu ước thực hiện cả năm đạt kế hoạch:

(1) Thu nhập bình quân đầu người/năm ước đạt 42 triệu đồng/người/năm, đạt 100% kế hoạch.

(2) Tổng sản lượng lương thực 8 tháng đầu năm 35.798 tấn, đạt 86,2% kế hoạch; ước thực hiện cả năm đạt 41.550 tấn, đạt 100% kế hoạch. Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc 6,1%/năm, đạt 100% kế hoạch. Tỷ lệ che phủ rừng 50,8%, đạt 100% kế hoạch.

(3) Duy trì 8 xã đạt chuẩn NTM, bình quân tiêu chí/xã đạt 16,3 tiêu chí, đạt 91,6% kế hoạch; Ước thực hiện cả năm, xã Sơn Bình cơ bản đạt 19 tiêu chí; bình quân tiêu chí/xã đạt 17,8 tiêu chí, đạt 100% kế hoạch.

(4) Tổng lượt khách du lịch trên 267.057 người; doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 98,5 tỷ đồng, đạt 95,9% kế hoạch. Ước thực hiện cả năm, tổng lượt khách du lịch đạt 350.000 lượt khách, đạt 125% so với KH; tổng thu từ du lịch đạt 129,5 tỷ đồng đạt 126% so với KH.

(5) Tỷ lệ dân số thị trấn được sử dụng nước sạch 8 tháng đầu năm đạt 77%, ước thực hiện cả năm đạt 78%, đạt 100% kế hoạch.

(6). Tỷ lệ giảm sinh bình quân 0,5%/năm; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 17,5%, thể thấp còi 24%, đạt 100% kế hoạch.

(7) 96,8% bản có nhà văn hóa, đạt 100% kế hoạch; 92,7% cơ quan, đơn vị, trường học, 88,1% số khu dân cư, 88,5% số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa, đạt 100% kế hoạch.

(8) Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo ước thực hiện cả năm 5,6%, đạt 100% kế hoạch; số lao động được đào tạo đến nay đạt 785 người, đạt 70,5% kế hoạch ước thực hiện cả năm đạt 1.114 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 58,12%, đạt 100% kế hoạch.

3. Các chỉ tiêu khó đạt kế hoạch năm:

- Đạt 6,8 bác sĩ/vạn dân, đạt 89,5% kế hoạch. *(Do có 01 bác sỹ chuyển công tác).*

- Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực đạt 8.733ha, đạt 97,7% kế hoạch; Ước thực hiện cả năm đạt 8.806 ha, đạt 98,5% kế hoạch *(Do người dân chuyển đổi 56 ha lúa 1 vụ và 76 ha ngô sang trồng cây chanh leo).*

- Thu ngân sách trên địa bàn đến nay đạt 22.884 triệu đồng, đạt 53,1% kế hoạch. *Nguyên nhân:*

+ Nguồn thu từ sử dụng đất: Từ đầu năm đến nay đã tổ chức đấu giá đất 03 lần nhưng không thành công, mặt khác quỹ đất để đấu giá của huyện không còn nhiều, quỹ đất dự kiến để đấu giá một số khu đến nay chưa đủ điều kiện để đưa ra đấu giá như: Chưa có quy hoạch xây dựng chi tiết, chưa được giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch.

+ Nguồn thu thuế từ các công trình thủy điện: Năm 2023 thu từ thủy điện giao: 18.200 triệu đồng nhưng hiện tại mới thu được 9.000 triệu đồng, nguyên nhân do hạn hán nên sản lượng điện của các thủy điện không đạt so với kế hoạch đã đề ra, mặt khác do chính sách thuế GTGT giảm 2% (theo Nghị định số 44 ngày 30/6/2023 của Chính phủ về việc giảm GTGT từ 10% xuống 8%).

+ Thu khác ngân sách huyện hưởng còn đạt thấp, do huyện không có các khoản thu phát sinh mới. Trong khi nguồn thu khác không ổn định như thu tiền thanh lý tài sản, bán tài sản tịch thu, các khoản thu phạt hành chính, phạt an toàn giao thông, thu thanh tra kiểm tra...

(Chi tiết có biểu số 01 kèm theo).

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Tám tháng đầu năm 2023, UBND huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị bám sát kế hoạch của UBND tỉnh, chủ trương của Huyện ủy, nghị quyết của HĐND huyện.

Sản xuất nông nghiệp được thực hiện theo kế hoạch, mùa vụ, công tác chăm sóc, kiểm soát phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được tăng cường. Các mô hình, dự án nông nghiệp mới tiếp tục được quan tâm thực hiện. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống thiên tai được tăng cường. Các hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ được khôi phục phát triển, giá cả hàng hóa thị trường cơ bản ổn định. Công tác quản lý xây dựng, quản lý quy hoạch, quản lý tài nguyên - môi trường được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Các hoạt động tuyên truyền, truyền thông phát huy hiệu quả, có sự chuyển

biến tích cực trong ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử. Các chế độ chính sách an sinh xã hội được thực hiện đúng, đủ theo quy định. Công tác thanh tra, tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Làm tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

2. Tồn tại, hạn chế

- Áp dụng quy trình kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, chăn nuôi an toàn, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ,... còn chậm. Vẫn còn tình trạng vi phạm trong quản lý bảo vệ rừng. Công tác quản nhà nước về đất đai và khoáng sản ở một số xã hiệu quả còn chưa cao, còn để xảy ra tình trạng một số người dân tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Các trường hợp sinh con thứ 3 và tỷ lệ tảo hôn tuy có giảm nhưng vẫn còn xảy ra, trong đó có cả trường hợp là cán bộ, đảng viên.

- Một số cơ quan, đơn vị số lượng biên chế hiện có còn thiếu so với biên chế được giao, đặc biệt là các lĩnh vực phát triển quỹ đất và tài nguyên môi trường nên chất lượng, tiến độ thực hiện nhiệm vụ có việc còn chưa cao.

- Tình hình an ninh trật tự ở một số nơi còn tiềm ẩn phức tạp; nhất là tội phạm ma túy; còn có vụ việc phạm tội gây dư luận trong nhân dân; tình hình tai nạn giao thông tuy được kiểm chế nhưng chưa bền vững; một số người dân chưa chấp hành nghiêm các quy định về an toàn giao thông, hành lang an toàn giao thông trên các tuyến đường.

3. Nguyên nhân

Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài, dễ phát sinh dịch bệnh, thiếu nước sản xuất ảnh hưởng đến việc phát triển sản xuất và đời sống nhân dân. Sự phối hợp của một số cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn trong thực hiện nhiệm vụ còn thiếu chặt chẽ, công tác tuyên truyền vận động Nhân dân có việc hiệu quả chưa cao.

Biên chế công chức các cơ quan chuyên môn do tình tuyển dụng, hàng năm căn cứ vào số lượng công chức còn thiếu huyện vẫn đề nghị tuyển dụng nhưng ko tuyển đủ; biên chế các đơn vị sự nghiệp thực hiện tuyển dụng hàng năm nhưng không có nguồn, hoặc có khi vừa xong đợt tuyển dụng lại có viên chức nghỉ, chuyển công tác khác.

Đời sống kinh tế, trình độ canh tác sản xuất không đồng đều giữa các vùng; dịch vụ phục vụ sản xuất và chế biến phát triển còn chậm ảnh hưởng đến việc chuyển giao, ứng dụng, nhân rộng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Công tác tuyên truyền Nhân dân thực hiện các quy định pháp luật, quy định quản lý tài nguyên khoáng sản, PCCCR có nơi còn hạn chế. Ý thức, trách nhiệm nêu gương của một số cán bộ, đảng viên trong thực hiện các chính sách về DS - KHHGD còn hạn chế, nhận thức của một bộ phận người dân còn mang nặng hủ tục, lạc hậu.

Tình hình tai nạn, va chạm giao thông vẫn còn xảy ra do trên địa bàn có tuyến quốc lộ với lưu lượng người và phương tiện tham gia giao thông thường xuyên, nhiều đoạn đường địa hình phức tạp; một số gia đình còn buông lỏng quản lý, giáo dục con em dẫn đến xảy ra vi phạm. Nhận thức của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao.

Phần II

TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN) NĂM 2023

I. Tình hình phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023

- * Tổng kế hoạch vốn năm 2023 giao: 115.802 triệu đồng, trong đó:
 - Nguồn tinh quản lý giao chi tiết là: 76.510 triệu đồng, bao gồm:
 - + Nguồn ngân sách Trung ương đã giao chi tiết là: 39.900 triệu đồng.
 - + Nguồn xây dựng cơ bản tập trung đã giao chi tiết là: 36.610 triệu đồng.
 - Nguồn huyện quản lý: 39.292 triệu đồng, đã giao chi tiết: 31.772 triệu đồng, bao gồm:
 - + Nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 21.517 triệu đồng đã giao chi tiết đến danh mục dự án: 21.517 triệu đồng.
 - + Nguồn thu sử dụng đất: 7.520 triệu đồng. Chưa giao chi tiết đến danh mục dự án: 7.520 triệu đồng, nguyên nhân chưa giao chi tiết kế hoạch vốn do huyện chưa thu được nguồn thu từ công tác đấu giá quyền sử dụng đất.
 - + Nguồn vốn đầu tư thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung: 10.255 triệu đồng, đã giao chi tiết đến danh mục dự án: 10.255 triệu đồng.

II. Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2023

1. Kế hoạch vốn giao năm 2023

Tổng kế hoạch vốn năm 2023 được giao đến thời điểm báo cáo là: 108.282 triệu đồng. Giá trị giải ngân kế hoạch vốn là: 70.326 triệu đồng, đạt 65%. Trong đó:

a) Nguồn vốn do tỉnh quản lý

- Kế hoạch vốn năm 2023 được giao đến thời điểm báo cáo là: 76.510 triệu đồng. Giá trị giải ngân kế hoạch vốn là: 40.590 triệu đồng, đạt 53%.

- Nguồn ngân sách trung ương:

+ Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023: 01 dự án, kế hoạch vốn giao năm 2023 đến thời điểm báo cáo là 500 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 235 triệu đồng, trong đó giải ngân khối lượng hoàn thành: 235 triệu đồng.

+ Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023: 01 dự án, kế hoạch vốn giao đến thời điểm báo cáo là 28.700 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm

báo cáo là 7.537 triệu đồng, trong đó giải ngân khối lượng hoàn thành: 6.824 triệu đồng.

+ Các dự án mới năm 2023: 01 dự án, kế hoạch vốn giao với đến thời điểm báo cáo là 10.700 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là 10.700 triệu đồng, trong đó giải ngân khối lượng hoàn thành là 2.022 triệu đồng.

- Nguồn xây dựng cơ bản tập trung:

+ Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2023: 03 dự án, kế hoạch vốn giao đến thời điểm báo cáo là 36.610 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là 22.118 triệu đồng, trong đó giải ngân khối lượng hoàn thành là 21.573 triệu đồng.

b) Nguồn vốn do huyện quản lý

- Kế hoạch vốn năm 2023 được giao đến thời điểm báo cáo là: 31.681 triệu đồng. Giá trị giải ngân kế hoạch vốn là: 29.737 triệu đồng, đạt 94%. Cam kết giải ngân đến hết ngày 31/01/2024: 31.681 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn đã phân bổ. Trong đó:

- Nguồn xây dựng cơ bản tập trung: Kế hoạch vốn được giao đến thời điểm báo cáo là: 21.517 triệu đồng. Giá trị giải ngân kế hoạch vốn là: 20.542 triệu đồng, đạt 95%.

+ Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023: 05 dự án, kế hoạch vốn giao đến thời điểm báo cáo là 11.198 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là 10.678 triệu đồng, trong đó giải ngân khối lượng hoàn thành: 10.678 triệu đồng.

+ Các dự án khởi công mới: 06 dự án, kế hoạch vốn giao đến thời điểm báo cáo là 10.319 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là 9.864 triệu đồng, trong đó giải ngân khối lượng hoàn thành: 3.117 triệu đồng.

- Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung: Kế hoạch vốn được giao đến thời điểm báo cáo là: 10.255 triệu đồng. Giá trị giải ngân kế hoạch vốn là: 9.194 triệu đồng, đạt 90%.

+ Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2023: 04 dự án, kế hoạch vốn giao với đến thời điểm báo cáo là 9.790 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là 8.729 triệu đồng, trong đó giải ngân khối lượng hoàn thành: 6.731 triệu đồng.

+ Các dự án khởi công mới năm 2023: 01 dự án, kế hoạch vốn giao với đến thời điểm báo cáo là 465 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là 465 triệu đồng, trong đó giải ngân khối lượng hoàn thành: 162 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 02 kèm theo)

- Năm 2023, đến thời điểm báo cáo, đã triển khai 01 cuộc đấu giá quyền sử dụng đất, tuy nhiên không có hồ sơ đăng ký tham gia.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

- Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBND huyện Tam Đường nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã thực hiện quản lý chặt chẽ các nguồn vốn được phân bổ, kiểm soát phạm vi, đối tượng, quy mô theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của từng Chương trình, đạt được những kết quả quan trọng.

- Công tác tuyên truyền, vận động người dân hiến đất cho dự án đạt kết quả cao đến nay các Chương trình mục tiêu quốc gia không vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng.

- Công tác lựa chọn các nhà thầu đảm bảo đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện các gói thầu để đẩy nhanh tiến độ dự án đến nay vốn đầu tư giải ngân đạt kết quả cao (kế hoạch vốn năm 2023 đạt 58,5%; kế hoạch vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 đạt 50%).

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện, quản lý chất lượng các công trình và đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ thanh toán vốn đảm bảo phát huy hiệu quả nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia góp phần thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới nói riêng, phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của huyện nói chung.

- Đối với các nguồn vốn đã có trong dự toán, UBND huyện đã chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân để đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Các công trình, sau khi hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng cơ bản đảm bảo chất lượng, phát huy được hiệu quả và công năng sử dụng góp phần thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nói riêng, phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của huyện nói chung.

2. Tồn tại, hạn chế

Tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ở một số dự án vẫn còn chậm, chưa đảm bảo yêu cầu một số công trình còn chưa tiến hành giải ngân hoặc giải ngân thấp.

Việc phân bổ kế hoạch vốn từ nguồn thu sử dụng đất còn chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân của các công trình từ nguồn vốn này.

3. Nguyên nhân

Do công tác bồi thường giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, thủ tục và trình tự thủ tục thực hiện công tác lập phương án thu hồi đất và giao đất để thực hiện các dự án còn phức tạp, kéo dài, khó thực hiện nên ảnh hưởng tới tiến độ thi công dự án. Một số dự án đã thi công xong đang thực hiện hoàn thiện hồ sơ để thanh quyết toán dự án.

Công tác triển khai đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn còn chậm, do đó ảnh hưởng nguồn thu tiền sử dụng đất cũng như tiến độ giải ngân từ nguồn vốn này. Trong năm 2023, nguồn thu tiền sử dụng đất theo kế hoạch giao 5.600 triệu đồng cho đầu tư công, do đó ảnh hưởng tới tỷ lệ giải ngân chung trên địa bàn huyện.

4. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tới

- Đẩy nhanh tiến độ đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu và đảm bảo

kế hoạch vốn để giải ngân cho các dự án được đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2022.

- Thực hiện quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư, phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã phê duyệt. Thực hiện tốt công tác quản lý dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các Nghị định, văn bản hướng dẫn liên quan.

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023, các dự án khởi công mới đã ký kết hợp đồng xây lắp. Yêu cầu các Chủ đầu tư đôn đốc nhà thầu xây dựng tập trung nhân lực, máy móc để thi công. Tổ chức nghiệm thu khối lượng và thanh toán giải ngân vốn đầu tư, thu hồi vốn tạm ứng, vốn ứng trước. Công tác thanh toán, tạm ứng vốn đầu tư thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát trong việc thực hiện công trình, quản lý chất lượng công trình, cử cán bộ kỹ thuật giám sát thường xuyên, phát huy vai trò giám sát cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư các công trình trên địa bàn, đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật, tiến độ và chất lượng dự án. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát các chủ đầu tư trong việc thực hiện đầu tư theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan và các chủ đầu tư tăng cường công tác kiểm tra tại hiện trường; rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án để tham mưu UBND huyện xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét quyết định điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư những dự án chậm tiến độ sang các dự án đã có khối lượng và nhu cầu vốn bổ sung.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, xử lý trách nhiệm theo quy định đối với các chủ đầu tư để mất vốn, bị điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã giao vì lý do chủ quan.

Phần III

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và điều kiện thực tế của huyện, UBND huyện và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện đã cụ thể hóa bằng các Chương trình, Quyết định, Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn có liên quan, UBND các xã, thị trấn tập trung nghiên cứu, rà soát, đề xuất xây dựng các nội dung để thực hiện các Dự án, tiểu Dự án thuộc Chương trình MTQG; tuyên truyền, lập kế hoạch cụ thể cho từng chương trình, qua đó kịp thời phát hiện, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Tình hình thực hiện

2.1. Vốn sự nghiệp

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 đến ngày 30/8/2023: 3.498/36.873 triệu đồng. Cam kết giải ngân đến 31/12/2023 là 23.644 triệu đồng, đạt 64%.

+ Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023: 174/8.938 triệu đồng. Cam kết giải ngân đến 31/12/2023 là 1.467 triệu đồng, đạt 16%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

+ Giải ngân kế hoạch vốn năm 2023: 1.218,96/12.733 triệu đồng. Cam kết giải ngân đến 31/12/2023 là 10.400 triệu đồng, đạt 81,7%.

+ Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023: 0/3.715,1 triệu đồng. Cam kết giải ngân đến 31/12/2023 là 3.441 triệu đồng, đạt 92,6%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

+ Giải ngân kế hoạch vốn năm 2023: 0/3.636 triệu đồng. Cam kết giải ngân đến 31/12/2023 là 3.636 triệu đồng, đạt 100%.

+ Giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023: 0/2.986 triệu đồng. Các đơn vị đang hoàn thiện hồ sơ thanh toán nên chưa giải ngân. Cam kết giải ngân đến 31/12/2023 là 2.986 triệu đồng, đạt 100%.

(Chi tiết biểu 04,05,06 kèm theo)

2.2. Vốn đầu tư

a) Kế hoạch năm 2022 được kéo dài thanh toán sang năm 2023

Tổng kế hoạch vốn được kéo dài thời gian thanh toán sang năm 2023: 5.579 triệu đồng (*Bao gồm 1.182 triệu đồng chuyển nguồn trên ngân sách huyện*), giải ngân đến thời điểm báo cáo: 2.794 triệu đồng, đạt 50%. Cam kết giải ngân đến hết ngày 31/01/2024: 4.397 triệu đồng, đạt 79% kế hoạch vốn. (*Nguyên nhân không cam kết giải ngân hết: Do số tiền 1.182 triệu đồng đến thời điểm báo cáo chưa phân bổ được*).

b) Kế hoạch vốn năm 2023

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2023 được giao đến thời điểm báo cáo là: 71.395 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là 42.658 triệu đồng, đạt 60%. Cam kết giải ngân đến hết ngày 31/01/2024: 71.395 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn đã phân bổ. Cụ thể:

- Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

+ Các dự án mới: 14 dự án, kế hoạch vốn giao đến thời điểm báo cáo là 22.732 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là 18.184 triệu đồng. Cam kết giải ngân đến hết ngày 31/01/2024: 22.732 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

+ Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2023: 13 dự án, kế hoạch vốn giao với đến thời điểm báo cáo là 14.165 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là 7.453 triệu đồng. Cam kết giải ngân đến hết ngày 31/01/2024: 14.165 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023: 01 dự án, kế hoạch vốn giao với đến thời điểm báo cáo là 4.986 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là 0 triệu đồng. Cam kết giải ngân đến hết ngày 31/01/2024: 4.986 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

+ Các dự án khởi công mới năm 2023: 14 dự án, kế hoạch vốn giao với đến thời điểm báo cáo là 29.512 triệu đồng. Giải ngân đến thời điểm báo cáo là 17.021 triệu đồng. Cam kết giải ngân đến hết ngày 31/01/2024: 29.512 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao

(Có biểu chi tiết số 03 kèm theo)

3. Tồn tại, hạn chế

Đối với nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa phân bổ số tiền: 2.767 triệu đồng (Nguồn năm 2023: 1.585 triệu đồng, nguồn chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023: 1.182 triệu đồng): Dự án đã được triển khai, huyện đã ban hành Thông báo số 779/TB-UBND ngày 11/8/2023 về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu). UBND huyện dự kiến hoàn thành việc tuyển chọn đơn vị chủ trì trong tháng 9/2023, hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt trong tháng 10/2023 và dự kiến phân bổ vào tháng 11/2023.

4. Kiến nghị đề xuất:

4.1. Về thực hiện 3 chương trình mục tiêu Quốc gia

4.1.1. Xây dựng nông thôn mới: Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025, huyện Tam Đường phấn đấu đến năm 2025 đạt Chuẩn Nông thôn mới. Kiến nghị UBND tỉnh xem xét bổ sung kinh phí, số tiền 93.573 triệu đồng thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới *(Chi tiết có biểu số 07, 08, 09, 10, 11, 12 kèm theo)*.

4.1.2. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu ban hành hạn mức tối thiểu để làm cơ sở xác định đối tượng hộ thiếu đất ở, thiếu đất sản xuất.

- Đề nghị UBND tỉnh tham mưu cho HĐND tỉnh ban hành định mức hỗ trợ của 01 dự án được quy định tại khoản 5 Điều 21, khoản 5 Điều 22 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP nay sửa đổi thành Khoản 12, 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023, cụ thể: Khoản 12 "Đối với dự án, kế hoạch của địa phương, cơ quan phê duyệt dự án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định". Hay khoản 13: "... Cơ quan phê duyệt dự án, phương án

quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, phương án, nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”.

- Đề nghị UBND tỉnh đề nghị với Chính phủ bổ sung đối tượng là người dân tộc rất ít người ở các bản, xã không phải là bản, xã đặc biệt khó khăn của Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn của Quyết định 1719/QĐ-TTg.

- Đề nghị UBND tỉnh xem xét đề nghị với Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung còn chưa thống nhất cách hiểu, cụ thể:

+ Giải thích cụ thể từ cán bộ trong thông tư thì quy định những đối tượng nào (Bồi nếu theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008 thì cán bộ là được bầu cử, giữ chức vụ theo nhiệm kỳ).

+ Tại gạch đầu dòng đầu tiên mục a, khoản 2, Điều 40 của Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định “Hỗ trợ giống, chuồng trại, một số vật tư đầu vào để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm: Tối đa 10 triệu đồng/hộ/năm”. Tuy nhiên cũng nội dung này tại Thông tư 15/2022/TT-BTC quy định “Hỗ trợ giống, chuồng trại, một số vật tư đầu vào để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm: Tối đa 20 triệu đồng/hộ cho cả giai đoạn 2021-2025”. Như vậy những hộ đã được hỗ trợ theo định mức của Thông tư 15/2022/TT-BTC có được tiếp tục được hỗ trợ theo Thông tư 55/2023/TT-BTC hay không?

4.1.3. Xóa đói giảm nghèo bền vững: Đề nghị UBND tỉnh sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững.

4.1.4. Kiến nghị với Sở Thông tin và Truyền thông: Đầu tư kịp thời hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT-VT cho các xã chưa có đài truyền thanh, có giải pháp thay thế cho hệ thống truyền thanh FM đã cũ.

4.1.5. Đề nghị UBND tỉnh có chính sách hỗ trợ đối với xã nông thôn mới nâng cao, để UBND huyện xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 đối với xã Bản Bo.

4.1.6 Đề nghị UBND tỉnh xem xét bố trí bổ sung ngân sách cho huyện Tam Đường (dự kiến 15 tỷ đồng) để thực hiện nội dung thiết kế kỹ thuật dự toán đo đạc bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính cho các xã: Nà Tăm, Hồ Thầu và Thị trấn Tam Đường tích hợp cùng 10 xã do sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư để xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai toàn huyện.

Phần IV

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG 03 DỰ ÁN

1. Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc

1.1 Gói thầu XL-06

- Tiến độ thực hiện:

Đã bàn giao 2,1/6,9km để triển khai thi công.

+ *Xã Bản Bo*: Còn 3,1km chưa phê duyệt, đang phê duyệt 1,5km theo QL32, 1,6km qua khu đông dân cư dự kiến thực hiện trong quý IV.

+ *Xã Nà Tăm*: Còn 0,8/1,2 km. Đã công khai dự thảo phương án bồi thường, họp lấy ý kiến cho 32 hộ gia đình, với chiều dài tuyến hơn 0,7 km tại bản Nà Luồng.

+ *Xã Bản Giang*: 0,9km đã phê duyệt phương án bồi thường.

- Khó khăn vướng mắc:

Địa phận xã Nà Tăm 06 hộ gia đình phải di chuyển nhà ở kiến nghị đơn giá bồi thường thấp, phải tiếp tục tuyên truyền vận động.

- Kế hoạch thực hiện:

- Chi trả tiền đoạn 1,5km dọc tuyến QL32 xã Bản Bo và 0,9km đoạn cầu Bản Giang, Bản Hon.

- Phê duyệt 0,8km đoạn cuối tuyến gói 06 và chi trả tiền tuần 2 tháng 9

- Tiếp tục thực hiện các bước xét tái định cư, phê duyệt bồi thường khu tái định cư Bản Bo và các hộ còn lại của gói thầu 06

1.2 GÓI THẦU XL-07

Chiều dài tuyến khoảng 7,44 km đi qua 03 xã Nà Tăm, Bình Lư, Bản Hon với tổng diện tích phải thu hồi khoảng 23 ha để thực hiện GPMB, khoảng 185 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng. Đã bàn giao 0,5km để triển khai thi công.

a) Tiến độ thực hiện:

+ Đoạn 1,8km tiếp theo tại xã Nà Tăm, đã công khai dự thảo phương án bồi thường, giải quyết ý kiến cho 53 hộ dân. Đã hoàn thiện hồ sơ để trình thẩm định.

+ Đoạn 0,8km tiếp theo, đã kiểm đếm xong và lập dự thảo phương án bồi thường.

+ Đoạn 0,7km cầu nối Bình Lư - Bản Hon (đoạn cuối tuyến). Đã thực hiện xong đo đạc, lập bản đồ thu hồi đất, đang hoàn thiện lại bản đồ để Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận.

b) Khó khăn vướng mắc:

Một số hộ gia đình trồng các loại cây ăn quả đặc biệt là cây Mắc ca với mật độ dày đặc, bất thường và chủ yếu nằm trong phạm vi đã cắm mốc giải phóng mặt bằng của dự án.

c) Giải pháp và kế hoạch thực hiện:

- Đoạn 1,8km tiếp theo tại xã Nà Tăm, phê duyệt phương án bồi thường và chi trả tiền trong tuần 2 tháng 9.

- Đoạn 0,8km tiếp theo tại xã Nà Tăm, công bố dự thảo phương án bồi thường và giải quyết kiến nghị của nhân dân. Đối thoại, tuyên truyền chính

sách pháp luật với các hộ có dấu hiệu trồng cây với mục đích trục lợi chính sách bồi thường.

- Đoạn 0,7km cầu nối Bình Lư - Bản Hon, ban hành thông báo thu hồi đất và triển khai các bước kiểm đếm, lập phương án bồi thường, thực hiện trong tháng 9.

- Đoạn 3,7km trùng với tuyến mương. Tiếp tục đo đạc lập bản đồ thu hồi đất của 76 hộ.

1.3 Gói thầu XL-08

Chiều dài tuyến khoảng 13,45Km, đi qua 2 xã Bản Giang, Bản Hon, với tổng diện tích phải giải phóng mặt bằng là 40,1ha, tổng số 352 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng (chưa bao gồm các hộ tại mặt bằng 02 điểm tái định cư, các hộ có mộ trong khu vực nghĩa địa xã Bản Hon)

a) Tiến độ thực hiện trong tuần:

- Di dời hạ tầng: Đã thi công hoàn thành xong đi dờn phần đường điện 35kV và 0,4kV.

- Đang xét duyệt cấp bổ sung cho 02 hộ TĐC.

- Đã duyệt, nghiệm thu bản đồ phân lô xin giao đất khu TĐC Bản Hon, TĐC Đông Pao 2.

- Đã đo đạc, lập bản đồ thu hồi đất các vị trí bổ sung thiết kế + thu hồi đất theo kiến nghị nhân dân kiến nghị.

b) Kế hoạch tiếp theo.

- Tiếp tục bàn giao đất TĐC cho các hộ, Cấp GCNQSD;

- Trình Sở TN&MT duyệt hồ sơ bản đồ phân lô xin giao đất khu TĐC Bản Hon, TĐC Đông Pao 2.

- Tiếp tục vận động 01 hộ gia đình đồng thuận bàn giao mặt bằng;

- Tiếp tục lập bản đồ thu hồi đất các đoạn bổ sung theo thiết kế điều chỉnh (gia cố, mở mái taluy, các điểm cống...) và theo đề nghị thu hồi hết thửa đất nhỏ lẻ của các hộ dân.

2. Đường hành lang biên giới đoạn Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) – Bát Xát (tỉnh Lào Cai)

* Tiến độ thực hiện:

- Đã thực hiện phê duyệt 04 đợt tổng số 10km/10km.

- Đang thực hiện giải ngân cho các hộ gia đình chưa nhận tiền.

- Còn 01 hộ Lò Văn Thập chưa phê duyệt do thiếu đơn mua bán chuyển nhượng: Dự kiến hoàn thiện trình trong tháng 9.

- Bãi đỗ thái, sạt lở cần điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất, tiếp tục thực hiện khi đủ cơ sở pháp lý.

* Khó khăn vướng mắc

- Còn một số hộ gia đình chưa đồng thuận nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng, điển hình là hộ Trần Song Giang, Mai Văn Dũng mặc dù tuyên truyền vận động nhiều lần.

- Mùa mưa lũ nhiều đoạn bị sạt lở cần xác minh, bổ sung.

* *Giải pháp, kế hoạch thực hiện*

- Phê duyệt phương án cho các hộ khu bãi đổ thải và ảnh hưởng sạt lở.

- Tiếp tục thực hiện tuyên truyền vận động các hộ chưa nhận tiền, hoàn thiện các thủ tục cưỡng chế hộ Trần Song Giang, Mai Văn Dũng

3. Dự án nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thành – Thèn Sin – Mường So)

* *Tiến độ thực hiện*

- Đã phê duyệt được 12 đợt với tổng số 10km/10km.

* *Khó khăn vướng mắc*

- Còn 1 số hộ chưa nhận tiền chưa đồng thuận nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng mặc dù tuyên truyền vận động nhiều lần.

- Mùa mưa lũ nhiều đoạn bị sạt lở cần xác minh, bổ sung.

* *Giải pháp thực hiện*

Tiếp tục thực hiện tuyên truyền vận động, hoàn thiện các thủ tục cưỡng chế hộ đối với hộ không nhận tiền và bàn giao mặt bằng, có phương án bảo vệ thi công đối với hộ nhận tiền nhưng không bàn giao mặt bằng.

4. Khu tái định cư Thèn Sin

- Đã phê duyệt và chi trả tiền từ tuần 1 tháng 8, hiện còn 05 hộ đang phê duyệt bổ sung do đề nghị thu hồi hết phần đất còn lại

- Tình hình triển khai thi công mặt bằng tái định cư gặp khó khăn do mưa kéo dài, liên tục làm chậm kế hoạch thực hiện. Sẵn sàng triển khai thi công ngay khi điều kiện thời tiết đảm bảo.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện 8 tháng đầu năm 2023 về các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; tình hình giải ngân vốn đầu tư công, công tác giải phóng mặt bằng; tình hình thực hiện các chương trình MTQG và các nội dung khác có liên quan của UBND huyện Tam Đường./.

Nơi nhận:

- TT: Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Sùng Lữ Páo

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TAM ĐƯỜNG

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 8/2022	Kế hoạch năm 2023				So sánh (%)			Ghi chú (Nguyên nhân các chỉ tiêu năm 2023 đạt thấp so với cùng kỳ)
				Kế hoạch	Thực hiện đến tháng 8/2023	Ước TH 9 tháng đầu năm 2023	Ước TH cả năm 2023	TH 8 tháng 2023/TH 8 tháng 2022	UTH 9 tháng 2023/KH năm 2023	Ước năm 2023/KH năm 2023	
1	Thu nhập bình quân đầu người	%		42,00			42			100,00	
2	Các chỉ tiêu nông nghiệp										
-	Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực	Ha	8.893	8.938,0	8.733	8.733	8.806,0	98,20	97,71	98,52	Do người dân chuyển đổi 56 ha lúa 1 vụ và 76 ha ngô sang trồng cây chanh leo
-	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	14.742	41.550,0	15.094	35.798	41.550,0	102,39	86,16	100,00	
-	Diện tích cây chè	Ha	2.100	2.221	2.225,9	2.227,9	2.228	105,99	100,31	100,31	
	Trong đó : Diện tích trồng mới	Ha	128	75	79,9	81,9	81,9	62,24	109,20	109,20	
-	Tỷ lệ che phủ rừng	%	0,0	50,8	0,0	0,0	50,8		0,00	100,00	
-	Trồng mới cây ăn quả	Ha	53,6	50	300,37	300,37	300,37	560,39	600,74	600,74	
-	Tăng trưởng đàn gia súc	%	0	6,1	0	0	6,1		0,00	100,00	
3	Xây dựng nông thôn mới										
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	8	8,0	8,0	8,0	8,0	100	100,00	100,00	
-	Trong đó: Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm	Xã		0,0	0,0		0,0				
-	Bình quân tiêu chí trên xã	Xã		17,8	16,3	16,3	17,8		91,40	100,00	
	XD xã Sơn Bình cơ bản đạt 19 tiêu chí			đạt			đạt				

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 8/2022	Kế hoạch năm 2023				So sánh (%)			Ghi chú (Nguyên nhân các chỉ tiêu năm 2023 đạt thấp so với cùng kỳ)
				Kế hoạch	Thực hiện đến tháng 8/2023	Ước TH 9 tháng đầu năm 2023	Ước TH cả năm 2023	TH 8 tháng 2023/TH 8 tháng 2022	UTH 9 tháng 2023/KH năm 2023	Ước năm 2023/KH năm 2023	
4	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	24,404	43,6	22,884				0,00	0,00	Do thu từ đầu tư quyền sử dụng đất đã có chức 03 lần đầu tư nhưng không thành công, thu từ thủy điện giảm thu: 18.200 triệu đồng nhưng hiện tại mới thu được 9.000 triệu đồng, năm 2023 do hạn hán nên sản lượng điện của các thủy điện không đạt so với kế hoạch đã đề ra và do chính sách thuế GTGT giảm 2% (từ 10% xuống 8%)
5	Du lịch										
-	Tổng lượt khách du lịch	lượt người	131.707	280.000	267.057	312.559	350.000	202,7659881	111,63	125,00	
-	Doanh thu từ dịch vụ du lịch	Tỷ đồng	47,7	102,72	98,50	115,51	129,50	206,4989518	112,45	126,07	
6	Hạ tầng nông thôn										
-	Tỷ lệ thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi	%	100	100	100	100	100	100	100,00	100,00	
-	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,8	99,9	100	100	100	100,20	100,10	100,10	
-	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	76	78	77	77	78	101,32	98,72	100,00	
-	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100	100	100,00	100,00	
-	Tỷ lệ trường học được xây dựng kiên cố, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100,00	100,00	
-	Tỷ lệ trạm y tế xã được xây dựng kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100,00	100,00	
7	Giáo dục										
-	Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã	13	13	13	13	13	100	100,00	100,00	
-	Tỷ lệ học sinh mẫu giáo đến trường	%	99,9	100	100	100	100	100,1	100,00	100,00	

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 8/2022	Kế hoạch năm 2023				So sánh (%)			Ghi chú (Nguyên nhân các chỉ tiêu năm 2023 đạt thấp so với cùng kỳ)
				Kế hoạch	Thực hiện đến tháng 8/2023	Ước TH 9 tháng đầu năm 2023	Ước TH cả năm 2023	TH 8 tháng 2023/TH 8 tháng 2022	UTH 9 tháng 2023/KH năm 2023	Ước năm 2023/KH năm 2023	
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường	%	100	99,9	100	100	100	100	100,10	100,10	
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở đến trường	%	95,5	95,9	95,9	95,9	95,9	100,4	99,98	99,98	
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi trung học phổ thông đến trường	%	57	58,0	57	57	58	100	98,28	100,00	
-	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	54,1	55,6	56,6	55,6	58,3	104,6	100,08	104,94	
8 Y tế, dân số											
-	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	0	50	35,3	35,3	50		70,60	100,00	
-	Số bác sỹ trên vạn dân	1/10.000	5,4	7,63	6,8	6,8	6,8	125,9	89,12	89,12	Do có 01 bác sỹ chuyển công tác). (Đề nghị UBND tỉnh tuyển dụng thêm biên chế
-	Mức giảm tỷ suất sinh	‰		0,5			0,5		0,00	100,00	
-	Tỷ suất tăng dân số tự nhiên	‰		14,3			14,3		0,00	100,00	
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng										
+	Thẻ nhẹ cân	%	18,75	17,5	17,13	17,13	17,13	91,4	97,89	97,89	
+	Thẻ thấp còi	%	25,44	24	23,94	23,94	23,94	94,1	99,75	99,75	
9 Giảm nghèo, giải quyết việc làm											
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%		5,6			5,6		0,00	100,00	
-	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người		1.150	1.501	1.501	1.600		130,52	139,13	
-	Số lao động được đào tạo trong năm	Người		1.114	815	815	1.114		73,16	100,00	
-	Tỷ lệ lao động được đào tạo trong năm	%		58,12	57,75		58,12		0,00	100,00	
10 Văn hóa											
-	Tỷ lệ thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hóa	%	94	96,83	96,83	96,83	96,83	103,0	100,00	100,00	
-	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	88,3	88,50	88,30	88,30	88,50	100,0	99,77	100,00	
-	Tỷ lệ thôn, bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	90,5	88,10	90,50	90,50	88,10	100,0	102,73	100,00	

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện đến tháng 8/2022	Kế hoạch năm 2023				So sánh (%)			Ghi chú (Nguyên nhân các chỉ tiêu năm 2023 đạt thấp so với cùng kỳ)
				Kế hoạch	Thực hiện đến tháng 8/2023	Ước TH 9 tháng đầu năm 2023	Ước TH cả năm 2023	TH 8 tháng 2023/TH 8 tháng 2022	UTH 9 tháng 2023/KH năm 2023	Ước năm 2023/KH năm 2023	
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	92,7	92,73	80,00	80,00	92,73	86,3	86,27	100,00	
11	Môi trường										
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý	%	97	97	97	97	97	100,0	100,00	100,00	
-	Tỷ lệ xã được thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt	%	83,3	83,3	100	100	100	120,0	120,05	120,05	

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Tam Đường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giao năm 2023	Tình hình thực hiện năm 2023				Số còn lại chưa giải ngân	Tỷ lệ giải ngân đến thời điểm báo cáo	Cam kết giải ngân cả năm 2023	Tỷ lệ cam kết giải ngân	Khí khan, vướng mắc	Nguyên nhân giải ngân chậm	
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Khối lượng thực hiện		Giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo								
							Lấy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	KL thực hiện từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Tổng số	Trung bình Thanh toán KLHT							
TỔNG CỘNG					413.133	108.282	163.079	47.830	70.326	51.341	37.956	65%	108.282	100%			
A	NGUỒN TÍNH QUẢN LÝ					319.500	76.510	126.398	31.154	40.590	30.653	35.920	53%	76.510	100%		
1	Nguồn ngân sách Trung ương					164.500	39.900	25.594	9.581	18.472	9.081	21.428	46%	39.900	100%		
<i>a</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp thực hiện</i>					84.500	29.200	23.573	7.559	7.772	7.059	21.428	27%	29.200	100%		
1	Đường liên xã Khun Há - Bàn Bò - huyện Tam Đường	xã Khun Há - Bàn Bò	2021-2024	1026-06/8/2021	80.000	28.700	19.337	7.324	7.537	6.824	21.163	26%	28.700	100%		Giải ngân chậm do việc giải ngân trong công tác giải phóng mặt bằng	
2	Hạng mục: Giao thông nội đồng tại định cư thị trấn Tam Đường	TT Tam Đường	2021-2023	1281-01/10/2021	4.500	500	4.235	235	235	235	265	47%	500	100%		100 triệu và chi dự toán đầu chính giữa KIVY 2024/001 và UBND huyện đã vào đầu tháng tại Đào tạo số 758/KC-UBND ngày 02/02/2023	
<i>b</i>	<i>Các dự án khởi công mới</i>					80.000	10.700	2.022	2.022	10.700	2.022	-	100%	10.700	100%		
1	Đường từ thị trấn Tam Đường đến đường nối TP Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai	TT Tam Đường	2023-2025	1578-02/12/2022	80.000	10.700	2.022	2.022	10.700	2.022	-	100%	10.700	100%			
2	Nguồn XDCB tập trung					155.000	36.610	100.803	21.573	22.118	21.573	14.492	60%	36.610	100%		
<i>a</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp thực hiện</i>					155.000	36.610	100.803	21.573	22.118	21.573	14.492	60%	36.610	100%		
1	Đường Hồ Thầu - Bình Lư	Xã Hồ Thầu xã Bình Lư	2017-2020	138-31/10/2016	115.000	19.110	86.390	14.002	14.002	14.002	5.108	73%	19.110	100%		Chưa có một bằng để thi công theo hướng Qua nhà Ông Nguyễn Ngọc Phú Sơn Hồ Thầu	
2	Di chuyển dân cư bản Phố Hồ Thầu xã Hồ Thầu	TT Tam Đường	2022-2024	1624-06/12/2021	20.000	8.500	8.551	7.569	8.005	7.569	495	94%	8.500	100%			
3	Sắp xếp dân cư bản Tác Tinh thị trấn Tam Đường	TT Tam Đường	2021-2023	966-28/7/2021	20.000	9.000	5.863	2	111	2	8.889	1%	9.000	100%		Đã được sắp xếp dân cư phân loại và giải ngân trong công tác giải phóng mặt bằng	
B	NGUỒN HUYỆN QUẢN LÝ					93.633	31.772	36.681	16.676	29.737	20.688	2.035	94%	31.772	2		
I	Nguồn XDCB tập trung					70.500	21.517	28.451	9.745	20.542	13.795	975	95%	21.517	100%		
<i>1.1</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>					25.900	11.198	25.334	6.629	10.678	10.678	520	95%	11.198	100%		
1	Trường tiểu học và THCS xã Sơn Bình	Xã Sơn Bình	2022-2023	3988-27/12/2021	9.000	3.853	8.968	434	3.821	3.821	32	99%	3.853	100%			
2	Nước sinh hoạt trung tâm xã Giang Mạ	Xã Giang Mạ	2022-2023	3991-27/12/2021	5.000	2.000	4.973	1.990	1.990	1.990	10	100%	2.000	100%			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giao năm 2023	Tình hình thực hiện năm 2023				Số còn lại chưa giải ngân	Tỷ lệ giải ngân đến thời điểm báo cáo	Cam kết giải ngân cả năm 2023	Tỷ lệ cam kết giải ngân	Khó khăn, vướng mắc	Nguyên nhân giải ngân chậm
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Khởi công thực hiện		Giải ngân từ đầu năm đến thời điểm báo cáo							
							Lấy kế từ khởi công đến thời điểm báo cáo	KL thực hiện từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Tổng số	Trung bình Thanh toán KLHT						
3	Điểm trường tiểu học Chu Va 8	Xã Sơn Bình	2022-2023	3989-27/12/2021	2.000	900	1.903	863	863	863	37	96%	900	100%		
4	Trường Tiểu học và THCS xã Nùng Năng	Xã Nùng Năng	2022-2023	3987-27/12/2021	7.200	3.776	6.865	3.342	3.342	3.342	434	88%	3.776	100%		
5	Nước sinh hoạt San Tra Mán xã Tả Lồng	Xã Tả Lồng	2022-2023	58-28/01/2021	2.700	669	2.565		663	663	6	99%	669	100%		
1.2	Các dự án khởi công mới				44.600	10.319	3.117	3.117	9.864	3.117	455	96%	10.319	100%		
1	Trường THCS xã Tả Lồng	Xã Tả Lồng	2023-2024	4086-13/12/2022	6.900	2.319	542	542	2.319	542	-	100	2.319	100%		
2	Nước sinh hoạt bản Coóc Cường, xã Nà Tâm	Xã Nà Tâm	2023-2024	4087-13/12/2022	3.400	1.500	301	301	1.176	301	324	78	1.500	100%		
3	Cứng hóa đường nội đồng vùng chè xã Nà Tâm	Xã Nà Tâm	2023-2024	4090-09/12/2022	6.950	1.700	455	455	1.700	455	-	100	1.700	100%		
4	Nước sinh hoạt bản Mào Phò, Bãi Bằng xã Giang Ma	Xã Giang Ma	2023-2024	4088-13/12/2022	6.500	1.600	519	519	1.469	519	131	92	1.600	100%		
5	Nâng cấp đường liên bản Nà Đon- Nà Hum	Xã Bình Lu	2023-2024	4089-13/12/2022	6.950	1.800	442	442	1.800	442	-	100	1.800	100%		
6	Trụ sở làm việc Thị trấn Tam Đường	TT Tam Đường	2023-2024	4063-12/12/2022	13.900	1.400	857	857	1.400	857	-	100	1.400	100%		
II	Đề án PTHH thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung				23.133	10.255	8.230	6.931	9.194	6.893	1.061	90%	10.255	100%		
a	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				20.808	9.790	8.030	6.731	8.729	6.731	1.061	89%	9.790	100%		
1	Nâng cấp đường giao thông vùng chè Bản Bò	Xã Bản Bò	2023-2024	2462-11/7/2022	4.110	1.913	1.501	1.105	1.913	1.105	-	100%	1.913	100%		
2	Đường giao thông vùng chè Nà Tâm	Xã Nà Tâm	2022-2024	2464-11/7/2022	1.730	805	915	805	805	805	-	100%	805	100%		
3	Đường giao thông vùng chè Khau Hà	Xã Khau Hà	2022-2024	2463-11/7/2022	3.875	1.858	1.205	797	797	797	1.061	43%	1.858	100%		CT đang thi công, dự kiến dự CT hoàn thành cuối tháng 10/2024
4	Nâng cấp, sửa chữa bộ thống thủy lợi huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường	2023-2024	2698-8/8/2022	11.093	5.214	4.409	4.024	5.214	4.024	-	100%	5.214	100%		
b	Dự án khởi công mới năm 2023				2.325	465	200	200	465	162	-	100%	465	100%		
1	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Bình Lu	Xã Bình Lu	2023-2025	2465-11/7/2022	2.325	465	200	200	465	162	0	100%	465	100%		

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Tam Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn kế toán đầu năm 2022 sang năm 2023	Kế hoạch giao năm 2023	Tình hình thực hiện năm 2023						Cam kết giải ngân cả năm 2023	Tỷ lệ cam kết giải ngân	Khả năng, vướng mắc	Nguyên nhân giải ngân chậm	
				Số QĐ, ngày thông qua ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó					Khả năng thực hiện		Giải ngân KH vốn năm 2023		Giải ngân KHV kế toán đầu năm 2022 sang năm 2023						
						NSTW	NSDP	Vốn vay động			Lấy từ tài khoản công đầu thời điểm báo cáo	Riêng năm 2023	Tổng số	Giải ngân KLHT	Tỷ lệ giải ngân (%)	Tổng số					Giải ngân KLHT
1	TỔNG CỘNG				198.905	185.264	13.306	178	4.297	71.295	43.935	21.612	42.658	21.279	60%	2.794	1.794	64%	75.792	100%	
1	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				71.462	58.156	13.206	-	567	22.731	7.848	7.848	18.184	7.832	80%	345	345	61%	23.289	100%	
a	Đầu tư phát triển NFM				57.668	44.254	13.206	-	-	16.244	3.987	3.987	14.434	5.987	89%	-	-	-	16.244	78%	
1	Thang rân Giáo đạo- Thương mại	xã Bình Lư	2023-2025	4082-13/12/2022	6.300	5.000	1.500			3.000	2.403	2.403	3.000	2.403	100%				3.000	100%	
2	Đầu tư Trung tâm Văn hóa- Thể thao huyện	TT Tam Dương	2023-2025	4083-13/12/2022	13.666	10.666	3.000			4.000	1.395	1.395	2.410	1.395	60%				4.000	100%	- Vốn đầu tư chưa chi hết công trình đang chờ giải ngân - Giải ngân 7%
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Bình Giang- Nông Nang và các công trình liên tuyến	Xã Bình Giang, Nông Nang	2023-2025	4064-13/12/2022	18.200	14.000	4.200			3.000	1.082	1.082	5.000	1.082	100%				5.000	100%	
4	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường QL4D- Tân Lăng- Sơn Tra Mãn- xã Tân Lăng	Xã Tân Lăng	2023-2025	4065-13/12/2022	9.560	7.254	2.306			2.500	557	557	2.500	557	100%				2.500	100%	
5	Nâng cấp cải tạo tuyến đường Khuê Hà	Xã Khuê Hà	2023-2025	4066-13/12/2022	10.400	8.000	2.400			1.744	544	544	1.324	544	87%				1.744	100%	
6	NFM các xã				11.882	11.882	-	-	367	6.468	1.667	1.667	2.758	1.667	58%	345	345	61%	7.055	78%	
1	Làm đường lèn lèn cũ Hoa Di Hộ	Xã Bình Hòa	2023-2024	4067-13/12/2022	2.216	2.216				811	204	204	811	204	100%				811	100%	
2	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng xã Nông Nang	Xã Nông Nang	2023-2024	4084-13/12/2022	1.000	1.000				811	61	61	341	61	42%				811	100%	Thiếu vốn mua sắm vật tư công trình đã chi hết
3	Công hòa đường ra khu sản xuất bản Na Đông	Xã Thôn Sơn	2023-2024	4068-13/12/2022	2.216	2.216				811	191	191	769	191	92%				811	100%	
4	Mô hình văn hóa cụm khu dân cư bản Ng Khau, Ng Phát	xã Bình Lư	2023-2024	1076-12/12/2022	1.500	1.500				811	24	24	444	24	55%				811	100%	
5	Đường nối đồng ruộng chế biến Hoa Sừng	Xã Bình Đa	2023-2024	125-12/12/2022	811	811				811	-	-	-	-	0%				811	100%	Đã chi hết vốn nhưng chưa chi hết 40% vốn dự kiến giải ngân khi CT hoàn thành
6	Đường giao thông nối đồng bản Na Bó & Bả Cạn	Xã Bình Giang	2023	97-12/12/2022	600	600				600	598	598	598	587	100%				600	100%	
7	Đường giao thông nối đồng bản Sỏi Thầu	Xã Bình Giang	2023-2024	98-12/12/2022	500	500				211	-	-	-	-	0%				211	100%	Đã chi hết vốn nhưng chưa chi hết 70% vốn dự kiến giải ngân khi CT hoàn thành
8	Đường nối đồng bản Sĩ Thầu Chũ	Xã Sĩ Thầu	2023-2024	273-12/12/2022	1.246	1.246				811	789	789	807	794	99%				811	100%	
9	Đường nối đồng ruộng lèn bản Mạ Sao Phán	Xã Khuê Hà	2023-2024	791-12/12/2022	1.216	1.216				811	-	-	-	-	0%				811	100%	Đã chi hết vốn nhưng chưa chi hết 40% vốn dự kiến giải ngân khi CT hoàn thành
10	Làm đường nối đồng ruộng Thôn Pá (Điểm đầu ruộng Giang A Sinh - điểm cuối ruộng Giang A Hộ)	Xã Tân Lăng	2022-2023	2085-12/8/2022	1.186	1.186			354							345	345	98%	354	100%	
11	Đường trục lèn Chu Va & xã Sơn Bình, huyện Tam Dương	Xã Sơn Bình	2022-2023	2088-12/8/2022	1.306	1.306			213									0%	213	100%	Công trình đã hoàn thành đang chờ giải ngân từ ngân sách

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn báo cáo năm 2022 sang năm 2023	Kế hoạch giao năm 2023	Tình hình thực hiện năm 2023							Cam kết giải ngân cả năm 2023	Tỷ lệ cam kết giải ngân	Khó khăn, vướng mắc	Ngày nhận giải ngân chậm	
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó					Khả năng thực hiện		Giải ngân KH vào năm 2023			Giải ngân KHV báo cáo năm 2023						
						NSTW	NSDP	Vốn huy động			Lấy từ nguồn vốn khác	Hiệu lực năm 2023	Tổng số	Giải ngân KLHT	Tỷ lệ giải ngân (%)	Tổng số	Giải ngân KLHT					Tỷ lệ giải ngân (%)
2	CHƯƠNG TRÌNH MTOG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NUI				127.443	127.088	-	178	2.830	48.663	36.888	13.764	24.474	12.747	50%	2.449	2.449	64%	32.493	100%		
	Dự án 1				8.788	8.788	-	-	597	3.491	2.875	1.429	1.882	1.429	54%	-	-	0%	4.088	100%		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023				3.872	3.872	-	-	397	2.725	2.366	1.120	1.120	1.120	41%	-	-	0%	3.126	100%		
1	Cum công trình: NSH bán Nà Tân, NSH bán Nà Văn, xã Nà Tân	Xã Nà Tân	2023-2024	2695-12/8/2022	2.906	2.906	-	-	597	1.306	523	-	-	0%	0	0	0%	1.963	100%	Công trình đã hoàn thành trong tháng 12/2023. BQĐT đã được hoàn thiện hồ sơ thành toán.		
2	Cum công trình: NSH bán Cỏ Nọc Mông, NSH bán Nặm Phết, xã Bân Bô	Xã Bân Bô	2023-2024	2696-12/8/2022	2.006	2.996	-	-	1.423	2.043	1.120	1.120	1.120	39%	-	-	-	1.423	100%			
	Dự án khởi công cuối năm 2023				2.974	2.974	-	-	762	389	389	762	389	100%	-	-	-	762	100%			
1	NSH bán Bồng Ối Khèo Thầu, xã Hồ Thầu	Xã Hồ Thầu	2023-2025		2.974	2.974	-	-	762	309	309	762	309	100%	-	-	-	762	100%			
	Dự án 2				21.889	20.665	-	178	4.586	2.100	-	-	-	0%	-	-	-	4.086	100%			
1	Sắp xếp ổn định dân cư bản Nà Đông 1, xã Thôn Sơn huyện Tân Đường	Xã Thôn Sơn	2022-2024	2612-05/8/2022	21.000	20.665	-	-	1.701	24.477	16.385	3.833	11.668	3.815	48%	917	917	54%	26.178	288%	Do làm thủ tục cấp phép xây dựng tại các thôn xã chưa kịp, thời gian chờ đợi hồ sơ pháp lý để khởi công và thanh toán.	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023				24.148	24.148	-	-	1.701	5.888	14.978	1.467	1.468	1.468	23%	917	917	54%	7.588	288%		
1	Đường trục các bản Giang Ma, bản Xin Chá, bản Sủ Thàng, Đường ngõ bản các bản; Đường nối đồng các bản xã Giang Ma	Xã Giang Ma	2022-2024	2608-05/8/2022	5.000	5.000	-	-	620	1.000	2.437	-	-	0%	-	-	0%	1.620	100%	Công trình đang thi công và được hoàn thiện từ tháng 4 trở lại trước tình hình của các địa phương.		
2	Đường bản bản Nà Tân đến bản Nà Văn, Phường Giảng đến Cười Cường; Đường ngõ bản các bản xã Nà Tân; Đường trục bản Nà Luông, bản Nà Hồng	Xã Nà Tân	2022-2024	2609-05/8/2022	6.400	6.400	-	-	126	1.300	3.806	272	272	272	21%	-	-	0%	1.420	100%	Công trình đã hoàn thành, BQĐT đã được hoàn thiện hồ sơ thành toán.	
3	Nâng cấp các tuyến đường trục bản Huổi Ke, đường nối đồng các bản Huổi Ke, Tân Hợp, Đường nối đồng vùng chạ Bản Bô, bản Tân Hợp	Xã Sơn Bình	2022-2024	2610-05/8/2022	6.408	6.408	-	-	917	1.108	4.039	528	528	528	44%	917	917	100%	2.115	100%	Công trình đã hoàn thành, BQĐT đã được hoàn thiện hồ sơ thành toán.	
4	Nâng cấp các tuyến đường nối đồng bản 46, Chư Va 6	Xã Sơn Bình	2022-2024	2678-12/8/2022	1.500	1.500	-	-	39	300	844	204	204	204	98%	-	-	0%	338	100%	Công trình đã hoàn thành, BQĐT đã được hoàn thiện hồ sơ thành toán.	
5	Đường ra khu sản xuất bản Hoa Di Hô, xã Bân Hơ	Xã Bân Hơ	2022-2024	2679-12/8/2022	1.250	1.250	-	-	250	1.134	134	134	134	57%	-	-	-	250	100%	Công trình đã hoàn thành, BQĐT đã được hoàn thiện hồ sơ thành toán.		
6	Đường bản bản Chư Chu Chá - Sáy Sáy 3	Xã Nàng Nàng	2022-2024	2680-12/8/2022	2.300	2.300	-	-	1.640	888	239	239	239	15%	-	-	-	1.640	100%	Đường 15% công trình đã hoàn thiện, BQĐT đã được hoàn thiện hồ sơ thành toán.		
7	Thủy lợi Hàng Lá (Hàng A Chênh) bản Thôn Pá	Xã Tả Lông	2022-2024	2697-12/8/2022	1.000	1.000	-	-	300	888	-	-	-	0%	-	-	-	200	100%	Công trình đã hoàn thành, BQĐT đã được hoàn thiện hồ sơ thành toán.		
	Dự án khởi công cuối năm 2023				34.517	34.517	-	-	18.589	2.368	2.368	10.297	2.748	53%	-	-	-	18.589	100%			
1	Đường bản bản Sơn Trà Mần- Bản Phìn Ngạn Xã Chá, Đường nối đồng, ngõ bản các bản xã Tả Lông	Xã Tả Lông	2023-2025	4068-11/12/2022	6.700	6.700	-	-	1.089	428	428	2.178	428	71%	-	-	-	1.089	100%			
2	Đường nối đồng các bản xã Thôn Sơn (bản Sơn Các, bản Phan Kháo); đường ra khu sản xuất bản Thôn Sơn 1, Lô Tháng 1+2	Xã Thôn Sơn	2023-2025	4070-13/12/2022	8.117	8.117	-	-	4.000	522	522	2.787	522	70%	-	-	-	4.000	100%			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn kế dài năm 2022 sang năm 2023	Kế hoạch giao năm 2023	Tình hình thực hiện năm 2023							Cam kết giải ngân cả năm 2023	Tỷ lệ cam kết giải ngân	Khó khăn vướng mắc	Nguyên nhân giải ngân chậm	
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó					Khối lượng thực hiện		Giải ngân KB vốn năm 2023			Giải ngân KHY kế dài năm 2022 sang năm 2023						
						NSTW	NSDP	Vốn vay đối			Lấy từ kho tài chính địa phương	Riêng năm 2023	Tổng số	Giải ngân KINH	Tỷ lệ giải ngân (%)	Tổng số	Giải ngân KINH					Tỷ lệ giải ngân (%)
2	Đường giao (thông liên bin Noong Luang-Nà San và Bình Lu; đường trục bắc, ngõ liên các bin (Nà Cà, Noong Luang, Nà San); Đường giao thông nội đồng các bin (Nà Đon, Nà Phôn)	Xã Bình Lu	2023-2025	4071-13/12/2022	6.250	6.250				3.000	389	389	1.419	389	47%			1.000	100%			
4	Đường ra khu sản xuất các bin Phan Chu Hoa, Xi Mần Khan, Sáy Sáy 1	Xã Nông Nang	2023-2025	4072-13/12/2022	3.750	3.750				800	300	300	800	381	100%			800	100%			
5	Đường nối đồng bin Phó Hồ Thủy; đường trục các bin Chá Lú, Kíng Ói- Kháo Thủy, Tà Chá	Xã Hồ Thủy	2023-2025	4073-13/12/2022	5.000	5.000				3.000	350	350	1.415	350	47%			3.000	100%			
6	Thủy lợi Sô Thàng, Pôn Chá	Xã Giang Mả	2023-2025	4077-13/12/2022	2.500	2.500				2.500	200	200	830	200	33%			2.500	100%		Do đặc thù mùa mưa nên tiến hành đầu tư vào dịp khô.	
7	Thủy lợi Nà Luang bin Nà Luang	Xã Nà Tân	2023-2025	4078-13/12/2022	1.100	1.100				1.100	84	84	378	84	34%			1.100	100%		Do đặc thù mùa mưa nên tiến hành đầu tư vào dịp khô.	
8	Thủy lợi Tả Sudi Ngai, thị trấn Tam Đường	TT Tam Đường	2023-2025	4079-13/12/2022	1.100	1.100				1.100	93	93	392	93	36%			1.100	100%		Do đặc thù mùa mưa nên tiến hành đầu tư vào dịp khô.	
Dự án 5					8.192	8.192	-	-		1.976	3.257	1.951	1.951	1.958	99%			1.976	100%			
	Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Giang Mả	Xã Giang Mả	2022-2024	2011-05/8/2022	7.055	7.055				1.439	2.145	1.439	1.439	1.439	100%			1.439	100%			
	Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Khan Há	Xã Khan Há	2022-2024	2092-12/8/2022	1.137	1.137				537	1.112	512	512	512	99%			537	100%			
Dự án 6					6.488	6.488	-	-		3.709	4.801	3.701	2.967	3.701	86%			3.788	100%			
Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023					5.488	5.488	-	-		2.313	4.669	2.899	2.899	2.699	87%			3.212	100%			
	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn (gồm 18 nhà văn hóa tại các bin: Tả Cu Tý, xã Giang Mả; Sali Thủy, xã Bản Giang, Sín Cáo, Nà Đống, Phan Kháo xã Thôn Sín, Mả Sáo Phôn Thủy, Sín Phình Cax, Nậm Bich, Mả Sáo Phôn Cao xã Khan Há; Nà Cao, Høy Nhai, Nà Khương, Nà Khay xã Bản Bò; Phu Lao Chá, Lóng Trá Hồ Pôn xã Tả Lũng Nà Đon xã Bình Lu; Sáy Sáy 1 xã Nông Nang, Huối Ke xã Sơn Bình)	Các xã: Giang Mả, Thôn Sín, Phan Kháo xã Thôn Sín, Mả Sáo Phôn Thủy, Sín Phình Cax, Nậm Bich, Mả Sáo Phôn Cao xã Khan Há; Nà Cao, Høy Nhai, Nà Khương, Nà Khay xã Bản Bò; Phu Lao Chá, Lóng Trá Hồ Pôn xã Tả Lũng Nà Đon xã Bình Lu; Sáy Sáy 1 xã Nông Nang, Huối Ke xã Sơn Bình	2022-2025	2014-05/8/2022	5.400	5.400				3.313	4.049	2.699	2.699	2.699	81%			3.313	100%			
Dự án khởi công mới năm 2023					1.888	1.888	-	-		396	2	2	288	2	68%			396	100%			
	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đỗ du lịch tiêu biểu Bản Sĩ Thủa Chá- xã Hồ Thủy-huyện Tam Đường	Xã Hồ Thủy	2023-2025	4085-13/12/2022	1.000	1.000				396	2	2	309	2	26%			396	100%			
Dự án 9					24.400	24.488	-	-	1.532	10.824	7.420	3.850	6.005	3.858	64%	1.532	1.532	100%	11.026	115%		
Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023					7.000	7.000	-	-	1.532	259	3.785	216	216	216	83%	1.532	1.532	100%	1.797	69%		
	Công trình thủy lợi qua suối Nậm Mú khe Huối Chén bản Phình Páng	Xã Bản Bò	2022-2024	2013-05/8/2022	6.000	6.000			1.301	259	3.785	216	216	216	83%	1.301	1.301	100%	1.560	100%		
	Thủy lợi mương tiêu xã Bản Hòn	Xã Bản Hòn	2022-2024	2099-12/8/2022	1.000	1.000			231							231	231	100%	231	100%		
Dự án khởi công mới năm 2023					17.488	17.488	-	-		9.763	1.633	1.633	1.798	1.633	99%			9.763	100%			
	Nâng cấp trục đường liên bin Bả Trầu- Nà Khaan, đường ngõ bin, đường nội đồng, nêch thoát nước bin Bả Trầu	Xã Bản Hòn	2023-2025	4074-13/12/2022	8.650	8.650				4.500	355	355	1.465	355	33%			4.500	100%		Do đặc thù mùa mưa nên tiến hành đầu tư vào dịp khô, đồng thời chờ đợi nguồn vốn ngân sách để tiến hành đầu tư.	
	Xây kế đá ngăn lũ bờ suối Nậm Mú bản Phình Páng	Xã Bản Bò	2023-2025	4080-13/12/2022	2.500	2.500				2.115	2.115	2.115	2.115	2.115	100%			2.115	100%			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn báo cáo năm 2022 sang năm 2023	Kế hoạch giải ngân năm 2023	Tình hình thực hiện năm 2023						Còn lại giải ngân cả năm 2023	Tỷ lệ còn lại giải ngân	Khả khả năng giải ngân	Nguyên nhân giải ngân chậm				
				Số QĐ, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Khả năng thực hiện		Giải ngân KH và năm 2023			Giải ngân KHV kế dài năm 2022 sang năm 2023								
						NSTW			NSDP	Vốn tự có	Lấy từ vốn công đến thời điểm báo cáo	Riêng năm 2023	Tổng số	Giải ngân KLHT					Tỷ lệ giải ngân (%)	Tổng số	Giải ngân KLHT	Tỷ lệ giải ngân (%)
	Thủy lợi Hải L 2 bản Đông Pao 2	Xã Bản Hòn	2023-2025	4081-13/12/2022	850	850			850	827	827	842	827	99%			850	100%				
	Đường đi vào khu chướng ngại tập trung, Đường vào khu sản xuất đồi chè, Đường vào khu sản xuất khí Bi Khon, Đường nội đồng bản Thôn, xã Bản Hòn	Xã Bản Hòn	2023-2025	4075-13/12/2022	5.400	5.400			2.300	337	337	1.367	337	59%			2.300	100%	Đã chi hết toàn số vốn kế hoạch đầu tư dự án công			

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỐN SỰ NGHIỆP

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022				Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)	Kế hoạch vốn năm 2023				
		Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cum kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân		Vốn giao	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cum kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân	Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi	8.938	174	1.467	16%	0	36.873	3.498	23.738	64%	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt						312	36	312	100%	
	UBND xã Bình Lư						36	36	36	100%	
	UBND xã Nàng Nàng						276		276	100%	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	7.287	0	876	12%		10.665	0	8.780	82%	
-	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	3.534	0	0	0%		350		50	14%	
	Ban Quản lý rừng phòng hộ	3.534			0%	Diện tích có rừng đang được khoán bảo vệ rừng theo chính sách chi trả Dịch vụ môi trường rừng	350		50	14%	Diện tích thực hiện trồng rừng sản xuất chưa được quy hoạch và giao đất ổn định lâu dài cho hộ gia đình
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được Bộ quy, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi	3.753	0	876	23%	0	10.315	0	8.730	85%	
-	Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	876	0	876	100%		8.620	0	8.530	99%	
	UBND xã Sơn Bình	438		438	100%		945		945	100%	
	UBND xã Giang Mã	438		438	100%		945		945	100%	
	UBND xã Nà Tâm						945		945	100%	
	UBND xã Tá Lóng						945		945	100%	
	UBND xã Hồ Thầu						560		560	100%	
	UBND xã Bản Giang						560		560	100%	
	UBND xã Bình Lư						560		560	100%	
	UBND xã Bản Bò						560		560	100%	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022				Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)	Kế hoạch vốn năm 2023				
		Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân		Vốn giao	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân	Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)
	UBND xã Bàn Hòn						560	470	84%	Do không đủ đối tượng thụ hưởng	
	UBND xã Nùng Năng						560	560	100%		
	UBND xã Khun Hà						560	560	100%		
	UBND xã Thèn Sìn						560	560	100%		
	UBND TT Tam Đường						360	360	100%		
	Nội dung 2: Đầu tư, hỗ trợ vùng trồng được liệt kê (Đầu tư vùng được liệt kê (Dự kiến trồng 20 ha Sơn Lai Châu (03 dự án) tại các xã Khun Hà, Hồ Thầu, Giang Mây)	2.877			0%		1.295		0%		
	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	2.877			0%	Huyện chưa tìm được đơn vị chủ trì liên kết nên chưa có cơ sở để cam kết giải ngân vốn	1.295		0%	Huyện chưa tìm được đơn vị chủ trì liên kết nên chưa có cơ sở để cam kết giải ngân vốn	
	Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư						400	200	50%		
	Phòng Kinh tế - Hạ tầng						400	200	50%	Do không còn nhu cầu	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						2.898	1.439	2.865	99%	
	UBND xã Sơn Bình						293	276	276	94%	
	UBND xã Giang Mây						293	277	277	95%	
	UBND xã Nà Tâm						293	293	293	100%	
	UBND xã Tà Lặng						293	293	293	100%	
	UBND xã Hồ Thầu						216	216	216	100%	
	UBND xã Bàn Giang						216	215	215	100%	
	UBND xã Bình Lư						216	216	216	100%	
	UBND xã Bàn Bò						216	216	216	100%	
	UBND xã Bàn Hòn						161	161	161	100%	
	UBND xã Nùng Năng						216	216	216	100%	
	UBND xã Khun Hà						216	216	216	100%	
	UBND xã Thèn Sìn						216	216	216	100%	
	UBND TT Tam Đường						53	53	53	100%	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022				Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)	Kế hoạch vốn năm 2023				
		Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân		Vốn giao	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân	Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	558	174	553	99%	0	8.003	1.508	4.773	60%	
-	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i>	104	93	104	100%		1.455	332	1.455	100%	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	104	93	104	100%		670		670	100%	
	Trường Tiểu học Bán Giang						111	36	111	100%	
	Trường Tiểu học Giang Ma						83	40	83	100%	
	Trường PTDT BT TH Tả Lãng						68	26	68	100%	
	Trường Tiểu học&THCS Nàng Nàng						82	27	82	100%	
	Trường Tiểu học&THCS Sơn Bình						127	51	127	100%	
	Trường PTDT BT TH Khan Hà						178	86	178	100%	
	Trường PTDT BT TH Thèn Sín						86	43	86	100%	
	Trường tiểu học Nà Tâm						50	23	50	100%	
-	<i>Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	304	81	304	100%		801		0	0%	
	Phòng Nội vụ	304	81	304	100%		801		0	0%	Do bồi dưỡng kiến thức dân tộc hết đối tượng; đào tạo tiếng dân tộc chưa thống nhất đối tượng. Đào tạo tiếng dân tộc UBND tỉnh chưa thống nhất loại tiếng DTTS được đào tạo và chưa phân cấp cho UBND huyện
-	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi</i>	150	0	145	97%		3.747	1.176	3.318	58%	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022				Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)	Kế hoạch vốn năm 2023				
		Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân		Vốn giao	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân	Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)
	Phòng Lao động TB&XH						1.895	700	1.677	88%	Do kiến hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng, tuy nhiên theo rà soát, đánh giá đến thời điểm này lao động dự kiến đi xuất khẩu và đi đi ít hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định. Công tác đào tạo nghề do có 01 lớp điều chỉnh từ trình độ sơ cấp xuống đào tạo thường xuyên do vậy kinh phí giảm so với kế hoạch. Công tác truyền thông cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số khó thực hiện thực hiện do người dân không có nhu cầu
	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX	5			0%	Không thực hiện do hết nội dung chỉ	3.792	476	1.581	42%	Do hết đối tượng đào tạo nghề năm 2023 và theo quy định mới không được mua sắm, sửa chữa Trung tâm
	UBND xã Khan Hà						20		20	100%	
	UBND xã Thèn Sin						20		20	100%	
	UBND xã Hồ Thầu						20		20	100%	
	UBND xã Sơn Bình	15		15	100%						
	UBND xã Giang Ma	15		15	100%						
	UBND xã Nà Tâm	15		15	100%						
	UBND xã Tà Lông	15		15	100%						
	UBND xã Bản Giang	15		15	100%						
	UBND xã Bình Lư	15		15	100%						
	UBND xã Bản Bò	15		15	100%						
	UBND xã Bản Hòn	15		15	100%						
	UBND xã Nàng Nàng	15		15	100%						
	UBND TT Tam Đường	10		10	100%						
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1			0%						
	Phòng Văn hóa & Thông tin	1			0%	Không thực hiện do hết nội dung chỉ					
7	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	875			0%		2.357	0	2.253	96%	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022				Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)	Kế hoạch vốn năm 2023				
		Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân		Vốn giao	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân	Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)
	Hội Liên hiệp phụ nữ	875		0	0%	Một số hạng mục chi chưa có hướng dẫn cụ thể của Sở Tài chính; Hoạt động mô hình sinh kế & thành lập mô hình tiết kiệm đang tạm dừng). Thông tư 55 mới ban hành thay thế Thông tư 15, các hạng mục chi còn chung chung, chưa cụ thể, khó áp dụng trong thực hiện chi cho các hoạt động	500		396	70%	Một số hạng mục chi chưa có hướng dẫn cụ thể của Sở Tài chính; Hoạt động mô hình sinh kế & thành lập mô hình tiết kiệm đang tạm dừng); Thông tư 55 mới ban hành thay thế Thông tư 15, các hạng mục chi còn chung chung, chưa cụ thể, khó áp dụng trong thực hiện chi cho các hoạt động
	Trung tâm Văn hóa, thể thao và truyền thông						300		300	100%	
	UBND xã Sơn Bình						147		147	100%	
	UBND xã Giang Ma						147		147	100%	
	UBND xã Nà Tầm						147		147	100%	
	UBND xã Tà Léng						147		147	100%	
	UBND xã Hồ Thầu						117		117	100%	
	UBND xã Bản Giang						117		117	100%	
	UBND xã Bình Lư						117		117	100%	
	UBND xã Bản Bò						117		117	100%	
	UBND xã Bản Hòn						117		117	100%	
	UBND xã Nàng Nàng						117		117	100%	
	UBND xã Khun Hà						117		117	100%	
	UBND xã Thôn Sìn						117		117	100%	
	UBND TT Tam Đường						33		33	100%	
8	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	180			0%		11.979	173	4.225	35%	
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	180			0%		11.593	0	3.854	33%	
	+ Sửa chữa công trình hạ tầng						2.810	0	2.810	100%	
	UBND xã Bản Hòn						1.810		1.810	100%	
	UBND xã Bản Bò						1.000		1.000	100%	
	+ Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế	20			0%		1.080		330	49%	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022				Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)	Kế hoạch vốn năm 2023				
		Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân		Vốn giao	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân	Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)
	UBND xã Bán Hòn	20			0%		1.080		530	49%	Do không đủ đối tượng thụ hưởng
	<i>- Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống độc sắc, thống tin - truyền thống nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào</i>	8			0%		1.070	0	420	39%	
	Phòng Văn hóa & Thông tin	8			0%	Không thực hiện do hết nội dung chi					
	Trung tâm Văn hóa, thể thao và truyền thông						950		300	32%	Đối tượng được hưởng thụ ít
	UBND xã Bán Hòn						90		90	100%	
	UBND xã Bán Bò						30		30	100%	
	<i>- Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù</i>	151			0%		96		94	98%	
	Trung tâm y tế	151			0%	Không đủ đối tượng thụ hưởng	96		94	98%	Không đủ đối tượng thụ hưởng
	<i>- Hỗ trợ xây dựng mô hình nâng cao chất lượng dân số tại thôn, bản có đồng đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù sinh sống tập trung; một số các nội dung khác phát sinh</i>						6.537			0%	Không còn đối tượng thụ hưởng năm 2023
	Phòng Dân tộc						6.537			0%	
	<i>Ưu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>						386	173	371	96%	
	Phòng Tư pháp huyện						191	158	191	100%	
	UBND xã Sơn Bình						15		15	100%	
	UBND xã Giảng Ma						15		15	100%	
	UBND xã Ná Tầm						15		15	100%	
	UBND xã Tả Lèng						15		15	100%	
	UBND xã Hồ Thầu						15		15	100%	
	UBND xã Bản Giang						15		15	100%	
	UBND xã Bình Lư						15		15	100%	
	UBND xã Bán Bò						15		15	100%	
	UBND xã Bán Hòn						15		15	100%	
	UBND xã Núng Núng						15		15	100%	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022				Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)	Kế hoạch vốn năm 2023				
		Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân		Vốn giao	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân	Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)
	UBND xã Khum Hà						15		15	100%	
	UBND xã Thôn Sín						15	15		0%	
	UBND TT Tam Đường						15		15	100%	
8	Dự án 10: Truyền thông tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi; Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	38	0	38	100%	0	659	343	530	80%	
-	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030</i>						530	343	530	100%	
	Phòng Dân tộc						530			0%	
-	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>	38		38	100%		129		0	0%	Do các đơn vị chưa giải ngân, nên ít nội dung để kiểm tra, giám sát
	Phòng Dân tộc	38		38	100%		129		0	0%	

Tổng hợp tình hình thực hiện vốn ngân sách nhà nước và nguồn khác mục tiêu quốc gia vốn tự nguyện

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2022				Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)	Kế hoạch vốn năm 2023				
		Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cum kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân		Vốn giao	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cum kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân	Nguyên nhân (nếu không giải ngân hết)
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.715	-	3.441	92,6%		12.733	1.218,96	10.400	81,7%	
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	2.435	-	2.345	96,3%		6.134	600	6.134	100,0%	
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	1.063	-	1.063	100,0%		3.649	0	3.561	97,6%	
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	1.063	-	1.063	100,0%		2.729		2.725	100,0%	
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng		-				920	0	832	90,4%	
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	184	-		0,0%		1.975	0		0,0%	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	21	-	0	0,0%	Do đơn vị không còn nhiệm vụ chi và đi để giải ngân trả theo công văn số 1191/UBND-LĐTĐXH, ngày 22/8/2023 của UBND huyện.	1.544	0	0	0,0%	Nguyên vốn giao trong tên GDNN-GDTX chỉ sử dụng hiệu. Trung tâm GDNN-GDTX huyện đã soát định hướng nội dung hỗ trợ đào tạo nghề cho đối tượng là người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tại các xã vùng khó trên địa bàn huyện: Tuy nhiên tính đến năm 2023 trên địa bàn huyện còn 04 xã vùng khó: Nà Mạ, Giang Ma, Tạ Lùng, Sơn Bình. Đối tượng thực hiện theo quy định "Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tại các xã vùng khó này ít không đầy đủ số lượng học viên để mở lớp và giải ngân nguồn vốn giao" đã có Công văn số 1191/UBND-LĐTĐXH, ngày 22/8/2023 của UBND huyện.
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	0	-	0			0		0		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	163	-	0	0,0%	Chưa có văn bản hướng dẫn của UBND, Sở LĐTBXH tỉnh	471	0	0	0,0%	Chưa có văn bản hướng dẫn của UBND, Sở LĐTBXH tỉnh
4	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	0	-				0				
5	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	0	-				211	144		0,0%	
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	0	-				0				
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	0	-	0			211	144	211	100,0%	
6	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	23	-	23	100,0%	Hoàn trả ngân sách tỉnh	764	475	705	92,3%	
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	18	-	18	100,0%		553	475	525	94,9%	Giải ngân đạt khoảng 95% kế hoạch
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	15	-	15	100,0%		211	0	180	85,3%	Giải ngân đạt khoảng 85% kế hoạch

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỐN SỰ NGHIỆP

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Năm 2022 kéo dài sang năm 2023					Kế hoạch vốn năm 2023					Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân	Tổng cộng	NSTW	Kết quả giải ngân đến 30/8/2023	Cam kết giải ngân đến 31/12/2023	Tỷ lệ giải ngân	
1	2	8	10				3	5				23
C	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	2.985,60	2.985,60	-	2.986	100%	3.636	3.636	-	3.636	100%	
I	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	2.840,00	2.840,00	-	2.840	100%	-	-	-	-		
1	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa	2.084,00	2.084,00	-	2.084	100%	-	-	-	-		
2	Nội dung 02: Rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM, trong đó, có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	756,00	756,00	-	756	100%	-	-	-	-		
VI	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn						3.536	3.536	-	3.536	100%	
1	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở;...						3.536	3.536	-	3.536	100%	

Phụ lục 07.

BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU VỐN HUYỆN TAM ĐƯỜNG ĐẠT CHUẨN NTM ĐẾN NĂM 2025

TT	Tên xã	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)			
		Tổng	Vốn đã có trong kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Vốn xã hội hóa	Vốn chưa xác định nguồn
Tổng		623.735	528.372	1.790	93.573
I	Tiêu chí cấp xã	315.122	275.362	1.750	38.010
1	Xã Bình Lư	4.372	2.172	1.300	900
2	Xã Bản Bo	105.756	105.656	-	100
3	Xã Bản Hòn	10.378	228	150	10.000
4	Xã Bản Giang	228	228	-	-
5	Xã Nùng Năng	8.538	8.438	-	100
6	Xã Hồ Thầu	23.935	12.835	-	11.100
7	Xã Thèn Sin	46.687	43.937	-	2.750
8	Xã Khun Há	3.265	1.415	250	1.600
9	Xã Sơn Bình	10.850	7.150	-	3.700
10	Xã Giang Ma	41.441	38.041	50	3.350
11	Xã Tả Lèng	34.946	34.636	-	310
12	Xã Nà Tăm	24.726	20.626	-	4.100
II	Tiêu chí xã nâng cao	114.030	109.090		4.940
1	Xã Bản Bo	114.030	109.090		4.940
III	Xây dựng đô thị văn minh	15.642	13.092	40	2.510
IV	Tiêu chí cấp huyện	178.941	130.828		48.113

Phụ biểu 08. BIỂU RÀ SOÁT CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI & XÃ ĐẠT CHUẨN THEO QUYẾT ĐỊNH 1285/QĐ-UBND NGÀY 27/9/2022 CỦA UBND TỈNH LAI CHÂU

Thêm 05 tiêu chí: Cơ sở văn hóa NTM, với 56 tiêu chí thành phần. Kết quả rà soát rà soát 05 xã đã đạt nông thôn mới, cụ thể như sau:

TT	Tên xã	Kết quả rà soát		Hiện trạng các tiêu chí chưa đạt	Nội dung đầu tư để đạt tiêu chí và nâng cao tiêu chí (đối với tiêu chí cần vốn đầu tư)	Mức cần vốn (Tr. Đồng)				
		Tiêu chí đạt	Tiêu chí chưa đạt			Tổng	Vốn đã có trong KHII giai đoạn 2021-2025	Vốn xã hội hóa	Vốn chưa xác định nguồn	
Tổng						203.159	174.909	1.700	26.559	
1	Xã Bình Lư			Tổng vốn xã Bình Lư		4.272	2.172	1.200	900	
				(1) Tiêu chí số 1 - Quy hoạch:	Đang triển khai thực hiện	246	246			
				(2) Tiêu chí số 2 - Giao thông: 1/4 tiêu chí thành phần đạt; Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ở số đi lại thuận tiện quanh năm: 21,4/22,68km, đạt 94%- chưa đạt	Tuyến đường liên xã Hồ Thẩn - Bình Lư đang thi công, sau khi hoàn thành đạt tiêu chí	-	-			
				(3) Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Xã chưa có điểm vui chơi; xã có 13/15 bản có nhà văn hóa bản, chiếm 86,7% (còn 2 bản chưa có nhà văn hóa: Bản Km2, Thôn Nhứt); nhà văn hóa một số bản được đầu tư xây dựng giai đoạn 2010-2015 đến nay đã bị xuống cấp: Bản Nà Sơn, Hạng Bình, Nà Khan, Nà Phát	(2) Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Để đạt tiêu chí cần xây dựng, nâng cấp: * Nguồn vốn đã xác định: Tổng 1.926 triệu đồng. - Nhà văn hóa cụm khu dân cư bản Nà Khan, Nà Phát, diện tích 200 m2, kinh phí 1.500 triệu đồng (Vốn đầu tư nguồn NTM). - Nhà văn hóa bản Km2 xã Bình Lư + các hạng mục phụ trợ, bản Km2, diện tích 100m2, kinh phí 350 triệu đồng (nguồn NTM). - Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa bản Hạng Bình, bản Hạng Bình, diện tích 70 m2, kinh phí 76 triệu đồng (nguồn NTM). * Nguồn vốn chưa xác định: Tổng 900 triệu đồng. - 150 mỷ kinh phí xây dựng điểm vui chơi, giải trí: 100 triệu đồng. - 150 mỷ xây dựng nhà văn hóa Bản Thổng Nhứt: 800 triệu đồng		2.826	1.926		900
				(4) Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư: Trín địa bàn xã hiện còn 26 nhà tạm, đợt next chưa đảm bảo 3 công theo tiêu chí về nhà ở	Xả hội hóa, sửa 26 nhà tạm	1.300		1.300		
				(5) Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo: Tổng số hộ nghèo của xã 228 hộ/1.228 hộ, chiếm 18,57%, tổng số cận nghèo của xã 198/1228 hộ, chiếm 16,12%. Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã 34,69%	Để đạt tiêu chí, xã đã xây dựng lộ trình giảm nghèo cho giai đoạn 2022-2025, đến 2024 tỷ lệ hộ nghèo sẽ còn dưới 13% (tập trung hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, hỗ trợ việc làm tăng thu nhập để thoát nghèo)	-				
				(6) Tiêu chí số 15 - Y tế: Có 1/4 tiêu chí thành phần chưa đạt (Tỷ lệ người tham gia y tế 79,3%).	Để đạt tiêu chí UBND xã tiếp tục vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế.	-				
				(7) Tiêu chí số 17-Môi trường và an toàn thực phẩm: Có 1/12 tiêu chí thành phần chưa đạt (Tỷ lệ cơ sở sản xuất - Kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, Mng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 8/11 cơ sở, đạt 73%).	Làm tốt công tác tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, nghề nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	-				

TT	Tên xã	Kết quả rà soát		Hiện trạng các tiêu chí chưa đạt	Nội dung đầu tư để đạt tiêu chí và nâng cao tiêu chí (đầu với tiêu chí của văn bản đầu tư)	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)			
		Tiêu chí đạt	Tiêu chí chưa đạt			Tổng	Vốn đã có trong KH giai đoạn 2021-2025	Vốn xã hội hóa	Vốn chưa xác định nguồn
2	Xã Bàn Bò	Hiện nay có 14 tiêu chí đạt, gồm: Tiêu chí 3 - Thủy lợi, Tiêu chí 4 - Điện, Tiêu chí 5 - Trường học, Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng đường nội, Tiêu chí 8 - Thông tin và Truyền thông, Tiêu chí số 9, Tiêu chí 10 - Thu nhập, Tiêu chí 12- Lao động, Tiêu chí 13 - Tổ chức SX và phát triển kinh tế nông thôn, Tiêu chí 14 - Giáo dục và Đào tạo, Tiêu chí số 15 - Y tế, Tiêu chí 16 - Văn hóa, Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Tiêu chí 19 - Quốc phòng và an ninh.	Chưa đạt, gồm 5 tiêu chí; cụ thể: Tiêu chí số 1 - Quy hoạch; Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm.	Tổng vốn xã Bàn Bò		105.756	105.656	-	100
				(1) Tiêu chí số 1 - Quy hoạch	Đang triển khai thực hiện	243	243		-
				(2) Tiêu chí số 2 - Giao thông: Đường nội đồng: Toàn xã có 15,48km/45,93 km được cứng hóa, chiếm 34%.	* Vốn đã xác định được nguồn 105.413 triệu đồng (với 30,490km) - Đường trục bản Nà Cao; bản Phường Hoi; Đường ngõ bản các bản xã Bàn Bò (Hua Sảng; Nặm Phat; Cò Nét Mông; Nà Khay; Phường Tiều; Nà Úc; Nà Can); Đường nội đồng các bản xã Bàn Bò (Hua Sảng; Nặm Phat; Cò Nét Mông; Nà Khay; Phường Tiều; Hợp Nhâm; Nà Can) với chiều dài 6,2km, tổng kinh phí 11.425 triệu đồng (nguồn vốn đồng bào dân tộc thiểu số). - Làn đường trục vòng chế Nặm Phat, Nà Cao, Hưng Phong, Hợp Nhâm, tổng chiều dài 18,550 km, tổng kinh phí 90.000 triệu đồng (nguồn vốn viện trợ Zaka). - Làn đường nội đồng vùng chế Bàn Bò, chiều dài 5,7 km, tổng kinh phí 3.990 triệu đồng (nguồn để in hạ tầng sản xuất hàng hóa).	105.413	105.413		-
				(3) Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Có 1/3 tiêu chí thành phần chưa đạt do hiện nay trên địa bàn xã không có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.	Hỗ trợ trang thiết bị lắp đặt tại nhà văn hóa phục vụ vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, kinh phí 100 triệu đồng	100	-		100
				(4) Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo: Tổng số hộ nghèo của xã 128/1220 hộ, chiếm 10,49 %, tổng số cận nghèo của xã 165/1220 hộ, chiếm 13,52%. Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã 40,41%	Để đạt tiêu chí, xã đã xây dựng lộ trình giảm nghèo cho giai đoạn 2022-2025 trung bình mỗi năm giảm 6,5%, đến 2024 tỷ lệ hộ nghèo xã còn dưới 17%.				
				(5) Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm: Có 2/12 tiêu chí thành phần chưa đạt (Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn; Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định).	Để đạt tiêu chí UBND xã vận động, tuyên truyền nhân dân thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn và thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.				
3	Xã Bàn Hòn	Hiện nay có 13 tiêu chí đạt (gồm: Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí 3 - Thủy lợi, Tiêu chí 4 - Điện, Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa, Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại, Tiêu chí 8 - Thông tin và Truyền thông, Tiêu chí 12- Lao động, Tiêu chí 14 - Giáo dục và Đào tạo, Tiêu chí số 15 - Y tế, Tiêu chí 16 - Văn hóa, Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm, Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Tiêu chí 19 - Quốc phòng và an ninh).	Còn tiêu chí chưa đạt, gồm 6 tiêu chí (cụ thể: Tiêu chí số 1 - Quy hoạch; Tiêu chí 5 - Trường học, Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư, Tiêu chí 10 - Thu nhập; Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí 13 - Tổ chức SX và phát triển kinh tế nông thôn).	Tổng vốn xã Bàn Hòn		18.278	228	150	10.000
				(1) Tiêu chí số 1 - Quy hoạch	Đang triển khai thực hiện	228	228		-
				(2) Tiêu chí số 5 - Trường học: Trên địa bàn xã hiện có 02 trường học, gồm: Trường MN, TH& THCS xã, trong đó: Có 01/02 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất theo quy định; 01 trường chưa đạt chuẩn về cơ sở vật chất theo quy định (Trường Mầm non xã).	+ Đầu tư xây dựng mới các phòng gồm: 04 phòng học, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng Y tế, phòng bảo vệ. + Đầu tư xây dựng các hạng mục phụ trợ gồm: Nhà bếp, khu vệ sinh, nhà để xe với tổng kinh phí dự kiến khoảng 10.000 triệu đồng tại điểm trường trung tâm trường mầm non Bàn Hòn (Giai đoạn 2021-2025) chưa xác định được nguồn vốn đầu tư. Dự kiến nếu bố trí được nguồn thì sẽ thực hiện đi chuyển trường Trung tâm ra khu vực mới theo quy hoạch chung của xã.	10.000	-		10.000
				(3) Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư: Trên địa bàn xã hiện còn 3 nhà tạm, dột nát	Tiếp tục hỗ trợ các nguồn lực để kiến số 03 nhà tạm tại các bản Đông Pao II, Bản Thâm từ các số chức, có nhân, hệ thống chính trị xã hội. Kinh phí ước 50/nhà tổng 150 triệu đồng	150		150	

TT	Tên xã	Kết quả rà soát		Hiện trạng các tiêu chí chưa đạt	Nội dung đầu tư để đạt tiêu chí và nâng cao tiêu chí (đầu với tiêu chí của vốn đầu tư)	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)			
		Tiêu chí đạt	Tiêu chí chưa đạt			Tổng	Vốn đã có trong KH giai đoạn 2021-2025	Vốn xã hội hóa	Vốn chưa xác định nguồn
				(4) Tiêu chí 10 - Thu nhập: Thu nhập bình quân của xã đến hết năm 2022 là 36 triệu đồng/người/năm	Tạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh tăng vụ, khai thác triệt để quỹ đất có khả năng đưa vào sản xuất, tích cực đưa các giống mới chất lượng cao, các mô hình khuyến nông khuyến lâm vào sản xuất, nâng cao thu nhập cho nhân dân. Tạo mọi điều kiện cho nhân dân vay vốn để phát triển sản xuất, phát triển kinh tế trang trại, nuôi trồng thủy sản... Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động người dân trên địa bàn chuyển đổi cơ cấu lao động. Cụ thể giảm tỷ trọng người dân lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, chuyển dịch tăng tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Vận động người dân đăng ký tham gia lao động trong các nhà máy như Xi măng, Thủy điện hoặc đi lao động phổ thông tại các công ty, nhà máy ở dưới xuôi không đòi hỏi về trình độ đào tạo, chuyên môn...				
				(5) Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo: Tổng số hộ nghèo của xã 202/800 hộ, chiếm 33,67%, tổng số cận nghèo của xã 245/900 hộ, chiếm 40,87%. Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã 74,5%	Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể xã tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; chuyển đổi nghề nghiệp, tham gia lao động tại các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn để tăng nguồn thu nhập, góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của toàn xã.				
				(6) Tiêu chí 12 - Tổ chức SX và phát triển kinh tế nông thôn: Có 1/5 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: Chưa có sản phẩm chủ lực của xã được thực hiện truy xuất nguồn gốc được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Xây dựng sản phẩm chủ lực được thực hiện truy xuất nguồn gốc, được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương				
4	Xã Bàn Giang			Tổng vốn xã Bàn Giang		228	228	-	
				(1) Tiêu chí số 1- Quy hoạch	Đang triển khai thực hiện	228	228	-	
				(2) Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư: Trên địa bàn xã hiện còn 10 nhà tạm, đệt nát (đã hoàn thiện hồ sơ, hỗ trợ số 5 nhà, dự kiến quý IV năm 2023 hoàn thành)	Đình giá chung - Chưa đạt tiêu chí; Tiếp tục vận động xã 5 nhà trong năm tiếp theo.	-	-	-	
				(3) Tiêu chí 10 - Thu nhập: Thu nhập bình quân của xã đến hết năm 2022 là 38 triệu đồng/người/năm.	Đề xuất tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh tăng vụ, khai thác triệt để quỹ đất có khả năng đưa vào sản xuất, tích cực đưa các giống mới chất lượng cao, các mô hình khuyến nông khuyến lâm vào sản xuất, nâng cao thu nhập cho nhân dân. Tạo mọi điều kiện cho nhân dân vay vốn để phát triển sản xuất, phát triển kinh tế trang trại, nuôi trồng thủy sản...	-	-	-	
				(4) Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo: Tổng số hộ nghèo của xã 238/883 hộ, chiếm 26,95%, tổng số cận nghèo của xã 106/883 hộ, chiếm 12%. Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã 39%	Tiếp tục thực hiện hỗ trợ các hộ nghèo về vốn, đào tạo nghề, công cụ lao động để người dân tích cực phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững	-	-	-	
				(5) Tiêu chí số 12 - Lao động: 1/2 tiêu chí chưa đạt (Tỷ lệ lao động qua đào tạo hiện nay 60,8%, dự kiến hết năm 2023 đạt 62%)	Tiếp tục tuyên truyền vận động học sinh tốt nghiệp THPT, THPT tiếp tục đi học...; phối hợp các cơ quan chuyển môn mở các lớp dạy nghề trên địa bàn xã	-	-	-	
				(6) Tiêu chí 13 - Tổ chức SX và phát triển kinh tế nông thôn: 2/5 tiêu chí thành phần chưa đạt (Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương. Chưa có tổ chuyên ngành cộng đồng hoạt động hiệu quả).	Xây dựng sản phẩm chủ lực của xã có truy xuất nguồn gốc gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương. Thành lập tổ tổ chuyên ngành cộng đồng hoạt động hiệu quả.	-	-	-	

TT	Tên xã	Kết quả rà soát		Hiện trạng các tiêu chí chưa đạt	Nội dung đầu tư để đạt tiêu chí và nâng cao tiêu chí (đối với tiêu chí của vốn đầu tư)	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)			
		Tiêu chí đạt	Tiêu chí chưa đạt			Tổng	Vốn đã có trong KH giai đoạn 2021-2025	Vốn xã hội hóa	Vốn chưa xác định nguồn
				(7) Tiêu chí 14 – Giáo dục và Đào tạo: Để đạt tiêu chí đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 nhưng tới thời điểm hiện tại xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 cụ thể tỷ lệ người dân từ 15-50 tuổi biết chữ mức độ 2 đạt 87,4% (theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 phải đạt ít nhất 90%)	Hiện tại ban chỉ đạo PCCD, XMC xã Bản Giang đã xây dựng kế hoạch mở lớp xóa mù chữ để đảm bảo tiêu chí đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 cuối năm 2023.	-	-	-	-
				(8) Tiêu chí số 15 - Y tế: Tỷ lệ người tham gia y tế, đạt 82,4% - Chưa đạt	Để đạt tiêu chí UBND xã tiếp tục vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế.				
5	Xã Núi Nặng			Tổng vốn xã Núi Nặng		8.538	3.438	140	
				(1) Tiêu chí số 1- Quy hoạch	Đang triển khai thực hiện	238	238		
				(2) Tiêu chí số 6 - 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã; Sân thể thao đã quy hoạch vị trí xây dựng nhưng chưa có kinh phí thực hiện	Hiện nay đã đầu tư xây dựng nhà thi đấu đa năng xã Núi Nặng. Phục vụ nhu cầu văn hóa thể thao của bà con nhân dân trên địa bàn (xây dựng nhà cấp 4, diện tích 200 m2). Hỗ trợ mua sắm dụng cụ, phục vụ diễn vui chơi.	1.100	1.000	100	
				(3) Tiêu chí số 10 - Thu nhập: Thu nhập bình quân của xã đến hết năm 2022 là 37 triệu đồng/người/năm.	Vận động nhân dân chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, trồng các loại cây có năng suất, chất lượng cao gắn với liên doanh liên kết, để tăng thu nhập, khuyến khích nhân dân đi xuất khẩu lao động, làm việc tại các khu công nghiệp...	-	-	-	
				(4) Tiêu chí số 11 - Tổng số hộ nghèo của xã đến hết năm 2022 là 217/680 hộ, chiếm 31,91%, tổng số cán nghèo của xã 87/680 hộ, chiếm 12,70%. Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã 44,7%	Tập trung phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển các loại cây trồng có lợi thế của địa phương; Khuyến khích nhân dân chuyển đổi nghề nghiệp từ lĩnh vực nông nghiệp sang các loại hình nghề nghiệp khác.	-	-	-	
				(5) Tiêu chí 12 - Lao động: Có % tiêu chí thành phần chưa đạt đó là tỷ lệ lao động qua đào tạo (lập dựng đạt cho cả nam và nữ). Tổng số lao động trên địa bàn xã 2002 lao động, trong đó: số lao động qua đào tạo là 776 lao động, chiếm 38,8%	Thực hiện vận động các công dân trong độ tuổi lao động tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do huyện, tỉnh tổ chức nhằm nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn.	-	-	-	
				(6) Tiêu chí 13 - Tổ chức SX và phát triển kinh tế nông thôn: Có 1/5 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: Chưa có sản phẩm chủ lực của xã được thực hiện truy xuất nguồn gốc được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Xây dựng các sản phẩm chủ lực của xã (Lê) có truy xuất nguồn gốc gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương. Thành lập tổ tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.	-	-	-	
				(7) Tiêu chí 14 – Giáo dục và Đào tạo	Để đạt tiêu chí đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 nhưng tới thời điểm hiện tại xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 cụ thể tỷ lệ người dân từ 15-50 tuổi biết chữ mức độ 2 đạt 87% (theo nghị định Số: 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 phải đạt ít nhất 90%). Hiện tại xã đang mở 2 lớp xóa mù chữ với 33 học viên dự kiến đến cuối năm 2023 đạt tiêu chí	-	-	-	
				(8) Tiêu chí số 15 - Y tế: Có 3/4 tiêu chí thành phần chưa đạt (Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế, đạt 81,7%; Tỷ lệ trẻ từ 6 tuổi đến dưới 14 tuổi tiêm chủng đầy đủ, đạt 92,97%)	Để đạt tiêu chí UBND xã tiếp tục vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, tăng cường công tác tuyên truyền chăm sóc sức khỏe trẻ em.	-	-	-	
				(9) Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm: Có 1/12 tiêu chí thành phần chưa đạt (Toàn địa bàn có 04 điểm được quy hoạch khu mua sắm, bán hàng phù hợp với quy định. Tuy nhiên chưa có nguồn kinh phí để thực hiện ;	Tuyên truyền vận động bà con nhân dân thực hiện việc mua sắm theo phong tục địa phương tự nhiên cần đảm bảo việc cách xa khu dân cư và nguồn nước; đồng thời cần sớm bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng các khu mua sắm tập trung theo quy hoạch (8.000 triệu đồng xã hội hóa)	-	-	-	
		(10) Các nội dung khác:	Xây dựng trường TH & THCS (xây mới 01 nhà lớp học 02 tầng 12 phòng học, diện tích xây dựng khoảng 550m2 và hạng mục phụ trợ), tổng kinh phí 7.200 triệu đồng (vốn đầu tư công ngân sách huyện 5.890 triệu đồng, nguồn xây dựng cơ bản 1.310 triệu đồng).	7.200	7.200	-			

TT	Tên xã	Kết quả rà soát		Hiện trạng các tiêu chí chưa đạt	Nội dung đầu tư để đạt tiêu chí và nâng cao tiêu chí (đối với tiêu chí cần vốn đầu tư)	Nhu cầu vốn (Tỷ đồng)				
		Tiêu chí đạt	Tiêu chí chưa đạt			Tổng	Vốn đã có trong KH giai đoạn 2021-2025	Vốn xã hội hóa	Vốn chưa xác định nguồn	
6	Xã Hồ Thầu	<p>Hiện nay có 13 tiêu chí đạt (gồm: Tiêu chí 3 – Thủy lợi, Tiêu chí 4 – Điện, Tiêu chí 7 – Cơ sở hạ tầng thương mại, Tiêu chí 8 – Thông tin và Truyền thông, Tiêu chí số 9 – Nhà ở dân cư, Tiêu chí 10 – Thu nhập, Tiêu chí 12- Lao động, Tiêu chí 13 – Tổ chức SX và phát triển kinh tế nông thôn, Tiêu chí 14 – Giáo dục và Đào tạo, Tiêu chí 16 – Văn hóa, Tiêu chí số 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm, Tiêu chí 18 – Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Tiêu chí 19 – Quốc phòng và an ninh).</p> <p>Còn tiêu chí chưa đạt, gồm 6 tiêu chí (ví dụ: Tiêu chí số 1- Quy hoạch; Tiêu chí số 2 – Giáo dục; Tiêu chí số 5 – Trường học, Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí số 11 – Hộ nghèo; Tiêu chí số 15 – Y tế).</p>		Tổng nhu cầu vốn xã Hồ Thầu			23.935	12.435	-	11.100
				(1) Tiêu chí số 1- Quy hoạch	Đang triển khai thực hiện	245	245			
				(2) Tiêu chí số 2 – Giáo dục; có 1/4 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: Đường nội đồng: Toàn xã có 18,20km, kiến độ cứng hóa được 8,03 km, đạt 44%	<ul style="list-style-type: none"> * Danh mục đầu tư đã xác định được nguồn, tổng 9.616 triệu đồng, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp đường liên bản Giò Khào-Chủ Lìa; ứng hóa tiếp 0,25 km, nâng cấp mở rộng mặt đường bên bờ Bm=3m; Bm=5m; rãnh dọc thoát nước. Tổng kinh phí 370 triệu đồng (Nguồn vốn NTM). - Đường nội đồng bản Sĩ Thầu Chải; Phục vụ 30ha lúa + hoa màu; Mỏ sên, Cứng hóa chiều dài L=1km, Bm=2,5 m; Bm=3,5-5m và các công trình liên quan. Tổng kinh phí 1.246 triệu đồng (Nguồn vốn NTM). - Đường nội bản Nhiều Sang; Mỏ sên, Cứng hóa chiều dài L=0,5km, Bm=2,5m; Bm=3-5m; rãnh dọc thoát nước 02 bên. Tổng kinh phí 600 triệu đồng (Nguồn vốn NTM). - Đường nội đồng bản Phó Hồ Thầu; đường trục các bản Chủ Lìa, Rừng Ói-Khào Thầu, Tả Chải Tổng chiều dài 5,5km, tổng kinh phí 5.000 triệu đồng (Nguồn vốn Đề án 88 - Đồng bào dân tộc thiểu số). - Đường nội đồng bản Chủ Lìa (BTXM L=2km, Bm=4m, Bm=3m, khoảng 300m bố trí 01 điểm trình xe; công trình thoát nước BT, BTCT. Tổng kinh phí 2.400 triệu đồng (nguồn vốn đầu tư công - Ngân sách huyện). 	9.616	9.616			
				(3) Tiêu chí số 5 – Trường học: Trên địa bàn xã hiện có 02 trường học, gồm trường mầm non, THPTCS, trong đó: 1/2 trường chưa đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu (Trường mầm non chưa đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trường THPTCS đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1).	Để đạt tiêu chí cần đầu tư, để xuất cụ thể: Đầu tư xây mới 10 phòng 10 phòng (04 phòng học; 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 1 phòng hội đồng, 01 phòng tiếp khách, 01 phòng hiệu phó, 01 phòng hành chính, 01 phòng y tế) và Các hạng mục phụ trợ gồm: Nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà xe, khu vệ sinh với tổng kinh phí 11.000 triệu đồng tại điểm trường trung tâm trường mầm non Hồ Thầu (trong giai đoạn 21-25 Chưa có chủ trương đầu tư)	11.000	-		11.000	
				(3) Tiêu chí số 6 – Cơ sở vật chất văn hóa: Có 1/3 tiêu chí thành phần chưa đạt do hiện nay trên địa bàn xã không có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.	Hỗ trợ trang thiết bị lắp đặt tại nhà văn hóa phục vụ vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, kinh phí 100 triệu đồng (chưa có nguồn).	100			100	
				(4) Tiêu chí số 11 – Hộ nghèo: TTổng số hộ nghèo của xã 317/727 hộ, chiếm 43,6%, tổng số cận nghèo của xã 86/727 hộ, chiếm 11,83%. Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã 55,43%	Để đạt tiêu chí, xã đã xây dựng lộ trình giảm nghèo cho giai đoạn 2023-2025 trung bình mỗi năm giảm 13,5%, đến 2024 tỷ lệ hộ nghèo xã còn 11,76%.	-				
				(6) Tiêu chí số 15 – Y tế: Có 1/4 tiêu chí thành phần chưa đạt (Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế, đạt 78,2%.	Để đạt tiêu chí UBND xã tiếp tục vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế.	-				
				Nâng cao tiêu chí khác	Đầu tư sửa chữa công trình NSH bản Rừng Ói Khào Thầu, xã Hồ Thầu, tổng kinh phí 2.974 triệu đồng (Nguồn vốn Đề án 88 – ĐBĐTT).	2.974	2.974			

TT	Tên xã	Kết quả và suất		Hiện trạng các tiêu chí chưa đạt	Nội dung đầu tư để đạt tiêu chí và nâng cao tiêu chí (đối với tiêu chí của vốn đầu tư)	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)				
		Tiêu chí đạt	Tiêu chí chưa đạt			Tổng	Vốn đã có trong KPI giai đoạn 2021-2025	Vốn xã hội hóa	Vốn chưa xác định nguồn	
7	Xã Thìn Sìn	<p>Hiện nay có 11 tiêu chí đạt (gồm: Tiêu chí số 03 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai; Tiêu chí số 04 - Điện; Tiêu chí số 05 - Trường học; Tiêu chí số 07 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Tiêu chí số 08 - Thông tin và truyền thông; Tiêu chí số 09 - Nhà ở dân cư; Tiêu chí số 10 - Thu nhập; Tiêu chí số 13 - Tỷ chèo sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 16 - Văn hóa; Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh).</p> <p>Chưa đạt, gồm 8 tiêu chí, cụ thể: Tiêu chí số 01 - Quy hoạch; Tiêu chí số 02 về Giao thông; Tiêu chí số 06 Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều; Tiêu chí số 12 - Lao động; Tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo; Tiêu chí số 15 - Y tế; Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm</p>		Tổng nhu cầu vốn xã Thìn Sìn			41.687	41.937	-	1.750
				(1) Tiêu chí số 01 - Quy hoạch			228	228		
				(2) Tiêu chí số 2 - Giao thông: Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ở số đi lại thuận tiện quanh năm: 11,87/14,52 km, chiếm 82% - Chưa đạt; Đường thôn bản và đường liên thôn: Toàn xã có 2,7 km, hiện đã cứng hóa được 0 km, đạt 0% - Chưa đạt	- Cứng hóa đường giao thông lên bản Thìn Sìn Cầu, với chiều dài 3,7km, khoảng 500m bề ngang (01 điểm chỉnh sửa; công trình thoát nước, bê tông, bê gia cố taluy. Tổng kinh phí 5.000 triệu đồng (1.800 triệu đồng vốn đầu tư công ngân sách huyện, 550 triệu đồng vốn xây dựng cơ bản, 2.650 triệu đồng chưa xác định được nguồn). - Cứng hóa đường giao thông liên bản Thìn Sìn Cầu - Pao Khảo chiều dài 2,7km (Đã được phân nguồn từ Quỹ PCTT tỉnh Lai Châu với số tiền 4416 triệu đồng, đã khảo sát, xây dựng dự toán, chờ thực hiện trong quý IV năm 2023)		7.666	4.416		2.650
				(3) Tiêu chí số 06 - Cơ sở vật chất văn hóa: Có 1/3 tiêu chí thành phần chưa đạt. Hiện nay trên địa bàn xã không có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi	Để đạt tiêu chí của đề nghị đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao 8/8 bản cho trẻ em và người cao tuổi. Hỗ trợ trung thiết bị lắp đặt tại nhà văn hóa phục vụ vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, kinh phí 100 triệu đồng (chưa có nguồn).		100	-		100
				(4) Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều: Tổng số hộ nghèo của xã 266/728 hộ, chiếm 36,54%, tổng số cận nghèo của xã 120/728 hộ, chiếm 16,46%. Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã 57,3%	Để đạt tiêu chí, xã đã xây dựng lộ trình giảm nghèo cho giai đoạn 2023-2025 trung bình mỗi năm giảm 10,7%, đến 2025 tỷ lệ hộ nghèo xã còn dưới 13%.					
				(5) Tiêu chí số 12 - Lao động: Tổng số lao động trên địa bàn xã 2410 lao động, trong đó: số lao động qua đào tạo là 1443 lao động, chiếm 59,87% - chưa đạt	Để đạt tiêu chí trên địa bàn xã cần đào tạo thêm 196 lao động. Để đạt được tiêu chí cần tiếp tục phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp huyện mở các lớp đào tạo nghề và cấp chứng chỉ cho lao động nông thôn để đảm bảo các lao động phổ thông ngày càng có tay nghề trong lao động, tăng năng suất, hiệu quả lao động. Năm 2025 đã mở 05 lớp với 90 học viên.					
				(6) Tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo: Có 1/7 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: Xã chưa đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Để đạt tiêu chí các cấp trường trên địa bàn xã cần xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia và chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn đáp ứng các tiêu chí nông thôn mới. Thực hiện tốt công tác giáo dục tư tưởng, tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ có con em trong độ tuổi đi học được tiếp tục đến trường nhằm duy trì tỷ lệ phổ cập cho trẻ dưới 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.					
				(7) Tiêu chí số 15 - Y tế: Có 2/4 tiêu chí thành phần chưa đạt (Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế, đạt 87,4% - Chưa đạt; Tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, chiếm 24,2% - Chưa đạt)	Để đạt tiêu chí UBND xã tiếp tục thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và đặc biệt là trẻ em, truyền truyền vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế.					
(8) Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm: Có 2/12 tiêu chí thành phần chưa đạt (Tỷ lệ cơ sở sản xuất-kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, lồng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Trên địa bàn xã có 01 cơ sở sản xuất cá lồng lồng với quy mô nhỏ hộ gia đình, có ao, bể lắng đọng nước thải trong quá trình sản. Chưa đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; Đút cày xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn 2m2/người.	- UBND xã đã ban hành các văn bản hướng dẫn, đến đốc cơ sở sản có đăng riêng đăng ký kế hoạch và đăng đất, hoàn thiện hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định. - Để đạt tiêu chí thực hiện tốt công tác xây dựng cảnh quan môi trường bản, thực hiện trồng hoa trên các tuyến đường, cây xanh ven đường... Tân dựng đất dãi dãi của 2 tuyến đường tỉnh lộ và các bãi thải gần khu dân cư để trồng cây xanh công cộng.									

TT	Tên xã	Kết quả rà soát		Hiện trạng các tiêu chí chưa đạt	Nội dung đầu tư để đạt tiêu chí và nâng cao tiêu chí (đối với tiêu chí cần vốn đầu tư)	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)			
		Tiêu chí đạt	Tiêu chí chưa đạt			Tổng	Vốn đã có trong KH giai đoạn 2021-2025	Vốn xã hội hóa	Vốn chếm xác định nguồn
				Các nội khác: các tiêu chí cần nguồn kinh phí để nâng cao chất lượng tiêu chí	<p>1) Giao thông: + Cường hóa đường ra khu sản xuất Chè bán Lò Thàng 1 + Bán Lò Thàng 2 + Bán Đồng Phong (Phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển nông sản của nhân dân bán Lò Thàng 1, 2 + Bán Đồng Phong, xã Thèn Sín (Mục tiêu phục vụ 5ha đất lúa hoa màu, 40 ha đất chè); Đường GTNT cấp B, L=800m, B=3,5m, Bm = 3m. Tổng kinh phí 804 triệu đồng (nguồn vốn NTM năm 2022 đã giao). + Mở mới, cường hóa đường ra khu sản xuất, giãn dân cư bán Na Đông, Thèn Sín 1 - Thèn Sín 2 (Phục vụ nhu cầu giãn dân, đi lại, vận chuyển nông sản của nhân dân bán Na Đông, Thèn Sín 1 + Thèn Sín 2, xã Thèn Sín); Tổng chiều dài L=5 km, chia làm 2 tuyến, trong đó: Tuyến 1 có L = 0,9 km, đường để có nền đường 4m; tuyến 2 có L = 4 km có lại nền đất đường nền rộng khoảng 1-1,5 m. Tổng kinh phí 2.216 triệu đồng (Vốn NTM bổ trợ giai đoạn 2023-2025). + Đường nội đồng của bán xã Thèn Sín (bán Sín Cầu; bán Pui Khéo); đường ra khu sản xuất bán Thèn Sín 1, Lò Thàng 1+2, với chiều dài 11,3km, tổng kinh phí 11.423 triệu đồng (Nguồn vốn để án Dân tộc thiểu số - bổ trợ giai đoạn 2023-2025). + Hệ thống rãnh thoát nước dân sinh bán Lò Thàng 1 + 2 xã Thèn Sín, tổng chiều dài 638m, kinh phí 1.500 triệu đồng (nguồn vốn đầu tư công bằng ngân sách huyện). + Cường hóa đường giao thông lên bán Sín Cầu, với chiều dài 3,7km, khoảng 500m bổ trợ 01 điểm tránh xe; công rãnh thoát nước, bê tông; kê gĩa cỏ nẩy. Tổng kinh phí 5.000 triệu đồng (1.800 triệu đồng vốn đầu tư công ngân sách huyện; 550 triệu đồng vốn xây dựng cơ bản, 2.650 triệu đồng chếm xác định được nguồn). 2) Khu dân cư: Sắp xếp ổn định dân cư bán Na Đông 1, xã Thèn Sín huyện Tam Đường, tổng kinh phí 21.000 triệu đồng (vốn để án DTTS giai đoạn 2022-2025).</p>	39.293	39.293		
8	Xã Khan Hà	<p>Hiện nay có 9 tiêu chí đạt (gồm: Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí 1 - Thủy lợi, Tiêu chí 4 - Điện; Tiêu chí 5 - Trường học; Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại, Tiêu chí 8 - Thông tin và Truyền thông, Tiêu chí 16 - Văn hóa, , Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, Tiêu chí 19 - Quốc phòng và an ninh)</p> <p>Chưa đạt, gồm 10 tiêu chí (cụ thể: Tiêu chí số 1- Quy hoạch; Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư, Tiêu chí 10 - Thu nhập, Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí 12- Lao động; Tiêu chí 13 - Tổ chức SX và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí 14 - Giáo dục và Đào tạo; Tiêu chí số 15 - Y tế; Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm)</p>		Tổng nhu cầu vốn xã Khan Hà		3.265	1.415	250	1.600
				(1) Tiêu chí số 1- Quy hoạch		278	278		
				(2) Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Xã chưa có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đưa vào quy hoạch, đề nghị đầu tư kinh phí xây dựng khu hoạt động cộng đồng đa năng tại TT xã Khan Hà; kinh phí 1.000 triệu đồng. - 100% bán có nhà văn hóa (nhưng hiện nay xuống cấp không đáp ứng được yêu cầu). Đề nghị đầu tư kinh phí xây mới nhà VH: bán Chũ Khéo; bán Can Hồ; bán Nặm Phác; bán Thèn Thầu), mở rộng, xây mới: bán Ngủ Thầu Thập; tổng 600 triệu đồng.	1.600	-		1.600
				(3) Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư: Trên địa bàn xã hiện còn 5 nhà tạm, đất nện	Tiếp tục huy động các nguồn lực để kiến cố 05 nhà tạm tại các bán Thèn Thầu, Nặm Đích, Sín Phàng Thập, Can Hồ, Mỏ Sưu Phấn Cao từ các tổ chức, cá nhân, hệ thống chính trị xã hội. Kinh phí 50tr/nhà tổng 250 triệu đồng	250		250	
				(4) Tiêu chí số 10 - Thu nhập: Thu nhập bình quân của xã Khan Hà đến hết năm 2022 đạt 38 triệu đồng/người/năm-chưa đạt	Tích cực vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thay đổi cơ loại cây có năng suất thấp chuyển sang các cây có hiệu quả kinh tế cao như Thanh Leo, cây được hiệu dưới tán rừng...				
				(5) Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo: Tổng số hộ nghèo của xã 401/1049 hộ, chiếm 38,23%, tổng số cận nghèo của xã 266/1049 hộ, chiếm 25,36%. Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã 63,59%	Để xuất tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, giảm canh tác vụ, khai thác triệt để quỹ đất có khả năng đưa vào sản xuất, tích cực đưa các giống mới chất lượng cao, các mô hình khuyến nông khuyến lâm vào sản xuất, nâng cao thu nhập cho nhân dân. Tạo mọi điều kiện cho nhân dân vay vốn để phát triển sản xuất, phát triển kinh tế trang trại, nuôi trồng thủy sản...				
				(6) Tiêu chí 12- Lao động: Tổng số lao động trên địa bàn xã 3697 lao động, trong đó: số lao động qua đào tạo là 1969 lao động, chiếm 53,25% (1748 lao động đã qua đào tạo cấp bằng, chứng chỉ từ 03 tháng trở lên; 221 lao động có kỹ năng, tay nghề tự học từ 03 năm trở lên)	Phối hợp với trung tâm dạy nghề của huyện mở thêm các lớp đào tạo nghề nông thôn dự kiến mỗi năm mở thêm 3 lớp, mỗi lớp 10 học viên				

TT	Tên xã	Kết quả rà soát		Hiện trạng các tiêu chí chưa đạt	Nội dung đầu tư để đạt tiêu chí và nâng cao tiêu chí (đối với tiêu chí cần vốn đầu tư)	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)			
		Tiêu chí đạt	Tiêu chí chưa đạt			Tổng	Vốn đã có trong KH giai đoạn 2021-2025	Vốn xã hội hóa	Vốn chếm xác định nguồn
				(7) Tiêu chí 13 – Tổ chức SN và phát triển kinh tế nông thôn: Có 1/3 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: Chưa có sản phẩm chủ lực của xã được thực hiện truy xuất nguồn gốc được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Dự kiến năm 2023 đang hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục đăng ký mã vùng sản xuất cây điều quả để xuất khẩu; xây dựng truy xuất nguồn gốc Charh leo gần với vùng sản xuất	-			
				(8) Tiêu chí 14 – Giáo dục và Đào tạo: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ; Xã Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 1, Trung tâm học tập cộng đồng xếp loại tốt - chưa đạt tiêu chí	Để đạt tiêu chí đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 nhưng tới thời điểm hiện tại xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 cụ thể tỷ lệ người dân từ 15-60 tuổi biết chữ mức độ 2 đạt 80,7% (theo nghị định Số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 phải đạt ít nhất 90%). Hiện tại ban chỉ đạo PCGD, XMC xã Khan Hà đã xây dựng kế hoạch mở lớp xóa mù chữ để đảm bảo tiêu chí đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 cuối năm 2024.	-			
				(9) Tiêu chí số 15 – Y tế: Có 2/4 tiêu chí thành phần chưa đạt: Xã chưa đạt tiêu chí quốc gia về y tế; Tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, chiếm 29,1%	Để đạt tiêu chí, UBND xã tiếp tục thực hiện các công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và đặc biệt là trẻ em.	-			
				(10) Tiêu chí số 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm: Có 1/12 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	Tiếp tục vận động các bên xây dựng Hồ Bi trên các tuyến đường nội đồng để chứa rác vỏ cơ và vỏ thuốc BVTV	-			
				(i) các nội dung khác: Nâng cao chất lượng tiêu chí	Đầu tư trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Khan Hà (đầu tư 01 nhà bếp, nhà ăn), tổng kinh phí 1.137 triệu đồng (nguồn vốn DTTT).	1.137	1.137		-

Phụ biểu 09. BIỂU RÀ SOÁT CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI 4 XÃ CHƯA ĐẠT CHUẨN THEO QUYẾT ĐỊNH 1285/QĐ-UBND NGÀY 27/9/2022 CỦA UBND TỈNH LAI CHÂU

Theo Bộ tiêu chí: Có 19 tiêu chí NTM, với 56 tiêu chí thành phần; Kết quả rà soát: Rà soát 4/4 xã chưa đạt nông thôn mới, cụ thể như sau:

TT	Tên xã	Kết quả rà soát		Hiện trạng các tiêu chí chưa đạt	Nội dung đầu tư để đạt tiêu chí và nâng cao tiêu chí (đối với tiêu chí cần vốn đầu tư)	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)			
		Tiêu chí đạt	Tiêu chí chưa đạt			Tổng	Vốn đã có trong KH giai đoạn 2021-2025	Vốn xã hội hóa	Vốn chưa xác định nguồn
Tổng						111.963	100.453	50	11.460
1	Xã Sơn Bình	Hiện nay có 15 tiêu chí đạt (gồm: Tiêu chí số 2 – Giao thông; Tiêu chí 3 – Thủy lợi; Tiêu chí 4 – Điện; Tiêu chí 5 – Trường học; Tiêu chí 7 – Cơ sở hạ tầng thương mại; Tiêu chí 8 – Thông tin và Truyền thông; Tiêu chí số 9 – Nhà ở dân cư; Tiêu chí 10 – Thu nhập; Tiêu chí 12- Lao động; Tiêu chí 13 – Tổ chức SX và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí 14 – Giáo dục và Đào tạo; Tiêu chí số 15 – Y tế; Tiêu chí 16 – Văn hóa; Tiêu chí 18 – Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật ; Tiêu chí 19 – Quốc phòng và an ninh).	Còn tiêu chí chưa đạt, gồm 4 tiêu chí (cụ thể: Tiêu chí số 1- Quy hoạch; Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí số 11 – Hộ nghèo; Tiêu chí số 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm.)	Tổng xã Sơn Bình		10.850	7.150	-	3.700
				(1) Tiêu chí số 1 – Quy hoạch	Đang triển khai thực hiện	200	200	-	-
				(2) Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa: Tổng số bản trên địa bàn xã 07 bản, trong đó: - Có 5/7 bản có nhà văn hóa bản, đạt 71,42%. - Còn 02 bản chưa có nhà văn hóa (cụ thể: Bản 46, Chu Va 6, bên cạnh đó nhà văn hóa bản Nặm Dề được xây từ 2008 cũng đã xuống cấp)	- Dề nghị đầu tư kinh phí xây mới Nhà văn hóa bản 46, Nhà văn hóa bản Chu Va 6 kinh phí 800 triệu đồng; - Mở rộng, xây mới nhà văn hóa bản Nặm Dề, kinh phí dự kiến 300 triệu đồng. - Nâng cấp các hạng mục tường bao, cổng nhà văn hóa Tân Hợp, kinh phí dự kiến 100 triệu đồng	1.200	-	-	1.200
				(3) Tiêu chí số 11 – Hộ nghèo: TTổng số hộ nghèo của xã giai đoạn 2021-2025 là 236/951 hộ chiếm 24,82%; hộ cận nghèo 97 hộ, chiếm 10,20%. Tỷ lệ nghèo đa chiều chiếm 35,02%	Để đạt tiêu chí, xã đã xây dựng lộ trình giảm nghèo cho giai đoạn 2023-2025 trung bình mỗi năm giảm 5,92%, đến 2025 tỷ lệ hộ nghèo xã còn dưới 13%.	-	-	-	-
				(4) Tiêu chí số 17 - Môi trường: 2/12 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: - Trên địa bàn xã có 06 ở sơ sản xuất, kinh doanh; gồm: 03 cơ sở chế biến đông lạnh (hiện tại không hoạt động); 03 nhà máy thủy điện đang hoạt động thuộc đối tượng phải có hồ sơ môi trường, có 3/6 cơ sở đã hoàn thiện hồ sơ đảm bảo quy định về môi trường đạt 50%; 100% các hộ nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đạt 100%. - Trên địa bàn xã hiện có khoảng 4km đường nội đồng được bỏ tri một số Hồ bi chứa và thuốc BVTV; Trạm y tế đã chủ động phân loại, thu gom xử lý chất thải rắn y tế theo đúng quy định. Tuy nhiên chưa được xử lý	- Phải hợp cơ quan chuyên môn hướng dẫn các cơ sở chế biến đông lạnh thực hiện các nội dung hồ sơ đảm bảo môi trường theo đúng quy định. - Thực hiện tốt công tác tuyên truyền cho các hộ dân trong việc nuôi trồng thủy sản cá nước lạnh đúng theo quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình chăn nuôi, phát triển cá nước lạnh trên địa bàn. - Về thu gom: Tiếp tục vận động nhân dân xây dựng, lắp đặt thêm các hố bi dọc các tuyến đường nội đồng, tuyên truyền nhân dân ý thức thực hiện tốt việc sử dụng, thu gom và gói thuốc bảo vệ thực vật đúng theo quy định. - Về xử lý phức hợp cơ chuyên môn quản lý chất thải nguy hại và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương	-	-	-	-
(5) Các nội dung khác: Nâng cao chất lượng tiêu chí: Đầu tư trường tiểu học và THCS xã Sơn Bình (xây dựng 01 nhà hiệu bộ + nhà chức năng 2 tầng, sân bê tông và bồn hoa), tổng kinh phí 9.000 triệu đồng. Trường mầm non xã Sơn Bình (DD cấp III - 02 tầng); nước sinh hoạt	- Trường học (nguồn vốn đầu tư công bằng ngân sách huyện): tổng kinh phí 6.950 triệu đồng. - Nước sinh hoạt: Đầu tư nâng cấp, sửa chữa đường nước sạch cho nhân dân bản Chu Va 8 (vì đường nước của bản được đầu tư năm 2009 đã hư hỏng, xuống cấp không đáp ứng đủ nhu cầu nước sạch của 173 hộ bản Chu Va 8). Tổng nhu cầu kinh phí 2.500 triệu đồng (chưa xác định được nguồn).	9.450	6.950	-	2.900				

2	Xã Giang Ma	Hiện nay có 8 tiêu chí đạt (gồm: Tiêu chí 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí 5 - Trường học; Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại; Tiêu chí 8 về thông tin và truyền thông; Tiêu chí 10 - Thu nhập; Tiêu chí 14 - Giáo dục và Đào tạo; Tiêu chí 16 - Văn hóa; Tiêu chí 19 - Quốc phòng và an ninh).	Chưa đạt, gồm 11 tiêu chí (cụ thể: Tiêu chí số 1- Quy hoạch; Tiêu chí số 02 - Giao thông; Tiêu chí 4 - Điện; Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư; Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo; Tiêu chí 12- Lao động; Tiêu chí 13 - Tổ chức SX và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 15 - Y tế; Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm; Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật).	Tổng xã Giang Ma		41.441	38.041	50	3.350
				(1) Tiêu chí số 1 - Quy hoạch	Đang triển khai thực hiện	200	200		
				(2) Tiêu chí số 2 - Giao thông: Có 1/4 tiêu chí thành phần chưa đạt (Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: 16,91/18,53km, chiếm 93% - Chưa đạt	- Để đạt tiêu chí đầu tư nâng cấp 1,62km	1.500	-		1.500
				(3) Tiêu chí số 4 - Điện: 1/2 tiêu chí thành phần chưa đạt: Tỷ lệ hộ sử dụng điện 741/785 hộ được sử dụng điện thường xuyên an toàn, đạt 94,39%, 44 hộ chưa được sử dụng điện lưới quốc gia - chưa đạt	Tiếp tục rà soát lại các hộ dân chưa được sử dụng điện tại các bản để có phương án hỗ trợ hoặc kiến nghị ngành điện có phương án để các hộ dân được sử dụng điện an toàn theo quy định tại Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 07/11/2022 của Bộ Công Thương.	-	-		-
				(4) Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Có 1/3 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: Sân thể thao trung tâm xã rộng 3.000m2 đã có mặt bằng nhưng chưa được đầu tư hệ thống rãnh cấp thoát nước và các công trình phụ trợ để đảm bảo yêu cầu vui chơi, giải trí và thể dục thể thao của toàn xã	Đầu tư điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi trên địa bàn xã. Đầu tư hệ thống rãnh cấp thoát nước và các công trình phụ trợ cho sân thể thao trung tâm xã rộng 3.000m2. Hỗ trợ trang thiết bị lắp đặt tại nhà văn hóa phục vụ vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, kinh phí 300 triệu đồng (chưa có nguồn).	300	-		300
				(5) Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư: Trên địa bàn xã hiện còn 01 nhà tạm, dột nát	Để đạt tiêu chí vận động nhân dân, nguồn xã hội hóa để xóa 01 nhà tạm, dột nát, cần huy động 50 triệu đồng (chưa xác định nguồn vốn).	50	-	50	-
				(6) Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo: Tổng số hộ nghèo của xã 227/785 hộ, chiếm 28,92%, tổng số cận nghèo của xã 63/785 hộ, chiếm 8,03%. Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã 37%	Lồng ghép các nguồn vốn của chương trình MTQG để thực hiện giảm nghèo trên địa bàn xã, phấn đấu giảm nghèo đến cuối năm 2023 còn 161 hộ, chiếm 20,25%; cận nghèo còn 51 hộ, chiếm 6,42% (phấn đấu đến cuối năm thoát nghèo 66 hộ; thoát cận nghèo 12 hộ)	-	-		-
				(7) Tiêu chí 12- Lao động: Số lao động qua đào tạo là 1.776 lao động, chiếm 69%	Liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, giới thiệu việc làm cho khoảng 30 người lao động. Phối hợp với cơ quan cấp trên xây dựng kế hoạch, đào tạo bồi dưỡng cho lao động nông thôn mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn, dài hạn về nông nghiệp, phi nông nghiệp. Nâng cao kiến thức, kỹ năng cho người lao động. Hỗ trợ đầu tư vốn, tư liệu sản xuất cho các lao động nông thôn phát triển kinh tế. Trong năm mở thêm 2 lớp dạy nghề ngắn hạn với 60 học viên.	-	-		-
				(8) Tiêu chí 13 - Tổ chức SX và phát triển kinh tế nông thôn: Có 2/5 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: Chưa có sản phẩm chủ lực của xã được thực hiện truy xuất nguồn gốc được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương. Trên địa bàn xã không có tổ khuyến nông cộng đồng.	Tập trung phát triển OCOP sản phẩm chủ lực của xã (cây ăn quả ôn đới, sắn lai châu) được thực hiện truy xuất nguồn gốc và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương (đã đề xuất DA liên kết, SX phát triển cây Sắn Lai Châu do Quỹ Thiện tâm hỗ trợ). Lãnh đạo, chỉ đạo thành lập tổ khuyến nông cộng đồng đồng hoạt động hiệu quả.	-	-		-
				(9) Tiêu chí số 15 - Y tế: Có 1/4 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) chiếm 35,22%.	Để đạt tiêu chí UBND xã tiếp tục thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và đặc biệt là trẻ em.	-	-		-
(10) Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm: Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm: Có 3/12 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: - 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn - 17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Trên địa bàn có 03 điểm được quy hoạch khu mai táng, phù hợp với quy định, (tuy nhiên chưa có nguồn thực hiện, hiện tại vẫn thực hiện mai táng theo phong tục của địa phương) - chưa đạt - 17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Đến nay tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch có 452/785 đạt 57,57%.	- Tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất kết hợp với đầu tư của nhà nước để xây dựng khu mai táng phù hợp với quy định; Tuyên truyền vận động người dân thực hiện dân chủ phân chia loại rác để xử lý, đối với các hộ kinh doanh yêu cầu nghiêm túc thực hiện gom và xử lý. - Năm 2023 tiếp tục tuyên truyền, vận động các hộ trồng hoa hồng xây dựng các bể chứa, thùng chứa thuốc BVTV đảm bảo vệ sinh môi trường theo đúng quy định - Hỗ trợ 100 nhà vệ sinh dự kiến tổng kinh phí 500 triệu đồng (chưa xác định nguồn vốn).	500	-		500				

			(11) Tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị: 1/6 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: Hiệu toàn xã có 19/20 cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quyết định số 05/2002/QĐ-UBND, ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh Lai Châu, chiếm 85%.	Tăng cường nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cán bộ, công chức xã; Duy trì học Đại học 05 cán bộ, công chức, cử 02 công chức đi học đại học để đảm bảo cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quyết định số 05/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu.					
			(1) Các nội dung khác: Nâng cao chất lượng các tiêu chí	<ul style="list-style-type: none"> - Đường nội đồng bản Sin Cầu, xã Giang Ma (Đàn tộ đi lại sản xuất phục vụ cho các trên 200 hộ ở các bản Sin Cầu, Sà Thàng, Ngòi Chá và Tà Cu Tý với diện tích trên 47 ha lúa); Đường GTNT C; chiều dài L= 0,8km, Bn= 3,5m; Bm=3m; mặt đường BTXM. Tổng nguồn vốn 836 triệu đồng (nguồn vốn NTM). - Đường trục bản Ngòi Chá (Phục vụ đi lại lao động sản xuất cho 79 hộ dân), Tổng chiều dài L=0,43km, Bn=4m, Bm=3m và các công trình phụ trợ trên tuyến. Tổng nguồn vốn 900 triệu đồng (nguồn vốn NTM). - Đường trục các bản Giang Ma, bản Xin Chá, bản Sà Thàng; Đường ngõ bản các bản; Đường nội đồng các bản xã Giang Ma, với chiều dài 8km, tổng kinh phí 5.000 triệu đồng (vốn đồng bào dân tộc thiểu số). - Đường từ bản Giang Ma và bản Sin Cầu đến trung tâm xã Giang Ma, với chiều dài 6km, tổng kinh phí 9.600 triệu đồng (vốn đồng bào dân tộc thiểu số). - Thủy lợi Sà Thàng, Phìn Chá, tưới 30ha lúa 01 vụ, tổng kinh phí 2.500 triệu đồng (vốn đồng bào dân tộc thiểu số). - Trường học: Xây dựng trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Giang Ma (08 phòng học thông thường và bộ môn; 01 nhà bếp, nhà ăn), tổng kinh phí 7.055 triệu đồng (vốn đồng bào dân tộc thiểu số). - Đầu tư công trình nước sinh hoạt bản Mào Phố xã Giang Ma (xây dựng đầu mối, bể lọc, bể điều tiết, tuyến ống dài khoảng 21 km và các công trình trên tuyến), tổng kinh phí 6.500 triệu đồng (5.900 triệu đồng bằng ngân sách huyện đầu tư công; 600 triệu đồng nguồn vốn xây dựng cơ bản). - Nước sinh hoạt tập trung xã Giang Ma (xử chừa đầu mối, làm mới bể thu, xây dựng: Bể lọc, bể điều tiết, tuyến ống dài 25km và các hạng mục công trình trên tuyến), tổng kinh phí 5.000 triệu đồng (3.950 triệu đồng bằng ngân sách huyện đầu tư công; 500 triệu đồng nguồn vốn xây dựng cơ bản; còn 550 triệu đồng chưa xác định nguồn). - Điểm bán nông sản xã Giang Ma, tổng kinh phí 1.000 triệu đồng (nguồn sách địa 	38.391	37.841	550		
3	Xã Tà Lèng	Hiện nay có 10 tiêu chí đạt (gồm: Tiêu chí 3 – Thủy lợi, Tiêu chí 4 – Điện; Tiêu chí 7 – Cơ sở hạ tầng thương mại, Tiêu chí 8 – Thông tin và Truyền thông, Tiêu chí số 9 – Nhà ở dân cư, Tiêu chí 12- Lao động, Tiêu chí 13 – Tổ chức SX và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí 14 – Giáo dục và Đào tạo, Tiêu chí 16 – Văn hóa, Tiêu chí 19 – Quốc phòng và an ninh).	Còn tiêu chí chưa đạt, gồm 9 tiêu chí (cụ thể: Tiêu chí số 1- Quy hoạch; Tiêu chí số 2 – Giao thông; Tiêu chí 5 – Trường học; Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 10 – Thu nhập; Tiêu chí số 11 – Hộ nghèo; Tiêu chí số 15 – Y tế; Tiêu chí số 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm; Tiêu chí 18 – Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật)	Tổng xã Tà Lèng		34.946	34.636	-	310
			(1) Tiêu chí số 1 – Quy hoạch:	Đang triển khai thực hiện		200	200		
			(2) Tiêu chí 2 - Giao thông: 2/4 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: Đường trục bản, nội bản: Toàn xã có 4,54 km, hiện đã cứng hóa được 3,24km, đạt 71% ; Đường nội đồng: Toàn xã có 19,17.km, hiện đã cứng hóa được 8,03 km, đạt 42%.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm đường nội đồng bản Thèn Pá (Điểm đầu ruộng Giàng A Sinh-điểm cuối ruộng Giàng A Hò), Phục vụ cho khoảng 9 ha lúa 1 vụ; Đồ bê tông mặt đường chiều dài khoảng L= 0,5km; Bn=3m; Bm= 2,5m. Tổng kinh phí 550 triệu đồng (nguồn vốn NTM). - Làm đường nội đồng bản Thèn Pá (khu Háng A Mãi), Phục vụ cho khoảng 20 ha lúa, ngô hoa màu khác và 13 hộ dân đang sinh sống; Đồ bê tông mặt đường chiều dài khoảng L= 0,9 km, Bn= 3m; Bm= 2,5m. Tổng kinh phí 1.186 triệu đồng (nguồn vốn NTM). - Đường liên bản San Tra Mán - Bản Phìn Ngan Xin Chá; Đường nội đồng, ngõ bản các bản xã Tà Lèng, chiều dài 8,1 km. Tổng kinh phí 6.700 triệu đồng (nguồn vốn DTTS). - Đường từ bản Phìn Ngan Xin Chá đến trung tâm xã Tà Lèng, chiều dài 6,5km. Tổng kinh phí 10.400 triệu đồng (nguồn vốn DTTS). 	18.836	18.836	-		
			(3) Tiêu chí 5 – Trường học: Trên địa bàn xã hiện có 03 cấp trường học, gồm: Trường MN, PTDTBT Tiểu học, THCS, trong đó: Có 2/3 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu; 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, cụ thể: Trường PTDTBT Tiểu học, được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm 2014 (tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 10/01/2014)	Trường Mầm non đạt chuẩn CSVC tối thiểu. Trường THCS chưa đạt chuẩn CSVC tối thiểu. Do đó, đề xuất Đầu tư Trường THCS: Nhà chức năng + phòng học 3 tầng 8 gian và các hạng mục phụ trợ. Tổng kinh phí 6.900 triệu đồng (nguồn đầu tư công bằng ngân sách huyện).	6.900	6.900			
			(4) Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa: Hiện nay trên địa bàn xã chưa có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi	Hỗ trợ trang thiết bị lắp đặt tại nhà văn hóa phục vụ vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, kinh phí 100 triệu đồng.	100	-		100	

			(5) Tiêu chí 10 – Thu nhập: Thu nhập bình quân của xã đến hết năm 2022 là 38 triệu đồng/người/năm	Đề xuất tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh tăng vụ, khai thác triệt để quỹ đất có khả năng đưa vào sản xuất, tích cực đưa các giống mới chất lượng cao, các mô hình khuyến nông khuyến lâm vào sản xuất, nâng cao thu nhập cho nhân dân. Tạo mọi điều kiện cho nhân dân vay vốn để phát triển sản xuất, phát triển kinh tế trang trại, nuôi trồng thủy sản.	-	-	-	
			(6) Tiêu chí số 11 – Hộ nghèo: Toàn xã còn 255/900 hộ nghèo, chiếm 28,33%. 111 hộ cận nghèo chiếm 12,33%. Tổng tỷ lệ nghèo đa chiều của xã là 40,66%	Vận động nhân dân đăng ký thoát nghèo, vươn lên phát triển kinh tế tập trung mọi nguồn vốn từ các chương trình dự án như hỗ trợ cây, con giống, các máy móc nông cụ, hỗ trợ làm nhà ở, nhà tiêu hợp vệ sinh, vay vốn phát triển sản xuất, dạy nghề ... Tạo mọi điều kiện cho người dân thoát nghèo vươn lên phát triển kinh tế.	-	-	-	
			(7) Tiêu chí số 15 – Y tế: Có 1/4 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: (Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chưa cao theo tuổi), chiếm 25,44%).	Tăng cường tuyên truyền, thực hành cho bà mẹ có con dưới 5 tuổi về kiến thức, thực hành dinh dưỡng chăm sóc trẻ	-	-	-	
			(8) Tiêu chí số 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm: Có 2/12 tiêu chí thành phần chưa đạt, cụ thể: Trên địa bàn xã chưa có hệ thống đầu tư nước sạch; Hiện có 560/900 hộ có nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh, đạt 62,2%.	Đề xuất đầu tư: Tổng kinh phí 9.060 triệu đồng, trong đó: - Đã xác định được nguồn 8.700 triệu đồng. + Đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt San Tra Mán, xã Tá Lùng. Tổng nhu cầu kinh phí 2.700 triệu đồng (Nguồn vốn NQ số 51 – Đầu tư công bằng ngân sách huyện) + Đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt bản Phìn Ngạn Lao Chải – Phìn Ngạn Xin Chải, tổng kinh phí 6.000 triệu đồng (Nguồn vốn NQ số 51 – Đầu tư công bằng ngân sách huyện). - Nội dung chưa xác định được nguồn 210 triệu đồng. + Hỗ trợ xây dựng 70 nhà tiêu hợp vệ sinh, kinh phí 210 triệu (chưa xác định được nguồn).	8.910	8.700	210	
			(9) Tiêu chí 18 – Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Có 1/6 tiêu chí thành phần chưa đạt	Tiếp tục cử cán bộ công chức đi học để nâng cao trình độ chuyên môn	-	-	-	
4	Xã Nà Tâm	Hiện nay có 11 tiêu chí đạt (gồm: Tiêu chí số 2 – Giao thông; Tiêu chí 3 – Thủy lợi; Tiêu chí 4 – Điện; Tiêu chí 7 – Cơ sở hạ tầng thương mại; Tiêu chí 8 – Thông tin và Truyền thông; Tiêu chí số 9 – Nhà ở dân cư; Tiêu chí 12- Lao động; Tiêu chí 13 – Tổ chức SX và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 15 – Y tế; Tiêu chí 16 – Văn hóa; Tiêu chí 19 – Quốc phòng và an ninh).	Còn tiêu chí chưa đạt, gồm 8 tiêu chí (cụ thể: Tiêu chí số 1- Quy hoạch; Tiêu chí 5 – Trường học; Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa; Tiêu chí 10 – Thu nhập; Tiêu chí số 11 – Hộ nghèo; Tiêu chí 14 – Giáo dục và Đào tạo; Tiêu chí số 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm; Tiêu chí 18 – Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật)	Tổng xã Nà Tâm	24.726	20.626	-	4.100
			Tiêu chí số 1 – Quy hoạch:	Đang triển khai thực hiện	200	200		
			(2) Tiêu chí 5 – Trường học Trên địa bàn xã hiện có 03 trường học, gồm trường mầm non, tiểu học, THCS, trong đó có 2/3 trường đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, có 1/3 trường đạt chuẩn quốc gia, cụ thể: Trường mầm non đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1; Trường tiểu học, được công nhận chuẩn Quốc gia năm 2010 theo quyết định Số 411/QĐ-UBND tỉnh ngày 7/4/2010; Trường THCS Chưa đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu. Đến tháng 8/2023 sáp nhập trường tiểu học Nà Tâm, THCS Nà Tâm thành trường TH&THCS. Vậy toàn xã có 1/2 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, tỷ lệ 50%. Trường TH&THCS Nà Tâm sau khi sáp nhập chưa đáp ứng được nhu cầu cơ sở vật chất tối thiểu theo thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của BGD&ĐT về ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học - Chưa đạt.	Để đạt tiêu chí cần đầu tư, đề xuất cụ thể: Để Trường TH&THCS Nà Tâm đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất cần đầu tư xây dựng thêm 12 phòng học chức năng (02 phòng ngoại ngữ, 02 tin học, 02 phòng công nghệ, 02 phòng đa chức năng, 01 phòng khoa học tự nhiên, 01 phòng khoa học xã hội, 01 phòng âm nhạc, 01 phòng mỹ thuật); 04 phòng lớp học, 04 phòng phục vụ học tập (01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng đoàn đội, 01 phòng y tế học đường và các công trình phụ trợ (nhà vệ sinh, tường rào...)). Tổng nhu cầu kinh phí 14.000 triệu đồng (5.000 triệu đồng nguồn vốn huyện NTM; 5.000 triệu đồng nguồn đầu tư công trung hạn được điều chỉnh tại Kỳ họp 14 HĐND huyện; 4.000 triệu chưa xác định được nguồn).	14.000	10.000		4.000
			(3) Tiêu chí 6 – Cơ sở vật chất văn hóa: Hiện nay trên địa bàn xã không có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi	Hỗ trợ trang thiết bị lắp đặt tại nhà văn hóa phục vụ vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi, kinh phí 100 triệu đồng (chưa có nguồn).	100	-		100
			(4) Tiêu chí 10 – Thu nhập: Thu nhập bình quân của xã đến hết năm 2022 là 29 triệu đồng/người/năm	Đề xuất tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh tăng vụ, khai thác triệt để quỹ đất có khả năng đưa vào sản xuất, tích cực đưa các giống mới chất lượng cao, các mô hình khuyến nông khuyến lâm vào sản xuất, nâng cao thu nhập cho nhân dân. Tạo mọi điều kiện cho nhân dân vay vốn để phát triển sản xuất, phát triển kinh tế trang trại, nuôi trồng thủy sản.	-	-	-	

Phụ biểu 10. ĐÁNH GIÁ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI THEO QUYẾT ĐỊNH 320/QĐ-TTg NGÀY 08/3/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Theo Bộ tiêu chí: Có 9 tiêu chí Huyện NTM, với 36 tiêu chí thành phần

Kết quả rà soát:

+ Có 3 tiêu chí đạt, gồm: Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai; Tiêu chí số 4 - Điện; Tiêu chí số 9 - Hệ thống chính trị - an ninh trật tự - Hành chính công)

+ Tiêu chí chưa đạt, gồm có 6 tiêu chí, cụ thể: Tiêu chí số 1 - Quy hoạch; Tiêu chí số 2 - Giao thông; Tiêu chí số 5 - Y tế; Văn hóa và Giáo dục; Tiêu chí số 6 - Kinh tế; Tiêu chí số 7 - Môi trường; Tiêu chí số 8 - Chất lượng môi trường sống).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Huyện Tam Đường		Giải pháp, đề xuất	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)		
				Hiện trạng	Kết quả đánh giá		Tổng	Trong đó: Vốn đã có trong kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Vốn chưa xác định nguồn
Tổng							178.941	130.828	48.113
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện[1] được phê duyệt có thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	Hiện đang thực hiện, dự kiến hoàn thiện trong năm 2023 (UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ tại QĐ số 735/QĐ-UBND ngày 5/6/2023)	Chưa đạt	Hiện đang thực hiện, dự kiến hoàn thiện trong năm 2023. Nhu cầu vốn 1.869 triệu đồng, trong đó năm 2022 đã bố trí vốn 756 triệu, nhu cầu bổ sung 1.113 triệu đồng	1.869	756	1.113
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥01 công trình	Chưa đánh giá, vì chưa phê duyệt quy hoạch vùng huyện					
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông tiến độ bản huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Hàng năm huyện giao kinh phí cho các xã thực hiện công tác bảo trì các tuyến đường liên xã, liên vùng	Đạt				
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	Tổng 04 tuyến L=56,806km /04 xã Nà Tâm, Khun Há, Tà Lông, Bản Giang, cứng hóa 51,696km = 91,0%, đường cấp phối 5,11km = 9%. Hiện trạng 25,11km xuống cấp nghiêm trọng (tuyến Nà Tâm = 5,5km, tuyến Khun Há = 9,5km, tuyến Tà Lông L=5km, tuyến Bản Giang L=5,11km)	Chưa đạt	Cứng hóa 5,11 km để nâng tỷ lệ cứng hóa đạt 100%; nâng cấp, cải tạo 25,11km đường bị xuống cấp, cụ thể: - Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Bản Giang - Nùng Nàng và các công trình trên tuyến, quy mô 7,6 km, tổng mức đầu tư 18.200 triệu đồng (nguồn NTM); - Nâng cấp, cải tạo tuyến đường QL4D - Tà Lông - San Cha Mán, quy mô 4,5 km, tổng mức đầu tư 9.560 triệu đồng (Nguồn NTM); - Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Khun Há, quy mô 5,6 km, tổng mức đầu tư 10.400 triệu đồng (Nguồn NTM).	38.160	38.160	
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	≥50%	Với 56,806km chưa được trồng cây xanh dọc tuyến theo quy định, chưa đạt.	Chưa đạt	Trồng cây xanh trên các tuyến đường, đảm bảo tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến ≥50%, cụ thể: Trồng cây xanh (lạt hoa, muồng hoàng yến...) trên các tuyến đường Nà Tâm, Bản Giang, Tà Lông, bằng nguồn sự nghiệp NTM, xã hội hóa, khuyến nông)	5.000	5.000	
		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	Bến xe khách được đầu tư năm 2010 (tại Quyết định đầu tư số 1393/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh Lai Châu). Quy mô đầu tư: Diện tích khoảng 5.560 m ²	Đạt				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Huyện Tam Đường		Giải pháp, đề xuất	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)		
				Hiện trạng	Kết quả đánh giá		Tổng	Trong đó: Vốn đã có trong kế hoạch giai đoạn 2021-2023	Vốn chưa xác định nguồn
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Tổng số công trình thủy lợi trên địa bàn là 160 công trình, tổng chiều dài 432,33 km kênh mương (Kênh đã kiên cố 261,36 km chiếm 60%, kênh đất 170,97 km), phục vụ tưới tiêu cho 633,9ha lúa và chiêm, 3.649,65ha lúa vụ mùa, 584,6ha hoa màu và 111,67ha thủy sản; các công trình được đầu tư đồng bộ.	Đạt				
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Các công trình thủy lợi đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt				
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Hệ thống điện liên xã được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống; toàn huyện có 100% số xã, 100% số bản được sử dụng điện lưới quốc gia; tỷ lệ sử dụng điện toàn huyện đạt 99,9%.	Đạt				
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	- Trung tâm y tế huyện thực hiện 2 chức năng: khám chữa bệnh và dự phòng; Bệnh viện hạng 3 với 110 giường bệnh. - Có 100% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. (Trung tâm Y tế chưa đạt chuẩn theo quy định).	Chưa đạt	Đầu tư xây dựng mới khu khám, chữa các bệnh cách ly, các bệnh truyền nhiễm và phục hồi chức năng (Nhà khám chữa bệnh truyền nhiễm, diện tích 332 m ² , diện tích sân 725 m ² ; nhà bếp 165 m ² ; nhà ăn 240 m ² ; khu cách ly 500 m ² ; nhà vệ sinh chung 20 m ² ; bể nước 30 m ² ; sân bê tông, rãnh thoát nước, cống, tường rào...), bằng nguồn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KT - XH	15.000	15.000	
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã	Đạt	Chưa đạt chuẩn theo quy định về các hạng mục: Xây dựng Hội trường 350 chỗ ngồi, bể bơi 200m ² . Đầu tư hệ thống âm thanh, ánh sáng; trang phục, đạo cụ phục vụ luyện tập; đường gít sân vận động huyện; sân cỏ nhân tạo.	Chưa đạt	Đầu tư xây dựng các hạng mục đạt chuẩn, cụ thể: Xây dựng Hội trường 350 chỗ ngồi; bể bơi 200m ² . Đầu tư hệ thống âm thanh, ánh sáng; trang phục, đạo cụ phục vụ luyện tập; đường gít sân vận động huyện; sân cỏ nhân tạo, bằng nguồn NTM	13.000	13.000	
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	≥60%	Toàn huyện có 02 trường Trung học phổ thông trong đó 1/2 trường đạt chuẩn Quốc gia, tỷ lệ 50%. Trường Trung học phổ thông Bình Lư đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Tam Đường chưa đạt chuẩn Quốc gia (Lý do Cơ sở vật chất xuống cấp trầm trọng, chưa đảm bảo theo thông tư 13,14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020).	Chưa đạt	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện. - Giai đoạn 2022-2024 đầu tư một số hạng mục: nhà lớp học thường, nhà lớp học bộ môn, nhà nội trú học sinh, các hạng mục phụ trợ tường rào, sân, phòng cháy chữa cháy... theo Quyết định đầu tư số 1127/QĐ-UBND ngày 24/8/2022, kinh phí 44,8 tỷ (Nguồn vùng EBDTTS); - Để đạt chuẩn cần đầu tư một số hạng mục khác: Nhà hiệu bộ, Nhà bếp ăn, nhà công vụ..., kinh phí 40 tỷ (Đề nghị Sở GD&ĐT bố trí đầu tư để đạt chuẩn theo quy định).	44.800	44.800	
		5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1	Hiện nay TT GDNN-GDTCX chưa đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo quy định.	Chưa đạt	Đầu tư xây dựng 01 phòng Kế toán; 01 phòng Văn thư, thư vụ; 01 phòng bồi dưỡng chuyên môn; 01 phòng họp Hội đồng; 01 phòng Tin học; 01 phòng Ngoại ngữ; 01 phòng Y tế và các công trình phụ trợ khác, kinh phí 6.500 triệu đồng (Nguồn NTM)	6.500	6.500	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Huyện Tam Đường		Giải pháp, đề xuất	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)		
				Hiện trạng	Kết quả đánh giá		Tổng	Trong đó: Vốn đã có trong kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Vốn chưa xác định nguồn
6	Kinh tế	6.1. Cơ khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	Chưa có	Chưa đạt		-		
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đầu tư xây dựng năm 2011, hoàn thành năm 2013, tổng diện tích khoảng 12.500 m ² (Các Quyết định đầu tư, nâng cấp, sửa chữa số: 51/QĐ-UBND ngày 13/01/2011; 85/QĐ-UBND ngày 10/01/2012; 945/QĐ-UBND ngày 31/5/2012; 2114/QĐ-UBND ngày 09/10/2012; 2404/QĐ-UBND ngày 30/11/2013; 2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND huyện Tam Đường).	Đạt		-		
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Huyện đã có vùng nguyên liệu tập trung, có liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm về cây Chè - Hiện nay trên địa bàn huyện có toàn huyện có 07 cơ sở chế biến chè (03 công ty, 02 Hợp tác xã, 02 hộ gia đình), với hơn 3.200 hộ dân tham gia liên kết; các cơ sở chế biến đảm bảo tiêu 100% an lượng chế biến tại huyện	Đạt		-		
		6.4. Cơ Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt	TTDVNN huyện được thành lập năm 2018 (tại Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND huyện Tam Đường); được UBND huyện ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức (Tại Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 10/10/2018)	Đạt		-		
		7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng phát sinh	Đạt	Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện chủ yếu xử lý bằng phương pháp chôn lấp	Chưa đạt	Mở rộng bãi chôn lấp rác thải huyện: Giải phóng một bằng để mở rộng diện tích, chi phí xây dựng, chi phí khác: Lập hồ sơ xây lắp, hồ sơ môi trường theo quy định, kinh phí 5.000 triệu đồng; Đầu tư xây dựng bãi chôn lấp rác thải tại xã Bản Bo (Khu vực bản Hưng Phong)- Chôn lấp chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp, kinh phí 2.000 triệu đồng.	7.000		7.000

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Huyện Tam Đường		Giải pháp, đề xuất	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)		
				Hiện trạng	Kết quả đánh giá		Tổng	Trong đó: Vốn đã có trong kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Vốn chưa xác định nguồn
7	Môi trường	7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥40%	Trên địa bàn huyện 12.278 hộ, trong đó có 635 hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn, chiếm 5,17%. (Năm 2021: tổ chức triển khai 02 mô hình phân loại và các giải pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường cho 02 bản là bản Chu Va 6, xã Sơn Bình và bản Giang Ma, xã Giang Ma với 240 hộ gia đình tham gia; Năm 2022 tổ chức triển khai 04 mô hình phân loại và các giải pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường cho 04 bản là bản Nà Luông, bản Coóc Nọc, xã Nà Tâm và bản Thôn Pá và bản Hồ Pôn, xã Tả Lèn với 395 hộ gia đình tham gia)	Chưa đạt	Tiếp tục tuyên truyền nhân rộng mô hình hình phân loại và các giải pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường.	-		
		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	≥01 mô hình	Chưa có	Chưa đạt	Xây dựng mô hình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp	-		
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	≥01 công trình	Chưa có	Chưa đạt	Đề xuất đầu tư, xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp, tổng kinh phí 40.000 triệu đồng. (các nội dung đầu tư: Hộp đầu xử, công thu gom nước thải từ các hộ, công vận chuyển nước thải, công chính thu gom nước thải, trạm bơm thoát nước, giếng tách nước thải, giếng thăm, cửa xả,... và các công trình phụ trợ khác) (chưa xác định được nguồn) - Huyện đã đề xuất bằng nguồn KHCN phục vụ xây dựng NTM từ TW, nhưng đến nay chưa có quyết định	40.000		40.000
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	Trên địa bàn huyện không có khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Đạt		-		
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥2m ² /người	≥2m ² /người	Đạt		-		
		7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥90%	≥90%	Đạt		-		
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng và bảo vệ môi trường theo quy định	100%	Hiện tại việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thị trấn với khu vực thu gom không lớn nên được vận chuyển ngay khi thu gom từ xe đẩy tay lên xe rác	Đạt		-		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Huyện Tam Đường		Giải pháp, đề xuất	Nhu cầu vốn (Tr. Đồng)		
				Hiện trạng	Kết quả đánh giá		Tổng	Trong đó: Vốn đã có trong kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Vốn chưa xác định nguồn
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥ 12%	Tổng số hộ trên địa bàn huyện 12.278 hộ, trong đó có 1.329 hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung, chiếm 10,8%	Chưa đạt	Đầu tư cụm NSH bản Phiêng Giàng, Nà Luông Nà Tâm, kinh phí 2.220 triệu đồng (Nguồn CT MTQG vùng DTTS); - NSH bản Cò Nọi Mông, NSH bản Nậm Phát xã Bản Bò, kinh phí 2.906 triệu đồng (Nguồn CT MTQG vùng DTTS); - NSH bản Nà Tâm, NSH bản Nà Văn, xã Nà Tâm, kinh phí 2.906 triệu đồng (Nguồn CT MTQG vùng DTTS); - NSH bản Nà Hiêng, xã Nà Tâm, kinh phí 1.800 triệu đồng (Nguồn CT MTQG vùng đồng bào DTTS);	7.612	7.612	
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥ 35%	Tổng số công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện là 105 công trình tại 109 bản; đã thành lập được 88 tổ quản lý, khai thác, chiếm 80,7%.	Đạt		-		
		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	Chưa kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt	Chưa đạt	Xây dựng kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	-		
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	52/126 mô hình bản sáng - xanh - sạch đẹp	Đạt		-		
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm là 2.156/2.339 cơ sở, đạt 92,2% (trong đó: Lĩnh vực Công thương 320/338 cơ sở; lĩnh vực Nông nghiệp 1.718/1.869 cơ sở; lĩnh vực Y tế 118/132 cơ sở).	Chưa đạt	Tuyên truyền cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	-		
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ (tại Quyết định số 363-QĐ/TU ngày 19/01/2022 của Tỉnh ủy Lai Châu về xếp loại chất lượng Đảng bộ trực thuộc Tỉnh năm 2021).	Đạt		-		
		9.2. Tổ chức chính trị-xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Các tổ chức CT-XH của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (Tại Quyết định số 679-QĐ/HU ngày 20/12/2021 của Huyện ủy Tam Đường về việc xếp loại TCCSĐ năm 2021)	Đạt		-		
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Đạt	Đến thời điểm hiện tại đánh giá (15/6/2022) không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Đạt		-		
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Hệ thống an ninh, trật tự trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định	Đạt		-		
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Toàn huyện hiện có 27 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3; có 84 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được công khai trên trang https://dichvucong.laichau.gov.vn/	Đạt		-		
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Hiện toàn huyện có 13/13 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt		-		

Phụ biểu 11. BIỂU RÀ SOÁT TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO THEO QĐ 1285

Kết quả: Rà soát

- Có đạt 10/19 tiêu chí, cụ thể: Tiêu chí 3. Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí 4. Điện; Tiêu chí 7. Hạ tầng thương mại; Tiêu chí 8. Thông tin truyền thông; Tiêu chí 9. Nhà ở dân cư; Tiêu chí 12. Lao động; Tiêu chí số 13(Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn); Tiêu chí 15. Hành chính công; Tiêu chí 16. Tiếp cận pháp luật; Tiêu chí số 19 (Quốc phòng và An ninh).

- Tiêu chí, chưa đạt, gồm có 9 tiêu chí: Tiêu chí số 1 (Quy hoạch); Tiêu chí số 2 (Giáo dục); Tiêu chí số 5 (Giáo dục), Tiêu chí số 6 (Văn hóa), Tiêu chí số 10 (Thu nhập), Tiêu chí số 11 (Nghèo đa chiều), Tiêu chí số 14 (Y tế), Tiêu chí số 17 (Môi trường), Tiêu chí số 18 (Chất lượng môi trường sống)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu theo Quyết định 1285/QĐ-UBND tỉnh	Hiện trạng	Kết quả đánh giá	Giải pháp thực hiện	Nhu cầu vốn			
							Tổng	Vốn đã giao giai đoạn 2021 - 2025	Nhu cầu vốn	
		Tổng					114.020	105.050	4.940	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Chưa có	Chưa đạt	Tiếp tục đơn đốc, phối hợp với các đơn vị tư vấn đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác quy hoạch theo kế hoạch;	393	393		
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Chưa có	Chưa đạt	Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch				
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Chưa có	Chưa đạt	Xây dựng quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	700		700	
2	Giáo dục	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sạch - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	100%	Xã có tổng 9,6km/9,6km được bảo trì hàng năm	Đạt	Duy tu, bảo dưỡng theo quy định các tuyến đường xã, đường trục bản, liên bản, đường ngõ bản, đường trục chính nội đồng đảm bảo chất lượng sau đầu tư. Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư ưu tiên đầu tư các tuyến đường xã, kết nối giao thông các bản đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	175	175		
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn bản	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%	Toàn xã có 4,413 km/4,413 km được cứng hóa, chiếm 100% và bảo trì hàng năm	Đạt	Hàng năm thực hiện tốt công tác vận động nhân dân tham gia bảo trì các tuyến đường			
			Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sạch - xanh - sạch - đẹp	100% (trong đó ≥ 50% chiếu sáng tại Khu dân cư)	Toàn xã có 4,413 km/4,413 km được chiếu sáng chiếm 100%	Đạt	Hàng năm vận động nhân dân tham gia đóng góp để nâng cấp sửa chữa duy trì các hệ thống đường điện chiếu sáng trong khu dân cư			
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sạch - xanh - sạch - đẹp	≥85%	Toàn xã có 7,1777 km/8,267 km được cứng hóa, chiếm 86 %	Đạt	Vận động nhân dân xây dựng và duy trì các bản bản sạch xanh - sạch - đẹp				
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	≥60%	Toàn xã có 15,48/45,93 km được cứng hóa, chiếm 34%	Chưa đạt	Trong giai đoạn đầu tư xây dựng cứng hóa một đường 30,45km đường giao thông nội đồng Tại các bản trên địa bàn xã	105.413	105.413		
3	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	Tổng số 14 công trình thủy lợi, với 35,9 km (đã cứng hóa 24,8 km, kính đất 11,1 km), phục vụ tưới tiêu tổng 441 ha diện tích cây trồng (trong đó: Lúa mùa 290 ha, lúa đông xuân 151 ha, cây màu 42ha); đạt ≥ 95%	Đạt	Thực hiện tốt công tác quản lý vận hành các công trình thủy lợi trên địa bàn xã đảm bảo nước phục vụ nhu cầu sản xuất của nhân dân				
		3.2. Có ít nhất 01 số chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Trên địa bàn xã có 01 HTX quản lý vận hành các công trình thủy lợi	Đạt	Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã quản các công trình thủy lợi trên địa bàn				
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiêu trên, tưới kiểm nước	≥10%	Diện tích cây trồng chủ lực của xã 441 ha, diện tích được tưới tiêu trên, tưới kiểm nước 441 ha, chiếm 100%	Đạt	Đảm bảo diện tích cây trồng của xã được tưới nước 100%				
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm 14/14 công trình, đạt 100%	Đạt	Hàng năm tiếp tục kết hợp với Công ty Thủy nông tưới, HTX thủy nông xã, thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng, quản lý, vận hành, khai thác các công trình thủy lợi tại các bản đảm bảo nước tưới tiêu phục vụ sản xuất.	105	105		
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xã vào công trình thủy lợi	Đạt	Số công trình được kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xã vào 14, chiếm 100 %	Đạt					

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu theo Quyết định 1285/QĐ-UBND tỉnh	Hiện trạng	Kết quả đánh giá	Giải pháp thực hiện	Nhu cầu vốn		
							Tổng	Vốn đã giao giai đoạn 2021 - 2025	Nhu cầu vốn
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chỉ định và phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khả	Việc thực hiện phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đảm bảo đạt khả	Đạt				
4	Điện	Tỷ lệ hộ có điện kỹ trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥90%	Trên địa bàn xã có 12 trạm hạ thế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành điện, với 20 km đường dây, tỷ lệ hộ có điện kỹ trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn tin cậy và ổn định 100%	Đạt	Thường xuyên tuyên truyền tới Nhân dân trên địa bàn xã sử dụng điện lưới an toàn; tiếp tục đề xuất với vị quản lý có phương án đầu tư, nâng cấp, các tuyến, thành chưa đảm bảo			
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Tên địa bàn xã có 03 trường học đều đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; chưa có trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	Chưa đạt	- Xây dựng trường PTDTBT Tiểu học xã đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; Hiện nay, xã GD&ĐT đã có quyết định phê duyệt đầu tư 09 phòng học cho trường tiểu học xã, dự kiến đến giữa năm 2024 sẽ hoàn thành; - Xây 01 phòng bảo vệ tại trường PTDTBT Tiểu học với mức đầu tư 80 tr.đ	80	80	
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Tỷ lệ đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi 100%	Đạt	Tiếp tục duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi			
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS	Mức độ 1	Tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15 đến 18 đang học chương trình g	Chưa đạt	BCD tiếp tục lãnh đạo chỉ đạo duy trì tỷ lệ chuyển cấp của học sinh THCS đạt từ 95% trở lên; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động học sinh trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS tiếp tục tham gia chương trình THPT hoặc trung cấp chuyên nghiệp đạt 80% trở lên.			
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	Tiếp tục duy trì và nâng cao mức độ chuẩn xóa mù chữ cho nhân dân trên địa bàn.			
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khả	Cộng đồng học tập xã luôn xếp loại khả	Đạt	Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân hưởng ứng các phong trào xây dựng cộng đồng học tập, đồng họ học tập, gia đình học tập			
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	≥ 01 mô hình	Trường THCS xã có 01 mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng mô hình rèn luyện thể lực cho học sinh; chỉ đạo xây dựng mô hình rèn luyện thể lực tại trường PTDTBT tiểu học xã			
6	Văn hóa	6.1. Có lập đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	- Trang tâm Văn hóa - Thể thao xã được đầu tư xây dựng riêng biệt.	Đạt	Chưa có Trang tâm văn hóa, thể thao	Chưa đạt	Xây dựng Trang tâm văn hóa - thể thao xã	2.000	2.000
			- Có 50% các điểm cộng cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.	50%	Các nhà văn hóa xã chưa lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời	Chưa đạt	Thực hiện tuyên truyền nhân dân các bản lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời phục vụ cho nhân dân luyện tập thể dục thể thao hằng các nguồn lực xã hội hóa		
			- Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị 04 cuộc/năm.	Đạt	Hàng năm xã tổ chức 5-6 cuộc tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị	Đạt	Tiếp tục duy trì và nâng cao các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị		
			- Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng 02 cuộc/năm.	Đạt	Hàng năm, xã tổ chức 2 hội diễn văn nghệ quần chúng	Đạt	Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các hội diễn văn nghệ quần chúng tại địa phương	120	120
			- Duy trì hoạt động thường xuyên 03 câu lạc bộ trở lên.	Đạt	Hiện tại, xã có 01 câu lạc bộ đàn tính; 01 câu lạc bộ liên thế hệ trẻ gần nhau; 01 câu lạc bộ đường sinh	Đạt	Tiếp tục duy trì hoạt động có hiệu quả các câu lạc bộ hiện có và thành lập thêm câu lạc bộ văn hóa văn nghệ.		
			- Thư viện phục vụ cho nhân dân đạt tối thiểu từ 1.500 lượt/năm trở lên.	Đạt	Xã chưa có thư viện	Chưa đạt	Cải tạo điểm bera điện văn hóa xã, hay dựng các nguồn sách từ thư viện huyện và trong nhân dân, thành lập thư viện xã	500	500
			Tổ chức thi đấu thể thao 4 giải/năm	Đạt	Hàng năm, xã tổ chức 1-2 giải thể thao; tham gia đầy đủ các giải thể thao do huyện tổ chức	Chưa đạt	Tổ chức các giải thể thao vào các dịp lễ, tết, sự kiện quan trọng của đất nước, tỉnh, huyện và địa phương	60	60
			- Thu hút 20% tổng số dân trở lên hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo	Đạt	Trên 20% nhân dân trong xã được hưởng thụ và tham gia các hoạt động sáng tạo	Đạt	Tiếp tục nâng cao chất lượng hưởng thụ và các hoạt động sáng tạo của người dân		
6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định (nếu có)	Đạt	Xã không có di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo	Đạt	Tiếp tục sưu tầm và kiểm kê các giá trị văn hóa trên địa bàn, đề nghị công nhận di sản (nếu có)					

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu theo Quyết định 1285/QĐ-UBND tỉnh	Hiện trạng	Kết quả đánh giá	Giải pháp thực hiện	Nhu cầu vốn		
							Tổng	Vốn đã giao giai đoạn 2021 - 2025	Nhu cầu vốn
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn sống thân môi	≥ 85% bản tiêu chuẩn VH; trong đó có 15% bản được tặng GK, 15% gia đình được tặng GK.	Toàn xã có 11/13 bản (85%), 5/5 cơ quan (100%), 89 % số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	Đạt	Tiếp tục làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư.			
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Cơ sở hạ tầng chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Trên địa bàn xã được xây dựng chợ năm 2017, với diện tích 450.m2. Chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đa bước đầu xây dựng nền Chợ chuyên đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm. Tuy nhiên theo hướng dẫn của Bộ Công thương tại Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022, "do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng nông thôn mới nâng cao" nên không cần định giá tiêu chí này.			
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Cơ điểm phục vụ ban chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Hiện trên địa bàn xã có 1 điểm phục vụ lưu chính, được xây dựng năm 2002; có 01 cộng tác viên phục vụ dân hòa về cơ sở vật chất, dịch vụ cung ứng và đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật	Đạt	Tiếp tục tham mưu, chỉ đạo, nâng cấp điểm lưu chính xã, đầu tư trang thiết bị phục vụ người dân tiếp cận và giải quyết các thủ tục hành chính trên môi trường mạng	200		200
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	50%	Trên 70% số thuê bao trên địa bàn sử dụng điện thoại thông minh	Đạt	Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân khai thác và sử dụng hiệu quả các tiện ích trên điện thoại thông minh, định hướng người dân cách giác với các thông tin xấu, độc trên internet, mạng xã hội....			
		8.3. Cơ dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	12/13 bản trên địa bàn xã có hệ thống loa truyền thanh thu phát được các trường trình của đài tiếng nói VN; 100% các bản trên địa bàn xã có khả năng xem được các trường trình truyền hình của trung ương và địa phương. Có ... điểm cung cấp xuất bản phẩm theo Hướng dẫn số 1789/HĐ-STTTT ngày 10/10/2022	Đạt	Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống truyền thanh cơ sở.	30		30
8	Thông tin và truyền thông	8.4. Cơ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến của xã được giải quyết trực tuyến đạt 40% chưa đạt 50% so với hướng dẫn số 1789/HĐ-STTTT. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số đạt ...%	Chưa đạt	Tiếp tục chỉ đạo nâng cao tỷ lệ và chất lượng giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến, chỉ đạo UBND phối hợp với các đoàn thể chính trị, xã hội tuyên truyền hướng dẫn người dân về kỹ năng sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản.			
		8.5. Cơ mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khó vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	≥ 1 điểm	Xã có 02 điểm wifi miễn phí cho người dân (nhà văn hóa hương phong; trụ sở UBND xã)	Đạt	Tiếp tục chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của các điểm wifi miễn phí;			
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥90%	Hiện số hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố trên địa bàn xã là 1136/1203 hộ, đạt 94,4%	Đạt	Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân quan tâm sửa chữa, nâng cấp nhà ở; kêu gọi các tổ chức đoàn thể, nhà hảo tâm hỗ trợ xây dựng nhà ở cho những hộ đặc biệt khó khăn, không có điều kiện làm nhà ở kiên cố			
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (tỷêu đồng/ người) - Năm 2021 ≥ 43 triệu đồng; - Năm 2022 ≥ 47 triệu đồng; - Năm 2023 ≥ 51 triệu đồng; - Năm 2024 ≥ 55 triệu đồng; - Năm 2025 ≥ 59 triệu đồng .	Đạt	Đến cuối năm 2022, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn đạt 42/47 triệu (theo hộ tiêu trí) mục tiêu đến năm 2025 là 59 triệu đồng/người/năm	Chưa đạt	Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất; tiếp tục nâng cao chất lượng thâm canh cây chè, năng suất tích chè thu hoạch lên 80tha, sản lượng 12 nghìn tấn; làm tốt công tác phát triển kinh tế rừng; kinh thành các khu vực sản xuất hàng hóa chất lượng cao ... chú trọng phát triển dịch vụ du lịch ...			
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	< 8%	Năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của xã trên 28%; Theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, hằng năm tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 5-6%, như vậy đến năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn còn trên 15%.	Chưa đạt	Xây dựng kế hoạch giảm nghèo cụ thể, chỉ tiết tới từng bản,ông hộ, có phương án tư vấn, hỗ trợ các hộ nghèo thoát nghèo; vận động các hộ đủ điều kiện đăng ký thoát nghèo; phân đầu mỗi năm giảm 10-12% hộ nghèo.			
		12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥75%	Tổng số lao động trên địa bàn xã 3.500 lao động, trong đó: Số lao động qua đào tạo là 2.345 lao động, chiếm 75%.	Đạt	Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia các lớp đào tạo nghề ngắn hạn và dài hạn, nâng cao chất lượng lao động cho người dân trên địa bàn.			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu theo Quyết định 1285/QĐ-UBND tỉnh	Hiện trạng	Kết quả đánh giá	Giải pháp thực hiện	Nhu cầu vốn		
							Tổng	Vốn đã giao giải đoạn 2021 - 2025	Nhu cầu vốn
12	Lao động	12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥25%	Tổng số lao động qua đào tạo trên địa bàn xã 2.345 lao động, trong đó: Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 600 lao động, chiếm 25 %	Đạt	Tiếp tục chỉ đạo UBND xã phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề trong và ngoài huyện tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn;			
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	≥30%	Hiện tại trên địa bàn có trên 91% người lao động làm việc trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp	Đạt	Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân chuyển đổi cơ cấu sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng lao động.			
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 1	Hiện trên địa bàn xã 1 hợp tác xã	Đạt				
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	≥ 1 sản phẩm	Xã có 3 sản phẩm OCOP	Đạt				
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 01 mô hình	Có	Đạt				
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để được hiển truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	≥ 1 sản phẩm	Có	Đạt				
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	≥ 10%	Có	Đạt				
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mô vùng	≥ 1 sản phẩm	Có	Đạt				
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội	Đạt	Chưa có	Chưa đạt	Xây dựng chuyên mục du lịch của xã trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện hoặc website riêng quảng bá du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội. Thông tin về các điểm du lịch của xã được thường xuyên cập nhật trên chuyên mục du lịch hoặc website du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã nhằm mạng xã hội theo hướng dẫn số 1714/HĐ-SVHTTDL ngày 06/10/2022			
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥ 01 mô hình	Có	Đạt				
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế và được quản lý sức khỏe 5226/ 5236 người đạt 96%	Đạt	Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân ở hai bản Cốc Phang và Hạng phong tích cực tham gia BHYT, vận động người dân bản Cốc Phang sử dụng nguồn dịch vụ môi trường rừng để tham gia BHYT, phấn đấu cuối năm 2023 đạt >95%;			
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	Xã có 87 % dân số được quản lý sức khỏe	Chưa đạt	Chỉ đạo trạm y tế xã tăng cường công tác theo dõi và quản lý sức khỏe người dân thông qua các kênh trực tiếp và gián tiếp			
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥40%	Xã chưa có người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Chưa đạt	Tổ chức tập huấn cài đặt và sử dụng phần mềm VNTP Heatl cho cán bộ, công chức, viên chức xã, phân công cho các thành viên đã được tập huấn thực hiện tuyên truyền, vận động và hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng phần mềm; chỉ đạo trạm y tế xã quản lý và sử dụng phần mềm hiệu quả, phấn đấu hết năm 2023 trên 40% dân số được quản lý sức khỏe điện tử.			
		14.4. Tỷ lệ dân số có số khám chữa bệnh điện tử	≥70%	Tỷ lệ dân số có số khám chữa bệnh điện tử 89,9% (4823/5365)	Đạt				
15	Hành chính	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Hiện tại, hệ thống một cửa và một cửa liên thông của xã đã ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết 77 thủ tục hành chính trong đó mức 2 là 32 thủ tục, mức 3 là 11 thủ tục, mức 4 là 14 thủ tục. Hệ thống cơ sở bộ phận 1 của cơ... Máy tính, ...máy in, 01 scan, ... camera, mạng; thực hiện thanh toán trực tuyến; chứng chỉ tin học đối với cán bộ một cửa, tỷ lệ số hóa hồ sơ theo HD số 522/HĐ-STTTT ngày 24/3/2023	Đạt	Tiếp tục chỉ đạo khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống dịch vụ công trực tuyến			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu theo Quyết định 1285/QĐ-UBND tỉnh	Hiện trạng	Kết quả đánh giá	Giải pháp thực hiện	Nhu cầu vốn		
							Tổng	Vốn đã giao giải đoạn 2021 - 2025	Nhu cầu vốn
	công	15.2. Cơ chế vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Hiện tại số 01 thủ tục hành chính công trực tuyến mức độ 3 và 14 thủ tục hành chính mức độ 4	Đạt	Tiếp tục chỉ đạo nâng số dịch vụ công trực tuyến ở các cấp độ 3 và 4, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đến liên hệ công tác và giải quyết thủ tục hành chính			
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Từ năm 2020 đến nay, việc giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định, sẽ không có khiếu nại vượt cấp về giải quyết các thủ tục hành chính	Đạt	Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân chấp hành các quy định của pháp luật; làm tốt công tác hòa giải cơ sở, kịp thời làm mát và giải quyết triệt để các tình huống phát sinh tại cơ sở, không để trường hợp khiếu kiện, khiếu nại vượt cấp xảy ra.			
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Cơ sở hình thức hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥1	Xã có 01 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở do các tổ chức đoàn thể xã tổ chức, vận hành hoạt động hiệu quả	Đạt	Tiếp tục duy trì và vận hành hiệu quả mô hình phổ biến giáo dục pháp luật ở cơ sở; tuyên truyền, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo trong cộng đồng			
		16.2. Tỷ lệ mùa thu hoạch, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	≥90%	Thiêng nại, trên 90 % các mùa thu hoạch, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được xã tổ chức hòa giải thành	Đạt	tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác hòa giải cơ sở			
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	Hiện tại, 100% người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý nên địa được tiếp cận và trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	Đạt	Làm tốt công tác tuyên truyền về quyền lợi hỗ trợ pháp lý cho người dân; hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ pháp lý khi cần thiết.			
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường	Đạt	Các hộ kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường	Đạt				
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Tỷ lệ 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Đạt				
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥80%	80 % tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt				
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥15%	Hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	Đạt				
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	Các hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	Đạt				
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100% chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	Tiếp tục hợp đồng với tổ hợp tác thu gom rác thải trên khu trung tâm xã và thu gom xử lý tại các lò đốt rác thải tại các bản	200	100	100
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	80 % chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	Đạt				
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥75%	75 % cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	Đạt				
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	có 14 Nghĩa trang đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân chấp hành tốt việc chôn cất người chết đúng nơi quy định; tiếp tục chỉ đạo quy hoạch, chỉnh trang lại các nghĩa trang nhân dân, đảm bảo vệ sinh môi trường, phù hợp với phong tục tập quán của người dân trong việc an táng người chết.			
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥5%	đo phong tục tập quán và thu nhập của người dân trên địa bàn thấp. Vì vậy tỷ lệ người dân sử dụng hình thức hỏa táng chỉ tập trung vào một bộ phận nhỏ người dân thuộc bản Hưng Phụng (dân tộc Kinh)	Chưa đạt	Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, vận động người dân sử dụng các hình thức hỏa táng cho người chết.			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí thành phần	Chỉ tiêu theo Quyết định 1285/QĐ-UBND tỉnh	Hiện trạng	Kết quả đánh giá	Giải pháp thực hiện	Nhu cầu vốn			
							Tổng	Vốn đã giao giai đoạn 2021 - 2025	Nhu cầu vốn	
		17.11. Đai cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥ 4m ² /người	Toàn xã có 2000 cây xanh - Đa đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên các tuyến đường liên bản và nội bản, đạt 3,8m ² /người	Chưa đạt	Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tích cực trồng và chăm sóc cây xanh tại các tuyến đường liên bản, liên xã, đường nội bản. Phát động đợt trồng cây trong đoàn viên, hội viên và người dân. (trong trên 500 cây xanh tại các tuyến đường liên bản và khu vực công cộng)	150		150	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%	50% Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	Đạt					
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Xã không thuộc khu vực III	≥35%	0% Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Chưa đạt	Đầu tư xây dựng 4 công trình nước sinh hoạt tại bản Cò Nọc Mông, Nậm Phác, Nà Khay, Phông Hoi	2.906	2.906	1.000
			Xã khu vực III	≥25%		Đạt				
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	Xã không thuộc khu vực III	≥60 lít	Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm trên địa bàn xã 60 lít	Đạt				
			Xã khu vực III	≥40 lít		Đạt				
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Xã không thuộc khu vực III	≥25%	50% Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Đạt				
			Xã khu vực III	≥20%						
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	Đạt					
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Hiện trạng: trong những năm qua, không có ca, vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra trên địa bàn xã	Đạt	Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền vận động người dân chấp hành tốt các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, các bếp ăn tập thể, không để xảy ra các sự cố về VSATTP.				
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	≥100%	100% cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	Đạt					
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥80%	75% hộ gia đình có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	Chưa đạt	Tuyên truyền vận động người dân quan tâm xây dựng nhà tắm, nhà vệ sinh đảm bảo yêu cầu; phối hợp với NECSXH huyện tạo điều kiện cho người dân vay vốn chương trình NS&VSMT để xây nhà tắm, nhà vệ sinh; giao các đốc BCH phụ trách chỉ bộ				
18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	1 bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn chưa đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt							
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt		Đạt	Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng chức năng phối hợp MTTQ, các đoàn thể tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người dân; phát động sâu rộng phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc. Tiếp tục duy động các nguồn xã hội hóa để lắp đặt thêm hệ thống camera an ninh; Chỉ đạo lực lượng công an xã và công an viên thôn bản tăng cường tuần tra, kiểm soát địa bàn, đảm bảo tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.				
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội); bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Có mô hình camera an ninh, trong những năm qua không có vụ cháy nổ nào xảy ra trên địa bàn.	Đạt					